

80
INDO-CHINOIS

2337



DÔNG-DU'ÔNG TÙNG-THU'

DẶNG-VĂN-HÌNH **CHỦ-NHIỆM :** **TRƯƠNG-ANH-TỰ**

Nghị-Viện Nước Pháp

DẶNG - VĂN - HÌNH

BIÊN



DÔNG-DƯƠNG TÙNG-THU'

(61, phố hàng Dẫy)

Xuất - bản

LOẠI A

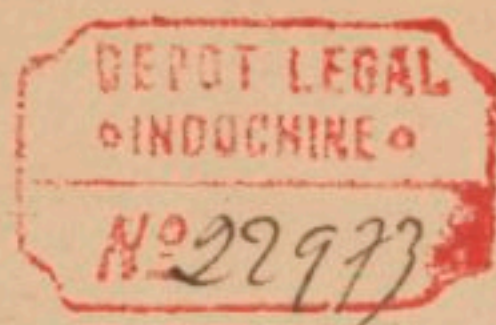
Quyển thứ nhất

GIÁ 0\$30

Đông-Dương tùng-thư
theo đuổi một cái mục-
đích rất chân-chính :
cống-hiến những sách
có ích cho đồng-bào cả
Đông-Dương cùng đọc.



*Các bạn nên cổ-động cho
Đông-Dương Tùng - Thư
và những sách của Tùng-
thư in ra ; vì như thế tức
là giúp ích cho sự truyền-
bá tư-tưởng, học-thuật ở
===== nước ta vậy =====*



NGHỊ - VIỆN NÚ'Ó'C PHÁP

ĐẶNG - VĂN - HÌNH

BIÊN

80 Indoch
2337

*Tặng các ông Nghị rộng quyền nói,
rộng quyền làm việc, và sẵn công-tâm
công-đức ở xã-hội Việt-Nam ta sau này.*

Đ. V. H.

Mày lời của Đông-Dương từng- thư trịnh-trọng ngỏ cùng anh em chị em trong nước

Thưa các anh em chị em,

Gần đây có một điều mà anh em chị em chúng ta cùng nhận thấy, là lòng người nước ta đã có thay đổi, có người nói là đã « giác-ngộ » nhiều. Nhưng nếu cứ tĩnh-tâm mà xét cho kỹ, thì chúng tôi thiết tưởng sự thay đổi đó, cái về giác ngộ đó, dầu có đáng mừng thật, song cũng chưa đáng mừng được là bao nhiêu. Vì đã thay đổi, cần thay đổi cho phải đường và cho đến nơi đến chốn; nếu không thì cái ích lợi về sự thay đổi tưởng cũng chẳng đáng bàn đến làm gì.

Đọc đến đây, tất có người sẽ bảo chúng tôi : « Phải tuân tự mà tiến chứ ! quý hồ có thay đổi là đáng mừng rồi. Muốn đến nơi đến chốn ngay sao được » ! Chúng tôi xin trả lời rằng : « Vẫn biết vội-vàng lập-cập quá cũng hỏng ; nhưng cái thời buổi bây giờ là cái thời buổi cần nhanh chóng làm đầu, chậm một ngày là chúng ta còn phải chịu thua-thiệt một ngày vậy.

Chúng tôi nói sự thay đổi đây là cốt chú-trọng về phương-diện tinh-thần trí-thức. Bất cứ người nước nào, muốn tiến nhanh về phương-diện đó, cũng cần phải trông vào sự giáo-dục quần chúng làm gốc. Suốt thế-giới, chưa thấy một nước nào chỉ chăm-chăm ỷ-lại vào một số người rất ít-ỏi trong nước, đã đổ bằng nọ bằng kia. Họ thừa hiểu rằng : nếu đại-đa-số quốc-dân còn tối-tăm mờ-mịt, ù-ù cạc-cạc, chẳng biết nghĩa-vụ là những gì, quyền-lợi là những gì, thì dầu có một ít người thông-thạo sáng-suốt, đổ-đặt đến gì ra chẳng nữa, nước cũng hãy còn là kém-cỏi ươn-hèn.

Ta thử nom qua tình-hình hai nước láng giềng của ta : nước Tàu và nước Nhật, nhất là nước Nhật. Sở dĩ họ tiến, họ « văn-minh » được một cách nhanh-chóng như vậy là

vì họ rất chú-trọng đến quần-chúng, họ rất lưu-tâm săn-sóc đến việc giáo-dục quần-chúng, không một giờ một phút nào họ sao-những việc đó, vì họ hiểu rằng **việc giáo-dục quần-chúng là việc rất cần cấp, trễ-biếng việc gì còn được chứ trễ biếng việc đó không xong.** Cho nên, mỗi người dân nước họ, sau khi du-học thành-tài, trở về nơi quê-hương, lại hết lòng gắng sức đem những cái sở-đắc của mình giúp vào việc giáo-dục anh em bà con không được học nhiều Họ viết văn, họ làm sách, họ bàn-bạc, họ giảng-dạy. Công thâm-liễm trước đây-dẫn bao nhiêu, sự phát-tán nay càng mạnh-mẽ bấy nhiêu. Số báo-chí, số từng-thư số học-đường của họ rất nhiều và rất đĩnh-dẫn. Bởi đó mà học-thuật tư-tưởng truyền-bá ra trong dân-gian mới chóng phổ-cập và mới có kết-quả mỹ-mãn vậy. Xem người rồi ngẫm đến ta. Số học-sinh Việt-nam ta du học nước ngoài, người ở ba bốn năm, người ở chín mười năm, thành tài về nước kể đã nhiều. Chúng tôi xin cất cao tiếng lên mà hỏi toàn-thể quốc-dân rằng : Trừ giảm bấy người có tim có óc mưu ích chung, biết hy-sinh cái lối sống nhàn thán để gánh-vác chút việc công đảm nhận một vài phần trách-nhiệm ra không kể, còn thì biết bao nhiêu người vẫn dương-dương tự-đắc rằng ta đây tài cao chí cả, giỏi-giang quán-xuyến kể giờ, mà tự-chung đã khởi lên được những ý-kiến gì, đã xưng lên được những lý-thuyết gì, đã gióng-giả lên được những điều gì, đã làm được những công việc gì có thể gọi là thật có ích lợi cho cái hiện-tại và cái tương-lai của đồng bào, của xứ-sở ta chưa ?... Hay là cũng chỉ ung-dung kiếm tiền như mọi người chẳng được xuất-dương du-học, chẳng được học đến bậc nọ bậc kia bao giờ ?... Đáng buồn và đáng tiếc thay!.. Đáng buồn vì xưa nay quốc - dân hoan-hô những tri-thức đó và tin-nhiệm ở những người đó là nhường nào ! mà nếu cứ đìu-hiu quanh-quê mãi thế này thì rút cục, mong mỗi hoài vẫn không thấy gì, quốc-dân đến phải thất-vọng. Cái hi-vọng trước lớn như thế thì cái thất vọng rồi đây to đến thế nào ? !... Đáng tiếc vì với

những tài-năng trí-thức ấy, mà không làm được việc gì cho xứng đáng, chẳng qua chỉ kiếm ít lương bổng rồi sống một cách loanh quanh !... Trong khi đó thì một số anh em bà con ta chẳng được học tới bậc đại-học trung-học bao giờ, ngay đến mấy lớp bậc tiểu-học có khi cũng chưa qua hết, thế mà biết cố-công cùng-sức, đảm-đang tháo-vát, nỗ-lực trong chốn công-nghệ thương-trường, đấu chí cùng sự thất-bại, thi gan với nỗi khó khăn, nguy xoay làm an, nghèo biến nên giàu, mở-mang kinh-doanh, lừng-lẫy phấn-trấn, trong sự ganh đua với người nước ngoài để chiếm lấy ít nhiều quyền lợi, thường khi phải mưu-đồ trù-tính nhiều việc lớn lao. Viết đến đây chúng tôi không khỏi sinh ra vô cùng cảm-khái và rất khen-nợ những người học ít mà hành nhiều ; trái lại, cũng như chín-mười-chín phần trăm số bà con trong nước, chúng tôi phải lấy làm lạ rằng cái nghị-lực suy xét, cái kiến-thức, cái chí-lực, cái sức làm việc có thể rất đặng-đột hăng-hái của một số người thông-minh tài-tuấn kia, không hiểu định để làm gì mà đến nỗi học nhiều hành ít. Định để theo đuổi những cái mục-đích cao-xa quá, khiến chúng ta không thể biết tới được chăng ??.. Hạng trên thì như thế ; còn hạng dưới thì sao ? Mặc dầu Chính-phủ đã hết sức mở mang việc học trong nước ta, mặc dầu cái tinh hiếu học của dân ta, vậy mà còn biết bao nhiều người không có được lấy một chút phổ-thông trí-thức nào, vì không được học. Cái nạn thất-học quả là cái nạn nguy-hiểm thứ nhất, nó khiến cho một nước phải vật vờ, khật-khưỡng, mờ-mịt, chẳng hiểu đâu vào với đâu, sống cũng như chết, có cũng như không, chẳng còn hòng nhờ dựa vào lẽ gì để hay lên được nữa. Thật là một cái thảm trạng đáng cho ta đề ý gấp trăm gấp ngàn những thảm-trạng gây ra bởi đói-kém, bởi ngập-lụt, bởi cháy nhà ! Ai là người còn có lấy đôi chút tâm-huyết, còn có mắt nom tai nghe, mà nhận thấy sự tình như vậy, tất không tài nào khỏi sầu não đau đớn trong lòng

Chẳng khi nào chúng ta có thể ngờ được rằng nước Pháp

không sẵn lòng dạy-dỗ cho các dân-tộc nhỏ kém, nhất là cho nước ta. Nếu nước Pháp chẳng vui lòng dìu-dắt ta, khai-hóa cho ta, đâu ta có ngày nay, đâu ta đã đến được cái trình-độ tri-thức này. Song le, quãng đường đã đi được rồi là một việc, mà quãng đường còn ở trước mặt, chưa đi, lại là một việc. Xưa nay, những ông tướng mới thắng được một trận đầu đã vội khinh chiến, nằm ngủ lười một giấc, không nghĩ đến nhiều trận sau này, đều là những ông tướng không giữ toàn tinh-mệnh. Dầu Chính-phủ vẫn nghĩ đến việc học của chúng ta, dầu mỗi ngày anh em chị em ta, hoặc xuất-dương du-học, hoặc là học lên tới các khoa ở bậc đại-học một nhiều, mà nếu cái tình-hình chung nó vẫn quanh quẩn như ngày nay, thì hẳn là trước sau vẫn có một điều mà chúng ta đã nhận thấy và sẽ nhận thấy mãi-mãi : là đại-đa-số người trong nước, thất học vẫn hoàn thất-học, mịt mờ vẫn cứ mịt mờ. Chúng ta rất tin rằng : dầu có đến bao nhiêu trường trung-học, đại-học ở xứ Đông-dương này chẳng nữa, vẫn có một số người rất lớn trong nước, chẳng những không bao giờ được theo học tại các trường đó, mà lại còn u-mê đến nỗi không hiểu rằng trong các trường đó giảng dạy những gì.

Sự thế đã như vậy, ta còn không trông cậy ở sách-vở báo-chi thì còn biết trông cậy vào đâu bây giờ ? Dùng sách-vở báo-chi để dạy những người có thể ngày ngày đến học ở nhà trường, đó là một việc hay. Dùng sách vở báo chí để dạy những người quanh năm suốt đời không thể đến học được ở một trường nào, đó mới là việc hay hơn nhiều nữa. Về báo chí thì chúng ta đã nom thấy một vài điều đáng mừng, và sau những điều đáng mừng đó, ta hãy còn nuôi nhiều hi-vọng. Đến như sách vở, thì dầu chúng ta là người lạc-quan đến đâu chẳng nữa cũng phải sinh ra âm thầm lo nghĩ, rồi hóa ra phiền muộn bức rọc vô cùng.

Chính-phủ đã từng nghĩ đến và vẫn hằng nghĩ đến việc làm sách dạy ta ; song, cái bồn phận của chính-phủ đối với

dân ta, nào phải là chỉ có một việc ấy mà thôi đâu. Có lẽ chính phủ cho rằng : còn nhiều việc khác cần hơn, quan trọng hơn việc làm sách để dạy anh em chị em ta, để giáo-hóa quần-chúng nước ta, cho nên đầu sách đã có in ra, đầu tiên tiêu về việc đó đã thấy nhiều mà chúng ta vẫn chưa có sách để đọc. Chúng ta dám nói hẳn ngay là chưa có sách, chứ không nói rằng chưa có sách hay vì đến sách thường còn chưa có, huống hồ là sách hay. Nhưng ta hãy bình tâm mà xét cho kỹ. Chính-phủ làm ra hoặc in ra một ít sách, có ý tỏ cho ta biết rằng ta phải nên tự ta khuyên bảo nhau, tự ta hiệp với nhau, gom tìm góp óc mà làm thêm vào, chứ đừng hoàn-toàn trông mong ở chính-phủ. Khốn thay ! cái việc rủ nhau làm sách để xem với nhau có lẽ là một việc chúng ta ít để ý đến hơn cả. Viết đến đây, chúng tôi không quên rằng xưa rầy, trong bọn anh em chị em chúng ta, đã có nhiều người ra làm việc đó ; chúng tôi cũng không quên mấy cái tùng thư, mấy cái thư xã rải rác trong nước ta, đã in ra được ít nhiều sách về học thuật tư tưởng, về kinh-tế, chính-trị v. v. Song le, lấy một ít sách đó đem so với số người đang cần đọc sách và số người đang muốn đọc sách ở nước ta, thì ta thấy cái số sách hãy còn là ít quá, chưa có thể gọi được là đã phổ cập trong dân gian. Lại đem những điều đã nói trong các sách đó ra mà so với những điều một số rất đông người nước ta còn chưa biết đến thì ta lại thấy rằng công việc đó mới gọi là bắt đầu làm chứ chưa phải rằng đã làm rồi. Thí-dụ như : nước ta học chữ Hán, ít nhất cũng có bao nhiêu lâu rồi mà còn biết bao nhiêu người chưa hiểu văn-hóa đời xưa ra sao, ông Không, ông Mạnh, dạy những điều gì, chủ-trương những học-thuyết gì, v. v. Trực tiếp với ông thầy Pháp, theo học thẳng chữ Pháp, kể cũng đã mấy chục năm trời nay, mà người nước ta còn có tới bao nhiêu chưa biết Montaigne, Descartes, Pascal, Montesquieu, Voltaire, Rousseau v. v. là ai, giá có muốn đọc một vài tác-phẩm rất có tiếng và ảnh hưởng lớn lao của những nhà đại-tư-tưởng ấy như Contrat social,

L'Esprit des lois chẳng hạn, thì có lẽ phải tìm hàng tháng mà chưa chắc đã thấy được bản dịch cũ-kỹ Dân-vớ-c-luận hay là Vạn-pháp tinh-lý đăng trong các báo hồi mười mấy năm trước, mà lại dịch theo bản của người Tàu. Ôi ! dầu là người ít liêm-sỉ đến đâu chẳng nữa, mỗi khi nghĩ đến những điều đó cũng phải thấm thía rõ. lấy làm xấu hổ vậy. Việc đó mà chẳng xấu-hổ thì còn xấu hổ việc nào ? Năm nay là năm 1937 rồi, mà nhiều người không am-hiểu tiếng Pháp, mỗi khi muốn xem những cuốn sách rất có giá-trị như trên kia vừa nói, còn phải đi lục bản dịch theo sách Tàu như vậy, thì hỏi rằng **liêm sỉ bọn tây-học chúng ta để đâu ? ?** Đau lòng quá. Lại một điều đáng buồn và khiến ta đau lòng hơn nữa, là ngay đến trong số những người đã học qua bậc Trung-học và đại học, phần nhiều cũng không hiểu thế nào là tinh thần, văn hóa nước Pháp. Giả có ai hỏi thì tất họ trả lời rằng : tinh-thần, văn-hóa nước Pháp ở cả trong mười cuốn luận-thuyết, mấy chục bộ tiểu-thuyết hay là vài trăm bài thi-ca của các nhà văn-hào. Thế rồi họ đọc ngay mấy đoạn văn đã từng nhai đi nhai lại mãi ở nhà trường và lại ngâm luôn mấy câu thơ về loại tình-cảm của Musset, Vigny, Lamartine, Hugo, Leconte de Lisle, Verlaine, Mallarmé, Valéry, Claudel, v. v.. Nhưng họ có biết đâu rằng đó chỉ là một mặt của cái tinh-thần văn-hóa kia mà thôi. Còn bao nhiêu mặt khác ta cần phải biết hơn nữa, mà ta không chịu biết. Xem tiểu-thuyết của Benjamin Constant mà không biết cái tài của Benjamin Constant ở ngoài viện dân-cử thế nào ; đọc truyện của Chateaubriand viết mà không biết Chateaubriand khi ở trên diễn-đàn nói năng những gì ; ngâm thơ của Lamartine, của Hugo mà không rõ Lamartine, Hugo tham-dự vào việc nước ra làm sao, những bài diễn văn tình-hồn hoặc đọc hoặc ứng-khẩu trong viện để bênh vực mọi quyền lợi của dân chúng đã làm sôi nổi dư-luận những thế nào v v... Chẳng những thế, suốt một thế-kỷ thứ XIX (hãy nói về cái thế-kỷ gần đời chúng ta nhất, và trong đó chúng ta nhận

thấy sử sách ghi nhiều việc giao-thiệp giữa hai nước Pháp, Nam) và hơn 30 năm ở đầu thế kỷ thứ XX này, còn biết bao nhiêu việc đáng cho chúng ta chú ý hơn là mấy bài thơ hoặc mấy cuốn tiểu thuyết, bao nhiêu sự thay đổi về chính-trị, về ngoại giao, về khoa-học v.v. rất quan-hệ. Lấy một vài cái thí dụ như những vụ kiện về việc Baudin, việc Panama, việc kênh Suez, việc Dreyfus v.v. lại như gần đây, việc Sarajevo, việc Oustric, việc Stavisky v.v... Biết bao nhiêu người nước ta, xưa nay vẫn mạo nhận là nhà học-giả, là bậc xem rộng biết nhiều, để dân chúng tin là hằng lưu-tâm đến lịch-sử, đến thời-cực, mà chắc đâu đã hiểu rằng Pháp-quốc đệ-tam Cộng-hòa vì đâu mà thành lập, những câu Gambetta dùng để biện-hộ cho Delescluze, chủ bút báo *Le Réveil*, có ảnh hưởng sâu xa đến thế nào v.v... những cuộc tranh-luận tại nghị-trường của Röyer-Collard, Foy, Périer, Guizot, Berryer, Thiers, Waldeck-Rousseau, Jaurès, Poincaré, Clémenceau Viviani, Briand (đấy là chưa kể nhiều người còn sống) và tư tưởng của những nhà ấy đối với các vấn-đề kinh-tế, chính-trị và dân-sinh v.v. như thế nào ; lại như những điều giao-ước của các nước, những sự vận động ngầm ngấm, những sự ném đá giấu tay trên sân khấu quốc-tế ra làm sao ? ? v. v

Chúng tôi vẫn biết : Cổ lai văn-chương vẫn là văn-chương, không cần phải dính dáng đến mọi vấn-đề xã-hội, kinh-tế, v. v. Song đứng trước cái tình-hình nghiêm-trọng của nước ta ngày nay, nào nạn thất-học, nào nạn không có phương-pháp mà học, nào nạn học nhiều mà thất-nghiệp, nào nạn đói kém, nào nạn không biết phương-hướng mà đi, ngay đến trong bọn thanh-niên trí-thức chúng ta, cũng còn nhiều người lăm đường lạc nẻo, nhân-tâm sao-suyến, trên dưới hình như chẳng ai biết trông cậy vào ai để mưu sự hạnh-phúc chung, lẽ nào chúng ta cứ chịu yên phận làm những con mọt sách, lẽ nào chúng ta có thể tĩnh-tâm ngồi mà ngâm thơ đọc truyện, hoặc là tranh-

luận với nhau về những vấn-đề thật không đáng đem ra tranh luận trong cái giờ này chút nào.

Đây là nói sơ về phương-diện văn-chương tư-tưởng ; còn như về khoa-học thì phần nhiều người nước ta còn chưa hiểu một chút gì : tàu thủy, xe lửa, ô-tô v. v... làm sao mà chạy được, tàu bay làm sao mà bay được, máy hát làm sao mà nói được như tiếng người, thế nào là cơ khí, thế nào là chớp bóng câm, chớp bóng nói, thế nào là vô tuyến-điện ; đi qua trước một cửa hàng, thấy những cách quảng-cáo bằng điện, xanh-xanh đỏ-đỏ, lấp-la lấp-lánh, còn biết bao nhiêu người không hiểu đầu đuôi ra làm sao mà sinh ra thế. Trong khi đại đa số người mình còn bần-khoăn không hiểu tới những điều đó thì ở các nước, người ta đã dùng điện để truyền ảnh đi xa (télévision), để sai khiến máy móc ở ngoài nghìn vạn dặm (télé mécanique), dùng một cách rất thường. Như vậy thì tài nào chúng ta chẳng phải tự nhận rằng ta so với người, quả là ta còn kém hèn thấp thỏi. Đến như về kinh-tế chính-trị, trên kia vừa mới nói qua về sức hiểu biết của hạng tri-thức là như thế, nay xét đến hạng bình-dân, tuy có đọc báo-chí, nhưng còn biết bao nhiêu người chưa hiểu thế nào là quyền lập-pháp, quyền hành-chính, quyền tư-pháp, thế nào là liên-đoàn nghiệp-đoàn, thế nào là hội Vạn-quốc liên-minh, thế nào là tòa Vạn-quốc pháp-đình, thế nào là sở Quốc-tế lao-động, thế nào là các chủ nghĩa đã từng làm sôi-nổi hoàn-cầu, v. v.

Trong khi một số rất nhiều người nước ta, già có trẻ có, cao có thấp có, đang ngày đêm mong đợi những sách có ích mà đọc, mà cho con em đọc, chúng ta chỉ thấy một thứ sách « văn-chương chơi » in ra, rồi, nào hô-hào, nào cổ-động, thật là ầm-ỹ cả trong nước. Có lẽ mấy người dụng tâm in thứ văn-chương phù-phiếm kia, vì quá hám lợi mà quên mất cái nghĩa-vụ thứ nhất của người đã tình nguyện nhận lấy cái trọng-trách đáng kính là in sách để đồng-bào đọc. Chúng tôi không dám coi thường văn-chương, coi thường nghệ-thuật ; trái lại, mỗi khi nhắc đến những chữ ấy, chúng

tôi vẫn phải kinh-cần, lòng kinh cần thật quả do tự trong bụng mà ra Chẳng có văn-chương thì lấy đâu làm cao-thượng tao-nhã, mấy lúc mà hóa ra cục-súc thô-lỗ, còn gì là vẻ tử tế hân hoi. Song, dễ thường vì người nước ta ham chuộng văn-chương quá, mà thành ra lại có người định tâm lợi-dụng cái tình ham chuộng đó. Nhiều câu chuyện, nhiều quyển sách, thật ra chẳng văn-chương chút nào, miễn là người in nó ra reo to lên mấy câu rằng : « Đây, văn chương đây ! » mọi người lập tức tranh nhau mua đọc. Chúng tôi thiết tưởng : đến ngay như những sách văn-chương chân-chính (bất cứ viết bằng tiếng gì), thật đáng mọi người công nhận là văn chương, đối với các nước không nói làm chi, chứ riêng đối với nước ta, một khi đã ở xứ ta, những sách đó cũng còn nên phải biết phận mình, chẳng nên nghênh ngang cho lắm, vì còn phải nhường chỗ cho các sách về đạo đức, luân-lý, về chính trị, kinh-lễ, xã-hội, về khoa-học và khoa-học thực hành, về triết lý, về lịch-xử. Đây là nói ngay những áng văn-chương mà lời lẽ đứng đắn, tư-tưởng trong trẻo ; phương chi là loại văn tầm bậy, tư tưởng tạp nhạp, lời lẽ lỏng bong **Tóm lại, nước ta ngày nay, văn-học dầu đang cần, nhưng khoa-học, triết-học còn cần hơn nhiều nữa.**

Hiện nay, có một hạng người, họ không hiểu rằng một số lớn anh em chị em chúng ta, vì chưa sẵn có sách hay và sách đứng đắn, nên mới đọc tạm những sách vớ vẩn tào phào ; bởi họ không hiểu nên họ mới khinh nhờn chúng ta, coi chúng ta như đã mất cả trí phán-đoán suy xét rồi vậy. Chẳng có thể, sao họ dám đem những truyện xấu xa như nhuộm, thương luân bại lý, nhiều truyện quái gở huyền hoặc, kiếm hiệp kiếm tiên, cùng là những cảnh ử-tê tê-tái, những tình-tự nửa đời nửa đoạn, in ra rồi phao ầm mĩ lên rằng : « Văn-chương đây ! ! Văn-chương đây ! ! ! » Cốt bản chạy tay kiếm lợi. Nếu muốn kiếm lợi, có nhiều nghề buôn khác lợi nhiều hơn. Nếu lại cố ý kiếm lợi trong nghề xuất-bản sách, thiết tưởng còn nhiều thứ sách, in ra lợi

chẳng kém gì, mà còn danh chính ngôn thuận nữa Anh em chúng ta rất đáng lo điều này : nếu cái nạn sách, truyện nhảm-nhí kia, chúng ta không gắng mà trừ đi được thì rồi sau đây, mười năm, hai mươi năm, cái hại về tinh-thần của người nước ta, của con em chúng ta sẽ lớn đến thế nào.

Bây giờ, một đảng muốn có thêm nhiều sách hay và đúng đắn để chúng ta cùng đọc, một đảng muốn trừ-khử cái nạn sách bâng khuâng vơ vẩn, nó dễ khiến con người ta sinh ra chán nản khiếp nhược rồi hóa ra rũ rời bần thần, chúng tôi không dám chần vờn, xin lập một tùng-thư, lấy tên là « Đông-dương », mục đích là **công hiến những sách có ích cho đồng-bào cả Đông-dương cùng đọc.**

Đông-dương tùng-thư chia ra làm 3 loại, vừa sách soạn vừa sách dịch.

Loại A có những sách nói về chính-trị, về kinh-tế, về các chủ nghĩa, học-thuyết, chế-độ, những sự kiến thiết, cách tổ-chức và hành-động của các đảng phái, các cơ-quan chính-trị, kinh-tế v. v. ở bên Pháp và ở ngoại quốc ;

Loại B có những sách về khoa-học, về nông-công-thương, về cơ-khí, về điện-khí v. v... các công nghệ, sự giao-dịch, nhà ngân-hàng v. v...

Loại C có những sách cho nhi-đồng và những sách về văn-chương, triết-lý, thi ca, phê bình, phóng sự, đời của các danh-nhân, tư tưởng và diễn-văn của các tay chính-khách đại tài. Những áng văn-chương, những tư tưởng và nhân vật đó, không cứ là ở nước nào, miễn là có tính cách giáo-dục hoặc làm gương được cho ta.

Lúc đầu, những sách đó, chúng tôi in ra, mỗi quyển từ tám mươi đến một trăm năm mươi trang, ra tuần tự, tháng nào cũng có. Sau này, sách có thể ra nhanh hơn, mỗi loại tháng ra đôi ba quyển.

Rồi đây, chúng tôi sẽ in ra những sách dày hàng 2, 3 trăm trang, kê cứu công phu về các ngành khoa-học, như y-học, luật-học, sử-học, toán-học, vật-lý-học, hóa-học, cơ-khí-học và điện-học thực-hành v. v... cùng là các sách khảo về chính-trị, kinh-tế v. v. Chúng tôi sẽ dịch suốt những áng danh-văn Trung-quốc và Âu-Mỹ, cùng là những sách về tư-tưởng, triết-lý v. v... **khiến**

cho người nước ta sau này. muốn biết hoặc muốn nghiên-cứu một điều gì trong các ngành đó, có thể cứ dùng sách biên bằng tiếng nước ta cũng được.

Việc biên soạn những sách đó, chúng tôi còn mong ở những bậc cao-minh vui lòng giúp sức cho. Nếu anh em chị em đã cùng với chúng tôi nhận thấy rằng bao giờ nước ta cũng vẫn có một số rất lớn những người không biết qua lấy một câu tiếng Pháp, hoặc là không được học chữ Pháp cho đến nơi mà vẫn đang ngày đêm khao-khát muốn học, muốn biết, và nếu anh em chị em lại thấy cổ kẻ bảo chúng ta rằng : « Rõ khéo về chuyện ! sách in bằng tiếng Pháp đã đủ, hà tất gì phải dịch ra tiếng ta, đó là một việc thừa », tất anh em chị em sẽ cười kẻ đó nói mà không nghĩ, và chính cái câu kẻ đó nói là thừa vậy.

In sách ra như thế mới là một việc, còn một việc khó hơn là làm thế nào cho người mình biết dùng được những điều nói trong sách đó. Chúng tôi sẽ có dịp lên tiếng thỉnh những bậc có chân-tài thực-học, xin phép Chính-phủ, lập ra những « bình-dân học-xá » (universités populaires) như ở bên Pháp, trước còn ở trong các tỉnh lớn, sau lập cả ở các tỉnh nhỏ, đem ngay những điều có thể giảng dạy được, biên trong các sách đó ra mà giảng, giảng bằng tiếng Việt-nam ta. Chúng tôi thiết tưởng việc đó là một việc rất hợp thời, rất bổ ích cho mọi người và sẽ có kết quả rất mỹ mãn. Chúng tôi tin chắc rằng không khi nào Chính phủ lại có ý ngăn ngại, định làm khó dễ hay là cấm chúng ta làm những việc đó ; vì, trước sau Chính phủ vẫn cần có những cơ quan của anh em chị em chúng ta lập nên mà có thể giúp được chính phủ một vài phần trong công cuộc giáo-hóa. Và chẳng, cái việc chúng ta làm đây chẳng những đã là việc rất quang minh chính đại, lại còn ứng vào sự nhu-cần của xã hội ta.

Chúng tôi sở dĩ từ trước đến nay vẫn trì-trì do-dự là vì biết mình tuổi còn trẻ, tiền còn ít, thành thử trong mấy năm trời cứ ngăn-ngại mà ngày ngày trông ngóng ở các bậc đàn anh, tuổi cao tiền sẵn, học-lực già, trí thức rộng, kinh-nghiệm lịch-duyet đầy đủ ; nhưng mong hết ngày ấy sang tháng khác, càng mong càng thấy có vẻ thờ-ơ. Nhất là ít lâu gần đây, cái vẻ lãnh đạm thờ-ơ đó lại càng thấy tăng lên hơn nữa. Nay nhân trào-lưu có thay đổi, khá thêm lên được ít nhiều, cho nên dấu vẫn biết rằng

việc in những sách đó và lập những học-xá đó là một việc hết sức lớn lao, cần phải toàn thể quốc-dân hoan-nghênh và tán-trợ, mà chúng tôi cũng cứ đánh bạo ra, không dám nói là cáng-đáng hoặc giống giả, nhưng mà chỉ là trình bày ý-kiến lúc đầu và hãy cứ xin thử bắt tay vào việc, lâm-thời đứng chủ-trương, chẳng quản tài hèn sức mọn, làm được đến đâu xin hết lòng gắng sức đến đấy. Mong rằng anh em chị em trong nước, ai có thể giúp được về phương diện gì (hoặc là ý kiến, hoặc là sách vở tài-liệu, hoặc là tiền nong) và sẵn lòng giúp cho, chúng tôi xin chân thành cảm tạ. Từng-thư ra đều đều được một đạo, chúng tôi sẽ in ra hạng sách khoa-học, triết-lý, dày hai ba trăm trang như đã nói trên kia, viết bằng một thứ văn chỉnh mà nôm na dễ hiểu, quyền nào có tính cách khảo cứu cũng cố khiến cho nhẹ nhõm dễ xem chứ không bẻ vẹo nặng nề ra điều ta đây khảo-cứu. Thật là một công cuộc khó khăn, cần nhiều lực lượng, anh em chúng tôi lúc này mấy người cùng nhau hợp tác, tự biết là còn thiếu nhiều tài sức, cho nên rất mong ở anh em chị em trong nước. Ý kiến và công việc của chúng tôi mà được anh em chị em đề ý đến, tán thành, khuyến khích và chỉ bảo thêm cho (ở xa xin biên thư ; ở gần, chúng tôi xin tiếp ngay tại tòa soạn của từng-thư) thì chầy kíp lo gì chúng ta không cùng nhau đạt được mục đích. Ngồi thì lâu chứ đi thì chóng, chúng tôi rất hy-vọng ở tấm lòng sốt-sắng và sức tán-trợ của toàn-thể anh em chị em. Chúng tôi lại rất ước-ao rằng sau đây ít lâu sẽ có nhiều bậc đủ tài, đủ lực hơn chúng tôi sẵn lòng ra chủ trương những công việc ích-chung đó. Sở dĩ chúng tôi dám đường-đột mà trình bày ý-kiến bằng những lời lẽ này, là vì chúng ta hiện nay đang ở vào một thời-kỳ khúc khuỷu gay-go mà cái tình hình thì thật là nghiêm-trọng và khẩn-cấp ; nghiêm-trọng là vì có nhiều sự rất nguy-hiêm, rất tai-hại nó đang vây bọc lấy cái tinh-thần của nhân-dân nước ta ; khẩn-cấp vì lúc này chúng ta không làm, còn đợi lúc nào ? Trong khi người các nước ở chung quanh ta đang khuyến khích nhau, đang giảng-dạy cho nhau các ngành khoa-học cao-xa, luyện cho nhau cái chí quả quyết phấn-đấu, cái nghị-lực hành-động, lẽ nào chúng ta cứ ngồi ử-rữ đọc mấy cuốn truyện lãng nhãng dờ-dẫn, lẽ nào chúng ta cứ để cho con em trong nhà trong họ say-mê cái thứ văn-chương « thuốc độc » rồi đâm ra lóng-lao

cần-rõ, bợm-bãi điểm-dàng, bảy bạ hư người chán rồi đến bỏ nhà bỏ cửa ra đi, quá nữa đến liều mình tự-lử ? ! !

Cho nên tiếng là công việc riêng của chúng tôi mà kỳ thực lại chính là công việc chung của toàn thể anh em chị em đó. Ai đã là người có lòng nghĩ đến sự gầy dựng và duy-trì lấy gia đình, ai đã là người có tâm huyết, nghĩ đến tiền-đồ nước nhà, muốn đem những cái hay chân chính mà reo rắc trong xã-hội nước ta để trừ-khử những cái nạn chúng tôi vừa kể trên kia, thiết tưởng nên nhiều ít giúp vào công cuộc này. Chúng tôi phải nói một cách tha thiết như vậy là chỉ mong sao anh em, chị em hiểu cho rằng việc chúng tôi làm đây nó có một cái ý nghĩa ngay thẳng, rộng rãi, ích lợi là nhường nào và rất đáng để anh em chị em chú ý đến.

Xin kết luận rằng : Đông-Dương Tùng-thư sau này mà phát đạt, đi được đến mục đích một cách vẻ vang, có một phần do chỉ quả quyết và gan làm việc của anh em chúng tôi, đó là lẽ cố-nhiên ; nhưng còn một phần lớn hơn nữa là do lòng nhiệt-thành, sự khuyến-khích và công-tâm công-đức của hết thầy anh em chị em vậy.

Tháng Mạnh-Xuân, năm Đinh-Sửu (Février 1937)

ĐÔNG-DƯƠNG TÙNG-THƯ

LÂM-THỜI CHỦ-NHIỆM :

ĐẶNG-VĂN-HÌNH và TRƯƠNG-ANH-TỰ

TÒA TRỊ-SỰ VÀ TÒA SOẠN :

61, Phố hàng Dẫy (Rue Duvillier)

HANOI

**Trong năm 1937, Đông-Dương tùng-thư
sẽ xuất-bản những sách sau này :**

- 1.) Gambetta với sự thành-lập đệ tam Cộng-hòa Pháp.
- 2.) Muốn thành-công trên đường đời, thanh-niên cần phải có những đức-tính gì.
- 3.) Những nhà văn-hào Pháp làm việc thế nào. Nhà làm báo và nhà viết tiểu-thuyết.
- 4.) Ý-kiến của các danh-nhân đối với những vấn-đề quan trọng như : phụ-nữ, thanh-niên, giáo-dục, tự-do ngôn-luân, lao-động, dân quê, bãi-công, rượu, thuốc-phiện, tội khỗ sai chung-thân, tội xử-tử v v...
- 5.) Tu tâm luyện trí (sức mạnh của tinh-thần)
- 6.) Hội Vạn-quốc liên-minh.
- 7.) Các nhóm chính-trị bên Pháp.
- 8.) Mấy vụ kiện to-tát về chính trị văn chương phong tục, v. v...
- 9.) Báo chí.
- 10.) Đời và tài-năng sự-nghiệp của các danh-nhân trên trường chính-trị, doanh-nghiệp, và trong văn-học, triết-học, khoa-học giới.

(Không tất-nhiên phải theo đúng thứ-tự trên đây).

Mỗi quyển dày từ 80 đến 300 trang, in đẹp. giá bán từ 0\$30 đến 0\$80. Thỉnh thoảng Tùng-thư còn in ra những cuốn sách chừng hai ba chục trang, bán 0\$10, nói về thời-cực và những thời-bệnh ở xã hội ta. Anh em chị em trong nước, ai có lòng mến cái tôn chỉ của Tùng-thư và muốn giúp sức cho Tùng-thư thêm vững vàng, nên mua năm những sách kể trên. Tùng-thư xin tính một giá riêng là 4\$00 mười quyển, và xin biếu thêm những sách xuất bản bất thường (giá 0\$10). Mua năm, xin trả tiền trước.

Thơ từ và mandat. xin đề cho : M. Trương-Anh-Tự, số 61, phố hàng Đầy (Rue Duvillier), Hanoi.

NGHỊ - VIỆN NƯỚC PHÁP

Sách này tuy nhan-đề là « *Nghị-viện nước Pháp* » nhưng chúng tôi thiết-tưởng nên nói riêng về Hạ-nghị-viện trước ; vì những ông « *Nghị* » ở « *viện* » đó là do dân-chúng bầu thẳng lên (bởi thế nên vẫn gọi là Thứ-dân nghị-viện), vả chẳng sự tổ-chức và mọi cách-thức làm việc của viện đó, ta cần biết trước khi biết tới Thượng-nghị-viện.

Trong sách này, chúng tôi không nói về hiến-pháp và các luật lập-hiến, cũng không chú-trọng vào sự biên-chế pháp-luật, nhưng chỉ cốt gom góp một ít những điều lặt-vặt có dính dáng đến sự xếp-đặt và cách làm việc của Hạ-nghị-viện mà thôi. Chúng tôi nghĩ rằng : hiện nay, nếu các độc-giả muốn biết rõ nguyên-lý về chính-trị nước Pháp, tất còn phải tra-cứu trong các sách biên bằng chữ Pháp ; nhược bằng chỉ muốn biết qua loa về ba quyền : lập-pháp, hành-chính và tư-pháp ra làm sao, có thể cứ coi bộ « *Chính-trị nước Pháp* » Nam-Phong tùng-thư in ra mấy năm trước đây cũng đủ.

Đồng-Dương tùng-thư sẽ xuất-bản một quyển sách nói rất rõ-ràng về « *Chính-trị nước Pháp* », sau khi đã in một quyển nói riêng về Thượng-nghị-Viện.

I

Trong quyển « *Nhà chính-trị* » của ông Louis Bartheu, có một đoạn viết rằng :

« *Điện Bourbon* (nơi Hạ-nghị-viện họp) là một thế-giới, có lắm lối đi dài rộng đưa ta đến rất nhiều những phòng làm việc, mỗi phòng dùng vào một việc riêng, tuy đã có đề trên cửa mà hãy còn giữ vẻ bí-mật đối với người lạ mới bước chân tới. Phải lâu ngày mới có thể nhận được đường đi lối lại trong đó và mới quen sự ra vào. Thật là một cái nhà máy rất rộng, nom bề ngoài thì khách qua đường ai cũng cho là yên-tĩnh, thế mà bên trong thì huyền-náo vô cùng. Cái bộ máy nghị-viện đó đã không gây một đơn-giản thêm thì chớ, lại cứ thấy lớn thêm và rối rít thêm, khiến cho những người đã thông thuộc như tôi cũng không thể chắc rằng đã biết rõ được các bộ-phận bên

trong, và còn sợ rằng vấp-vấp phải những sự không ngờ. Những người trẻ-trung mới chân ướt chân ráo vào đó thì không biết còn bỡ-ngỡ đến đâu. »

Thật có như vậy. Những câu ông Barthou viết, đúng cả về nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Trên một khu đất rộng gần bốn mẫu tây, điện Bourbon xừng-xững. Năm cửa lớn ra vào, hàng ba chục cầu thang, nhà máy điện đặt ngay dưới hầm, cung sức điện cho hàng bảy ngàn ngọn đèn. Sổ đồng-hồ treo trong các phòng có tới ngót hai trăm chiếc.

Số người làm trong điện gần bốn trăm. Viên kiến-trúc-sư trông nom điện lúc nào cũng bận. Rất nhiều xưởng thợ, làm việc luôn luôn ; nào thợ may, thợ giặt, thợ đóng bàn, ghế, tủ, và làm những đồ bài-trí, thợ vẽ, thợ mộc, thợ chữa khóa, thợ điện, thợ làm chì, thợ máy hơi, thợ nạo ống khói, v.v... Ngoài ra còn những « kíp » chuyên đưa thư-tín, chuyên chữa cháy, chuyên sửa-sang vườn hoa và các lối đi.

Vì những bài tường-thuật phải in rất nhanh, nên trong điện Bourbon cũng có cả nhà in, in chữ riêng một nơi, in thạch-bản riêng một nơi.

Nếu ta đã nhận thấy sự xếp-đặt là như thế thì câu ông Barthou viết : « Điện Bourbon là một thế-giới » không lấy gì làm quá đáng cho lắm.

Nhiều người Pháp sinh-trưởng ở ngay Paris cũng còn không hiểu trong điện thế nào, và không ngờ rằng rộng-rãi ngăn-nấp đến thế, nhiều buồng nhiều việc đến thế. Thí-dụ : Một người muốn tìm ông nghị X để hỏi việc riêng. Người đó biên vào một tờ giấy xin yết kiến. Đã có một viên thừa-phát-lại giữ việc đó, đóng lên trên tờ giấy kia một con dấu chỉ rõ lúc đó là mấy giờ rồi giao cho một « bé-con » đi tìm ông nghị X.

Nếu ông nghị tha-thần ở các lối đi (cu-loa) hay là ngồi ở trong phòng hội-dồng thì tìm còn dễ. Lắm khi tìm thật là khó nhọc mà vẫn chẳng thấy đâu. Bé-con nghe nói ông Nghị X đang làm việc ở một tiền-ban họp trong phòng nọ chẳng hạn, ba chân bốn cẳng chạy đến thì ông X đã ra, sang phòng điện-thoại, đoạn lại sang thư-viện, về phòng hội-dồng, lại ra, đến phòng quản-lý, sang phòng lưu-trữ công-văn, phòng làm biên-bản, phòng giải-khát, phòng gửi thư-tín, phòng hút thuốc lá,

phòng cạo mặt, phòng cất súng đạn, phòng thay áo, v.v... Bé-con cứ luôn chân chạy theo, mà theo mãi vẫn chưa tìm thấy, vì hỏi được đến phòng nào thì ông X vừa ở phòng ấy ra. Lắm khi hàng giờ đồng-hồ mà vẫn không được việc, đành phải trả lại người ngồi đợi tờ giấy kia, sau khi thêm vào đó mấy chữ : « Không biết ông Nghị ở đâu. » Có lần trên tờ giấy đó thấy một câu : « Bạn làm việc ở ủy-ban », hoặc « Không thể bỏ phòng hội-dồng được », hoặc « Không có ở Paris », hoặc « Ông Nghị đang ở trên diễn-đàn ».

Nhiều khi chính ông Nghị này đi tìm ông Nghị nọ suốt buổi mà vẫn không thấy. Trước khi khai hội-dồng, rõ-ràng có nom thấy mà sau không biết vào đâu. Mà chỉ quanh trong viện !

Nhiều ông Nghị, lúc cần bỏ phòng hội-dồng ra ngoài có việc, thường hay dặn viên thừa-phát-lại rằng mình đến chỗ nào. Nhưng cũng lắm ông chẳng dặn bao giờ, sau nghe thuật lại sự đi tìm mình hàng mấy tiếng đồng-hồ mà không gặp thì nổi nóng, quên mất rằng chính mình đã mấy phen rảo chân chạy theo bạn đồng-viện mà rút cục vẫn uổng công.

Một câu chuyện vặt về sự đi tìm ông Nghị, hơi có vẻ buồn cười : Một bà viết giấy xin gặp ông Nghị N là chồng bà. Bé-con chạy đi, tìm thấy ông Nghị N ngay. Vừa về đến chỗ ngồi, bé-con lại thấy một bà nữa muốn gặp ông N., lại cũng là chồng bà. Nhanh như cái cắt, bé-con đã chạy tới lối đi mà ông Nghị N phải qua để vào phòng khách ; nó đợi ở đó để báo cho ông ta biết rằng nếu ông bước chân vào trong phòng khách thì có sự chẳng lành cho ông ; nó tả qua cho ông ta nghe hình-dạng hai bà kia. Thế rồi suốt ngày hôm ấy, cứ « Bạn làm việc ở ủy-ban » hoài.

Đã biết qua về cái phòng khách ngồi để đợi các ông Nghị là như thế, ta đi dạo một lượt, qua dinh ông Viện-trưởng, phòng khánh-hội, một dãy phòng khách, một buồng để riêng những tấm thảm treo tường rất quý-giá, quý-giá đến nỗi trong hội chiến-tranh viện đã phải cho chạy sang các tỉnh lân-cận.

Đoạn, ta qua một phòng tròn mà rộng, có chỗ bày thuốc-lá và những xì-gà vẫn gọi là xì-gà « Nguyễn-lão nghị-viên » và xì-gà « Thử-dân nghị-viên » để các ông Nghị soi. Quanh đó, nhiều cầu thang đưa lên những bàn ghế dành riêng cho các báo ở Paris, báo ở các quận, báo ngoại-quốc, bàn ghế nào của

những báo nào đã có đề rõ ; lại có cầu thang đưa lên phòng giải-khát của các nhà báo, lên nhiều phòng điện-tín riêng.

Có nhiều người không hiểu rằng làm thế nào để phân biệt được ông Nghị với một người không phải là ông Nghị. Từ năm 1789, nhà nước vẫn cho rằng ông Nghị phải có một bộ y-phục riêng, một cái « các » và một tấm huy-chương, cho nên bất cứ ở Thượng hay Hạ-nghị-viện, mỗi ông Nghị được một tấm huy-chương bằng bạc. Huy-chương đó, bỏ vào trong một cái túi, giao đến tay các ông Nghị sau khi được bầu lên. Dấu hiệu của ông Nghị gồm có một hình vẽ bó gậy (*tức là Cộng-Hòa*) trên cùng có bàn tay công-lý, một chiếc băng tam-lai có quả gạo vàng và một tấm huy-chương.

Nói tiếp trên kia. Từ gian phòng tròn và rộng, có nhiều cầu thang đó sang gian phòng « đi bách bộ » ở ngay bên cạnh, sự đi lại đã thấy khó. Có mấy viên thừa-phát-lại đứng ngăn ở đó. Muốn qua thì phải tỏ cho họ biết rằng mình là Nghị-viên hoặc là nhà báo. Những viên Quận-trưởng cũng qua lại được. Nhân tiện nên nói luôn rằng : Những ông Nguyên-lão nghị-viên đi lại trong điện Bourbon tự-nhiên, cũng như những ông Thử-dân nghị-viên được tự do qua lại trong điện Luxembourg (*nơi Thượng-nghị-viện họp*).

Trong phòng này có nhiều bàn đề riêng cho các hãng thông tin lớn (*như Havas, Fournier, v. v...*). Những viên phóng-sự nhà báo, người thì ngồi ở ghế riêng thảo bài tường-thuật, người thì chạy lăng-xăng ngoài lối đi, thăm dư-luận, người thì len-lỏi trong đám đông, cũng là đi tìm thêm tin hay, người thì đón các ông Nghị đi qua phòng bách-bộ, khẽ hỏi xin một vài tin kín-đáo. Tóm lại là báo nào cũng muốn có nhiều tin hay trước nhất. Những câu hỏi của nhà báo, phần nhiều là những câu : « Ủy-ban ấy, Ủy-ban nọ đã làm xong những việc gì rồi ? » — « Bản dự-án luật X, ai sẽ làm ủy-viên báo-cáo ? » — « Bao giờ mới sẽ đem ra tranh-luận bản dự-án luật N ? » — « Theo ý ngài thì cuộc chất-vấn của ông Y, ông Z. v. v. có thể nguy-hiểm cho nội-các được không ? » v. v...

Một đảng thì các ông Nghị cũng cần phải mượn sức báo, cho nên lắm khi tự ông Nghị đi tìm nhà báo để thông tin cho hay rằng : « Tôi làm việc ở ủy-ban X ». — « Ủy-ban B đã làm xong những việc này... » — « Tôi đã được làm báo-cáo ủy-viên

bản dự-án luật ấy luật nọ ». — « Đảng hoặc « nhóm » tôi đã ứng đề tôi ra ứng-cử chức thư-ký hay là chức quản-lý ». — « Trong cuộc tranh-luận về vấn-đề ấy vấn-đề nọ, tôi sẽ lên diễn-đàn ». v. v...

Từ phòng » bách-bộ », ta sang phòng nói chuyện, còn gọi là phòng Bốn-cột. Phòng này chỉ là nơi ai nấy đi qua mà thôi, tự hồ một ngã năm ngã sáu, ăn thông với nhiều đường. Đứng đó nom ra chung quanh, nhận thấy sự quang-dãng rộng-rãi, có vườn hoa xinh-đẹp tươi-tốt. Buồng làm việc của bộ thư-ký biên-tập cũng ở đây. Có một tấm bia đá hoa ghi tên mười-bảy ông Nghị mất trong hồi đại-chiến 1914-1918.

Bộ thư-ký biên-tập chuyên việc làm bài tường-thuật ; hội-đồng họp và làm việc đến đâu, bộ này thảo bài và cho in đến đấy, in xong phát cho các ông Nghị và cho các nhà báo mỗi người một bản để giúp cho sự làm việc thêm dễ-dàng. Nhất là nhà báo cần có bản này lắm, vì nhiều khi trong phòng hội-đồng ồn-ào quá, những ông Nghị lần lượt lên diễn-đàn nói đại-khái những gì, nhà báo ngồi ở ghế riêng nghe không rõ.

Đi khỏi phòng biên-tập, đến phòng tốc-ký. Buồng giấy viên chủ-sự riêng, buồng làm việc của những viên tốc-ký chỉ chuyên đọc lại và sửa riêng, buồng làm việc của những viên tốc-ký chỉ chuyên chép và dịch riêng ; liền ngay bên cạnh là buồng đặt những ống hơi để chuyển bài tường-thuật sang nhà in Đại-Pháp Quan-báo. Trong hai phút đồng-hồ, bài đã chạy từ Viện đến nhà in. Sau này sẽ nói rõ vì có gì lại phải dùng nhiều thư-ký viết-tắt và phải gửi bài nhanh như vậy.

Đối-diện với sở tốc-ký là sở điện-thoại. Có rất nhiều buồng nhỏ, lúc nào cũng sẵn-sàng để thông tin với các tỉnh, các quận, các xã trong nước. Nhiều ông Nghị làm thị-trưởng các nơi, ngày nào cũng phải dùng điện-thoại báo tin về tỉnh mình. Rồi nào là những sự hẹn riêng với nhau ở đâu, nào là xin biên tên vào bảng những khách mà các ông Tổng-trưởng, Thứ-trưởng hay Giám-đốc các ty các sở sẽ tiếp vào ngày ấy ngày nọ, nào là dặn giữ chỗ trên xe lửa tốc-hành cho các ông nghị về quận mình, huyện mình để dự vào một cuộc diễn-thuyết, một bữa tiệc trọng, một buổi họp hội-đồng thành-phố, một lễ phát phần thưởng, một lễ khánh-thành bức tượng kỷ-công ai đó, v.v..

Đi khỏi dãy phòng làm việc của các ông Tổng-trưởng và hai

phòng chủ-sự nữa, đến một phòng rất xinh-xắn và sáng-sủa, để ai muốn hút thuốc thì vào. Trước hội đại-chiến, ai ở ngoài lối đi, chỉ được hút thuốc-lá và xì-gà mà thôi ; ai hút điếu phải vào phòng đó, đã có đủ báo-chí, có tủ sách riêng, có tủ rượu, tủ nước đá v. v... Bây giờ lệ cấm bỏ đi, các ông nghị đứng đâu ngồi đâu cũng hút điếu, hút ở ngoài lối đi, hút ở trong phòng làm việc của các tiểu-ban, ủy-ban. Rồi một ngày kia có lẽ còn hút cả ở phòng hội-đồng, ở thư-viện !

Ta đi qua ba phòng giấy của ba viên quản-lý, nhận thấy nhiều công-việc phụ-thuộc vào đó, mỗi việc có buồng riêng ; phòng thầy thuốc của viện, phòng rộng để các ông Nghị nghỉ-ngơi, phòng dịch những thơ-từ giấy-má của Nghị-viện các nước gửi đến, bao nhiêu phòng nữa để các ủy-ban làm việc. Hãy nói riêng một ủy-ban xét việc tài-chính đã phải dùng đến mấy phòng lớn, mỗi phòng có đủ đồ-dùng, vì ủy-ban phải làm việc luôn luôn, ngày nào cũng như ngày nào, vụ hè cũng không nghỉ.

Những lối đi đưa ta qua chừng ấy phòng là những lối đi rất dài, kể tất cả có tới mấy ngàn thước, quặt đặng nọ chán rồi lại quẹo đặng kia, ngang-dọc rối-rít, khó nhận khó nhớ đến nỗi lắm khi thấy những ông Nghị già, đã từng xông-xáo trong viện hàng ba-mươi năm trời mà cũng còn lạc lối. Câu ông Barthou viết trên kia, kể cũng không ngoa. Đọc lối đi, kê toàn tử áo. Hai ông Nghị dùng chung một tủ. Vì có hơn sáu trăm ông Nghị nên phải dùng tới hơn ba trăm tủ. Trên mỗi tủ có đề tên hai ông Nghị. Trong tủ có hai cái mắc áo và hai ngăn nhỏ, đề tên riêng từng ông. Hàng ngày có những giấy má gì, người làm trong viện cứ việc để trên ngăn đó. Có khi chỉ từ sáng đến tối, trên ngăn đã thấy hàng tập dày các giấy má thơ-từ.

Ta vào nom qua mấy cái phòng bài-trí đẹp, gọi là phòng Eugène Delacroix, phòng Abel de Pujol, phòng Casimir-Périer, và phòng diễn-thuyết. Cửa phòng Delacroix và cửa phòng Abel de Pujol nom thẳng sang hai cửa vào phòng hội-đồng. Phòng Casimir-Périer hình chữ nhật ở giữa hai phòng trên. Đầu phòng có một tích về hồi khởi cách-mệnh, hầu-tước Dreux-Brézé vâng lệnh vua Louis thứ 16 đến giải-tán viện dân-biểu, bị ông Mirabeau (là một ông trong số những ông dân-biểu đang bàn-bạc tại đó) đứng dậy cất to tiếng quát cho một chập, cuối cùng có câu rằng :

« Ông hãy về mà bảo chủ ông rằng : chúng tôi vì lòng dân nên mới họp nhau ở đây, và chỉ có sức gươm-giáo mới có thể khiến được chúng tôi ra khỏi nơi này ».

Trên kia đã có nói qua về phòng « đi bách-bộ ». Phòng hội-dồng ở giữa, phòng đi bách-bộ một bên, phòng diễn-thuyết (vừa nói trên đây) một bên. Đó là một nơi rất tiện cho các ông Nghị nói chuyện với nhau, viết thư, và xem báo. Đủ cả các tờ báo lớn ở Paris, ở các tỉnh và ở ngoại-quốc bày trên các bàn.

Thường khi chúng ta xem báo ta, báo tây, thấy chữ « lối đi » (couloir), trong những câu như : « Ông X có cái biệt-tài về sự vận-động ở trong các lối đi », hoặc : « Việc ấy việc nọ xảy ra ở trong các lối đi », cùng là « Trong các lối đi, người ta nhận thấy sự cảm-động » v. v. « Lối đi » đó chính là trong những phòng này. Bà con mình đọc báo, nhiều người không hiểu chữ « couloir » đó, cứ yên trí là « lối đi » theo nghĩa hẹp thường dùng.

Trong những « lối đi » này, thời thì đủ cả, chẳng còn thiếu chuyện gì, hay có dở có, thật cũng lắm mà giả cũng nhiều, thiên hình vạn trạng, không biết đâu mà lường được.

Bây giờ ta vào xem trong phòng hội-dồng.

Phòng hội-dồng, lúc đầu chỉ cốt dùng làm chỗ cho 300 ông Nghị ngồi ; bây giờ lên tới trên sáu trăm, thành ra chật quá ; các ông Nghị muốn viết-lách gì cũng không được. Thường thấy có khi đang giữa cuộc tranh-luận mà lắm ông Nghị bỏ ra, sang những phòng bên hoặc lại thư-viện, đó phần nhiều cũng bởi không đủ chỗ để ngồi làm việc ngay ở ghế.

Mỗi ông Nghị có chỗ ngồi riêng. Dưới ngăn bàn, có một hộp đựng phiếu trắng và phiếu xanh, có in tên họ ông Nghị, thay mặt cho quận nào, huyện nào. Khi nào không tỏ ý bằng lối giơ tay, cần tỏ ý bằng phiếu, đã có những viên thừa-phát-lại cầm hòm phiếu đi một lượt ; các ông Nghị chỉ việc bỏ phiếu vào hòm. Thuận thì bỏ phiếu trắng, không thuận thì bỏ phiếu xanh.

Các hòm phiếu đó đem đồ cả ra những cái « giỏ », đặt ở hai bên chỗ ông Viện-trưởng ngồi. Những viên thư-ký của viện xếp đứng những lá phiếu vào trong những cái hộp nhiều ngăn, mỗi ngăn chứa được hoặc 25, hoặc 50, hoặc 100 lá phiếu. Vì phiếu làm bằng giấy bồi vừa dày vừa cứng nên việc xếp việc kiểm rất dễ. Chẳng có thể, hàng sáu trăm lá phiếu mà lắm khi

chỉ mười phút sau khi rốc phiếu ra kiểm, ông Viện-trưởng đã tuyên-bố được kết-quả của cuộc đầu-phiếu.

Khi số phiếu « thuận » và số phiếu « không thuận » chỉ chênh nhau độ vài chục, hoặc là khi có một ông Tổng-trưởng hay là chính ông Viện-trưởng khởi lên vấn-đề tín-nhiệm hoặc không tín-nhiệm thì việc kiểm-soát phiếu mới làm rất cần thận. Khi thấy số phiếu nhiều hơn số những ông Nghị có mặt tại phòng hội-đồng, phiếu cũng phải đem ra soát lại, quả nhiên có ông Nghị bỏ những mấy phiếu ; có ông Nghị bỏ lăm phiếu vào hòm, định bỏ phiếu xanh lại lăm ra phiếu trắng, khi nhận thấy sự lăm-lỡ ấy rồi, bèn vội-vã bỏ thêm hai phiếu khác nữa vào hòm để « tiêu-hủy » lá phiếu thứ nhất đi. Sự sửa-chữa như vậy, hay làm vào sau buổi hội-đồng và làm ở trong phòng lập biên-bản ; vì hôm sau thẻ nào cũng phải đăng lên Quan-báo (còn gọi là Công-báo) và phải đề rõ rằng những ông nào bỏ phiếu thuận, những ông nào bỏ phiếu không thuận, những ông nào không bỏ phiếu, những ông nào vắng mặt trong khi đầu-phiếu.

Khi ông Viện-trưởng tỏ ý cần phải soát lại phiếu cần-thận (đánh dấu phiếu), việc đó đem sang một phòng làm ngay, chỉ nửa giờ đồng hồ là xong. Thường-thường thì hội-đồng tạm nghỉ trong quãng thì giờ đó. Nhưng cũng có khi cứ làm việc như thường, chỉ có những viên thư-ký của Viện phải sang phòng soát phiếu mà thôi. Hồi trước, thỉnh-thoảng còn có một cuộc đầu-phiếu ở diễn-đàn, và gọi tên từng ông Nghị một lên bỏ phiếu. Mỗi ông Nghị đi lên đến diễn-đàn, có người thư-ký đứng về phía tay trái đưa cho một viên tròn (gọi là viên tròn để kiểm-soát), ông Nghị bỏ phiếu vào hòm phiếu đặt trên diễn-đàn xong thì đến bỏ cái viên tròn kia vào trong một cái giỏ để về phía tay phải, trên cái bàn của những thư-ký ngồi. Gần ngay bên hòm phiếu cũng có một viên thư-ký đứng trông coi. Lúc soát phiếu, số phiếu trong hòm phải đúng với số những viên tròn trong giỏ mới được. Từ năm 1915 trở đi, trong Viện đã có hòm phiếu đặt máy, mỗi lá phiếu bỏ vào là có máy in số ngay, một đảng thì đã có viên thư-ký biên tên những ông Nghị lên bỏ phiếu.

Mỗi viên thừa-phát-lại trong phòng hội-đồng phải nhớ rõ phần việc mình, « khu » mình trông nom, có những ông Nghị nào ; vì trong buổi họp hội-đồng, thường hay có nhiều giấy-má,

thư-từ, điện-tín, giấy xin yết-kiến v. v. đưa đến, phải biết rõ chỗ ngồi của từng ông một để chuyển những giấy-má kia đến tay các ông ấy ngay.

Trong khi tranh-luận, những viên tốc-ký không nhận rõ được những ông Nghị nào cứ ngồi ở chỗ mình mà nói lên, chực ngắt lời ông Nghị đang ở trên diễn-đàn, cứ việc chờ hết lượt mình chép rồi đến hỏi viên thừa-phát-lại ở những « khu » ấy.

Hai ghế (ghế dài) kê ngay ở đầu là chỗ các quan tổng - trưởng ngồi. Ghế thứ ba, về phía tay phải là chỗ của các ủy - viên và của báo - cáo - viên sắp đem hoặc đã đem một bản dự-án luật hay là dự-cảo luật ra trình-bày trước Viện. Những dãy ghế về phía sau cứ thoai-thoải cao mãi lên. (Có thể lấy diễn-đàn trường Đại-học Hà-nội làm thí-dụ để các bạn coi sách dễ hiểu. Những dãy bàn ghế trong nghị-viện đại khái cũng kê cao từng bậc lên như thế, khác một điều là phòng hội-đồng của Viện rộng hơn diễn-đàn trường Đại-học nhiều, và những dãy ghế kê thành hình già bán-nguyệt). Trên cùng còn hai tầng gác, tầng hạ và tầng thượng.

Đối diện với ghế ông Viện-trưởng (ghế này cũng cao, cao hơn diễn-đàn) là tầng hạ, có một dãy ba chục chỗ ngồi, dành riêng cho bộ ngoại-giao. Về phía tay phải là nơi dành cho ông Chánh Viện-trưởng (nghĩa là bà con hoặc kẻ quen người thuộc của ông có thể tới đó ngồi), có hai chục chỗ ; hai chục chỗ nữa cho các ông Chủ-báo và các Tham-chính-viên ; mười-sáu chỗ cho những ông Phó-viện-trưởng và thư-ký của Viện ; mười-tám chỗ cho những viên quản-lý ; hai-mươi chỗ cho viên quận-trưởng quận Seine và những Hội-viên thành-phố ; hai-mươi chỗ cho những ông Nghị mãn-khóa rồi và những ông Nguyên-lão nghị-viên ; bốn-mươi chỗ cho công-chúng. Về phía tay trái cũng có ngót sáu-mươi chỗ cho công-chúng, còn thì dành cho những ông Tổng-trưởng (hai-mươi chỗ), quan Giám-quốc (mười-chín chỗ), những thư-ký của Viện (hai-mươi-mốt chỗ), những đại-tướng, trung-tướng trong ngạch binh (mười-lăm chỗ), còn hơn bốn-chục chỗ lại cho công-chúng nốt.

Tầng thượng cũng chia làm hai bên. Bên tay phải có chỗ ngồi riêng cho các viên Chủ-bút các báo ở Paris, báo ở các tỉnh

báo ngoại-quốc, các viên sĩ-quan. Phía tay trái có chỗ của những nhân-viên làm tại các phòng chủ-sự (bureaux) (trong Viện có mười-một phòng chủ-sự tất cả), còn thì cũng lại để cho công-chúng.

Tuy nói là để cho công-chúng, nhưng không phải là bạ ai cũng có thể tự-do vào đó mà ngồi được. Phải xin « các », mà « các » thường chỉ dùng được trong một buổi họp. Có khi trước mỗi buổi họp đã có một bản kê rõ rằng những chỗ ngồi ở từng hạ đã dành cho từ ông X đến ông N, những chỗ ngồi ở từng thượng đã dành cho từ ông Y đến ông Z. Còn bao nhiêu chỗ bỏ không, viên chủ-sự coi việc soạn chỗ mới phát « các » cho công-chúng, nhưng đợi khai hội-đồng rồi mới phát. Xem thế đủ rõ không phải chỉ có một hạng công-chúng mà thôi.

Trong các bạn coi sách, tất có người lấy làm lạ rằng quan Giám-Quốc không có quyền vào trong hai Viện (*Thượng và Hạ*), thế mà sao lại còn dành cho ngài những hai-mươi chỗ. Nhưng các bạn nên hiểu rằng không phải là dành cho chính ngài, mà là dành cho những người mà ngài muốn để cho vào nghe, vào xem. (Những chỗ dành cho các quan-chức kể trên kia cũng vậy).

Phòng hội-đồng tuy không có cửa sổ, nhưng vì phía trên bằng kính nên cũng đủ sáng. Đêm đã có hàng tám trăm ngọn đèn chiếu xuống, sức sáng chẳng kém ban ngày là bao nhiêu. Có nhiều ông Nghị lão-luyện, đã từng đi thăm các Nghị-trường ngoại-quốc về, nói rằng phòng hội-đồng của Hạ-Nghị-viện chỉ được cái rằng sáng-sủa một chút, chứ còn chỗ ngồi thì chật-chội quá, cứ phải chen-chúc nhau. (*Phòng có 467 thước vuông tất cả*).

Đã mấy lần dự-định xây lại phòng hội-đồng. Nhưng xét ra việc đó phải tính số triệu nên lại thôi. Có nhiều ông Nghị nói rằng : sở-dĩ thỉnh-thoảng có những điều bất-mãn xảy ra trong Viện, một phần nguyên-nhân bởi sự chật-hẹp của phòng hội-đồng mà ra.

Sau ghế ông Viện-trưởng là chỗ ngồi viên Tổng-thư-ký của ông. Phía tay trái ông Viện-trưởng (*thấp hơn ghế ông*) là chỗ của những viên Chủ-sự các phòng và của viên Tổng-thư-ký bộ biên-tập. Phía tay phải ông Viện-trưởng là chỗ ngồi viên Trưởng ban tốc-ký. Trước mặt ông Viện-trưởng (*thấp hơn ghế ông*),

là diễn-dàn. Trước diễn-dàn là chỗ của những viên thư-ký trong bộ biên-tập, ngồi thảo biên-bản buổi họp. Bên tay trái diễn-dàn là chỗ những viên tốc-ký đứng mà chép; bên tay phải là những viên tốc-ký chuyên việc soát và sửa lại bản những viên kia chép.

Bây giờ ta xem họ làm những bài tường-thuật suốt buổi họp để đăng lên Quan-báo thế nào.

Ban tốc-ký trong Viện có : một viên Chánh-trưởng-ban, một viên Phó-trưởng-ban, tám viên chuyên soát lại, (một viên trong tám viên này sung chức thư-ký của ban), mười-ba viên chuyên việc chép, và bốn viên phụ.

Trên kia vừa nói : những viên tốc-ký đứng làm việc ở ngay mấy chiếc bàn, sát ngay với phía dưới diễn-dàn. Về phía tay trái diễn-dàn là những viên cứ thay đổi nhau mà chép; về phía tay phải là những viên cũng chép, nhưng mà chép đề rồi sẽ đem ra so với những bản của người đứng bên kia xem có đúng không. Những viên này cứ cắt lượt nhau đứng chép, mỗi người chép trong mười-lăm phút, xong lại có người khác thay. Những viên chuyên việc chép thì cứ hai phút đồng-hồ lại thay. Đã có một chiếc đồng-hồ riêng, kim xoay đủ một vòng là vừa hết hai phút (một trăm hai-mươi giây).

Tất có nhiều bạn đọc sách không hiểu tại sao lại phải thay đổi nhau và trong cách làm việc sao lại có vẻ cầu-kỳ như thế. Có bạn lại tự hỏi : sao chẳng để một người ngồi chép suốt từ đầu đến cuối buổi họp có được không ?

Một người ngồi chép luôn hàng mấy giờ đồng-hồ là sự rất thường. Từ khi tìm ra lối viết tắt đến nay, vẫn làm việc theo cách ấy. Sở dĩ ở Viện phải làm theo cách-thức vừa nói trên kia, là vì nửa giờ sau khi hội-đồng nghỉ họp, đã phải có bài tường-thuật suốt từ đầu đến cuối buổi họp. Viết lối thường chậm hơn viết tắt từ tám lần đến mười lần, vậy thì phải để từ tám đến mười giờ mới dịch xong một bản viết tắt mất một giờ đồng hồ. (Dịch đây nghĩa là dịch những chữ viết tắt ra chữ thường, chứ không phải dịch tiếng nước nọ ra tiếng nước kia). Nếu chỉ để một viên tốc-ký chép luôn trong ba tiếng đồng hồ, thì viên ấy lại phải ngồi dịch luôn trong ngót ba-mươi tiếng đồng hồ nữa mới xong bài tường-thuật. Vậy thì còn làm thế nào cho bài đó đăng được lên Quan-báo ngay sáng sớm hôm sau ?

Thí dụ một buổi họp :

Ba giờ chiều. Ông Viện-trưởng lên ghế ngồi. Các ông nghị còn chưa vào đủ trong phòng hội-dồng, nhưng mọi nhân viên trong ban tốc-ký, người nào đã ở chỗ nấy.

Ông Viện-trưởng khai buổi họp. Bấy giờ khác nào như mở một cái máy, các bộ-phận rầm-rập chuyển-dộng. Viên tốc-ký đứng chếp, lấy tay ấn vào chiếc đồng hồ một cái cho nó chạy. Kim đồng hồ chạy thì bút của các viên tốc-ký cũng phóng.

Kim chạy gần hết vòng. Viên tốc-ký thứ hai, mắt luôn luôn theo kim, khi thấy nó chỉ đến giây thứ một trăm hai mươi (nghĩa là đúng hai phút), khẽ vỗ vào vai bạn đang chếp một cái, hoặc khẽ nhắc lại một tiếng mà ông Viện-trưởng, hoặc một ông nghị nào đang nói. Bạn chếp đến tiếng ấy thì thôi, mang tờ giấy sang phòng tốc ký để dịch những câu mình vừa mới chếp ra chữ thường. Người kia bắt đầu chếp từ cái tiếng vừa nói trở đi. Hết hai phút, lại có người anh em đến thay. Cứ thế mãi cho đến hết lượt chừng ấy người. Khi người thứ nhất đã dịch xong lại đến đấy đứng chờ để thay người cuối cùng.

Trong khi ấy thì viên tốc-ký thứ nhất chuyên việc soát cũng đứng chếp ở bên kia diễn đàn. Hết mười-lăm phút lại có viên thứ hai đến thay. Sang phòng sửa, đã thấy có bài của bảy viên tốc-ký chếp dịch xong để đó. Xem xong bảy đoạn ấy, còn có thể xem được nửa đoạn của viên thứ tám nữa.

Những viên tốc-ký chuyên việc soát bài làm việc mỗi viên mười-lăm phút ở trong phòng hội-dồng xong, còn được thông-thả soát bài và nghỉ-ngơi suốt tiếng rưỡi đồng hồ, vì còn những sáu người thay đổi nhau. Tuy nói là nghỉ-ngơi, nhưng sự nghỉ-ngơi đó cũng bận; vì sau khi đọc lại một lượt những đoạn dịch của mấy người anh em xong, còn phải xét kỹ xem dịch như thế có thật đúng không, lắm khi tự mình phải tìm một tiếng khác để thay cho một tiếng đã dùng trong câu, hoặc đổi hẳn cả câu lại cho rõ nghĩa, v. v., Thật là một việc khó khăn, vì lời của một người nói ra, bây giờ đem sửa đổi lại, sao cho chỉnh thêm cả về phần ý-kiến, cả về phần mẹo-mực và phép đặt câu. Chúng ta còn lạ gì mà chẳng biết rằng cái thứ văn nói ra (tức là văn ứng-khẩu) nó khác với cái thứ văn ngồi gò-gẫm mà viết là nhường nào. Từ xưa đến nay, số những người ngồi trong phòng mà viết văn thì nhiều, chứ số những người khi ở trên diễn-đàn

nói-năng câu nào ra câu ấy, đúng cả ý-kiến và lời-lẽ, thật hãy còn ít lắm. Nhất là đối với một thứ văn tinh-tế và linh-động như văn Pháp, lại càng thấy khó-khăn. Viên tốc-ký đó lại còn phải thêm vào bài tường-thuật nhiều câu nhiều đoạn, nào là những điều đáng đề ý xảy ra trong buổi họp, nào là những dự-cáo luật, những vấn-đề mà các ông nghị khởi lên, những việc mà Viện phải giải-quyết trong buổi họp, những sự đầu-phiếu quyết-nghị, v, v..; lại phải thêm vào những điều luật ấy điều luật nọ, Viện vừa mới nhắc-nhỏm đến, những câu ông nghị X hoặc ông nghị N ở trên diễn-đàn vừa mới viện ra để chứng-minh cho lời ông nói, nhưng nhiều khi ông chỉ đọc một quãng, rồi bỏ lửng, bây giờ đăng lên Công-báo phải có đầu có đuôi.

Chẳng những thế, lại còn phải khéo biết chêm vào những câu như là : « ồn-ào », « vỗ tay », « phản đối », « kháng nghị » v. v.. và khéo khiến cho những câu ấy có giá-trị. Vì mỗi người chép chỉ chép có hai phút đồng hồ, lắm khi đến bàn đứng chép, đang giữa câu, chẳng còn hiểu rằng câu đó nói gì. Chợt có tiếng la-ó phản đối hoặc là tiếng vỗ tay tán-thành ran lên, người chép cũng không hiểu rõ vì lẽ gì, thành ra không thể biết được cái giá-trị của sự la-ó và của trận vỗ tay. Muốn biết, phải nom hoặc phải nghe những sự, những câu xảy ra, nói ra, trước và sau những cơn la-ó, những cơn vỗ tay ấy. Người chuyên việc soát đứng làm việc mỗi lần hàng mười-lăm phút nên có nom có nghe được nhiều và có hiểu hơn.

Lại nói đến viên tốc-ký sung vào chức thư-ký của ban. Viên này có bàn làm việc ngay trong phòng hội đồng. Chức-vụ của viên đó cũng như chức vụ một viên thư-ký tòa soạn của một tờ báo lớn. Trong buổi và sau buổi họp, viên này phải trông nom về việc giao-thông của ban tốc-ký với các diễn-giả, với phòng thư-ký của ông Viện-trưởng, với ban lập biên-bản, với nhà in Công-báo.

Viên Trưởng ban tốc-ký thì phải có mặt ở trong phòng hội-đồng suốt buổi họp. Những khi có nhiều ông Nghị ở rải-rác trên khắp các ghế nói lên, viên này phải cố biên lấy cho nhiều những câu nói đó, và ghi cả những sự gì mình nom thấy, đáng mọi người đề ý, nào là cái thái-độ của những ông Nghị ở tả, ở hữu, ở giữa thế nào, những sự nhộn-nhạo thế nào, các ông ấy vui thế nào, giận thế nào, điều-cột nhau thế nào, v. v.. Trước

khi ký « bông » cho in bài tường thuật một buổi họp, viên Chánh Trưởng-ban phải đọc cho kỹ để xem còn chỗ nào đáng sửa chữa thì sửa chữa; chỗ nào đáng thêm bớt thì thêm bớt, cho thật đúng với mọi sự đã xảy ra. Làm việc như thế suốt ngày nên cũng mệt. Hôm sau nghỉ, đã có viên Phó trưởng ban thay; hôm sau nữa lại làm, nếu Viện còn họp.

Những ông Nghị nào vừa mới nói ở diễn-đàn xong, về ghế mình ngồi được một lát, nếu mình muốn, đã có bản dịch bài diễn-văn đưa đến tận nơi cho mà xem lại, hoặc có thể sang phòng tốc-ký mà xem. Bản đó, viên tốc-ký soát đã sửa lại cẩn-thận. Nếu muốn xem bài diễn-văn của mình đã sắp thành từng cột thì cứ từ chín giờ tối trở đi, nhà in đã « đập » một bản rồi đưa sang phòng tốc-ký, mình cứ lại đó mà xem cho thật rõ ràng.

Khi hội-đồng còn đang họp, bản thảo ở Viện cũng vẫn cứ gửi bằng ống hơi sang nhà in Công-báo. Ống hơi này từ điện Luxembourg (nơi Thượng-nghị-viện họp) chạy sang điện Bourbon, rồi lại từ điện Bourbon sang nhà in. Thành ra Hạ-nghị-viện chẳng những phải trông-nom việc chuyển những giấy-má bài-vở của mình sang nhà in, mà lại còn phải giúp cả Thượng-nghị-viện việc đó nữa.

Mỗi buổi họp, giấy-má bài-vở có ít đâu. Giá đóng lại thì dày và nặng bằng hai quyển sách lớn; in ra thành hàng sáu chục cột ở Công-báo; thế mà nhiều khi cả hai Viện cùng họp một lúc, bài-vở chuyển đi chuyển lại hàng bao nhiêu lượt mới in được, đủ biết suốt một đêm, giấy má chạy trong ống hơi như thế nào. Nhưng dầu nhiều, dầu nặng, dầu đi lại lạnh-lẹ mặc lòng mà vẫn không xảy ra sự lầm-lẫn bao giờ. Chưa hề thấy có bài tường-thuật buổi họp của Viện nọ lẫn với bài của Viện kia bao giờ. Ta có thể tưởng-tượng được rằng sự lầm-lẫn như thế nó sẽ khiến cho độc-giả Công-báo lấy làm ngạc-nhiên đến thế nào.

Tối đến, từ chín giờ, viên Chánh trưởng-ban hoặc viên Phó cùng với những viên chuyên việc soát họp nhau cả ở trong phòng tốc-ký để xem những bản bài sửa (épreuves) ở nhà in gửi sang. Mỗi viên tốc-ký soát phải đọc đi đọc lại nhiều lần những quăng mình đã đọc và đã soát nội ngày hôm ấy. Những bản đập (placards) phải sửa đến lần thứ hai hoặc lần thứ ba cho thật

kỹ rồi mới chuyển đến viên Trưởng-ban ; viên này lại phải đọc lại suốt từ đầu chí cuối, xét xem mọi điều có hợp với thủ-tục của Viện hay không, tên những người đứng lên ngắt lời diễn-giả và những câu nói ấy có đúng không ; đoạn lại thêm vào những câu : « ồ-ào », « phải lắm », « vỗ tay », « nhộn-nhạo », « mỉm cười » v. v. Thêm vào không phải là dễ, vì cần cho hợp với toàn-thể và có tinh-thần.

Trong khi đó thì viên thư-ký của ban thảo mấy câu nói tóm lại những việc xảy ra trong buổi họp. Những câu đó sẽ in lên đầu bài tường-thuật.

Việc của ban tốc-ký không phải là việc làm lơ-dễnh cầu-thả mà được. Nhiều khi xem đi xét lại mãi đến khuya. Sau khi viên Trưởng-ban đã ký « bông » cho in, những bài sửa lại quay về nhà in để thợ sửa một lần cuối cùng rồi đặt số trang, đúc những bản chữ đó (clichage) rồi mới cho lên máy chạy. Chờ việc làm xong đầu vào đấy rồi, viên Trưởng-ban mới đứng dậy ra về, có khi đã mờ-mờ sáng, có khi đã sáng rõ.

Nhiều ông Nghị cũng không hiểu rằng công việc của ban tốc-ký khó-khăn là như thế, khiến cho nhân-viên trong ban mỗi-một đến như thế. Những khi Viện họp cả buổi sáng lẫn buổi chiều, mấy viên thư-ký soát và viên Trưởng-ban phải làm việc thâu đêm, mãi đến bốn, năm giờ sáng mới về nhà nghỉ, thành ra làm việc luôn hàng hơn hai-mươi tiếng đồng-hồ. Về nghỉ được vài ba giờ, chín giờ sáng, đã lại phải có mặt ở Viện.

Trong Viện có nhiều buồng phụ-thuộc để cho một số nhân-viên ở. Những nhân-viên này, phần nhiều làm việc ban ngày. Thế mà những viên tốc-ký làm việc khó-nhọc, thâu đêm suốt sáng mới xong, thì phần nhiều lại không được ở luôn trong viện.

Tuy viên Chánh-trưởng-ban tốc-ký có quyền sửa lại, đặt lại, hoặc bỏ đi từng đoạn trong những bài diễn-văn của các ông Nghị ; nhưng chưa mấy khi thấy có chuyện sich-mích xảy ra vì cái quyền đó. Lắm bận ông Nghị muốn thêm vào một đoạn, bị viên ấy bỏ đi. Có khi ông Nghị bỏ đi thì viên ấy lại đem thêm vào.

Có mấy ông Nghị, ở diễn-dàn xuống là vội sang ngay phòng tốc-ký, chờ dịch song bài, xem lại rồi cứ những sự chực thêm vào những câu « vỗ tay tán-thành », « biểu đồng-tình » v. v... Nhiều khi các ông ấy chẳng chịu thêm cho rõ rằng vỗ tay ở

phía nào, ở tả, ở cực tả, ở giữa hay ở hữu, ở cực-hữu, lại đòi thêm một câu : « Tiếng vỗ tay ran ở khắp các ghế », nghĩa là toàn viện vỗ tay tán-thành. Những câu thêm vào như vậy, chẳng đợi phải đến viên trưởng-ban mới xóa đi, ngay những viên chuyên việc soát lại họ đã gạch đi rồi.

Một sự khó nói là những khi ông Nghị diễn thuyết xong, được anh-em « khen ngợi » (*félicitations*). Lắm khi đọc xong một bài diễn-văn rất xoàng, ông Nghị X hay N về chỗ, được ông bạn ngồi bên tay phải hoặc bên tay trái, có khi được cả hai, diềm-nhiên chia tay ra bắt tay. Như vậy thì tưởng cũng chưa hẳn là có ý khen-ngợi gì, mà có lẽ cái ông chia tay ra bắt tay đó còn định diễn nhà « hùng-biện vô tài » kia cũng nên. Lại thấy lắm cái bắt tay lạnh-lẻo như bắt tay đề « chia buồn ». Song, dầu sao, sự bắt tay đó cũng có thể coi như hợp phép lịch-sự và rất thường trong chốn xã-giao.

Nếu muốn thêm vào bài tường-thuật câu : « Được bạn đồng-viện khen-ngợi », phải có nhiều người khen thật mới được, chứ giảm bảy người không đủ. Thỉnh-thoảng có ông Nghị được « khen ngợi » như vậy, nghĩa là trong khi từ diễn-đàn đi về chỗ mình ngồi, bạn đồng-viện ở nhiều ghế, ở nhiều phía trong phòng hội-dồng chạy đến hoan-hỷ bắt tay và nói nhiều câu khuyến-khích.

Một câu chuyện vặt về việc chêm-gài :

Một viên tốc-ký chuyên việc soát, một hôm thấy trên tờ bài mình vừa soát xong rồi đưa cho một ông nghị xem lại, có những câu ông ta viết, ra ý trách-móc : « Tôi lấy làm lạ vì không thấy trong bài tường-thuật nói đến những sự vỗ tay, những vẻ tán-thành của một số mười người bạn thân của tôi ở Viện, trong khi tôi đọc diễn-văn. Mà những người bạn tôi đó, có khi nào bỏ tôi, có khi nào quên không khuyến-khích tôi đâu. Để thường các ông trong ban tốc-ký cũng làm chính-trị đó chẳng ? v.v... » Trong Công-báo cứ đăng theo sự thực, nghĩa là không có « vỗ tay ». Mười người bạn thân của ông Nghị hôm đó, hẳn không có mặt tại trong phòng hội-dồng khi ông đọc diễn-văn.

Có một ông Nghị « lão-luyện » khuyên mấy bạn đồng-viện còn trẻ :

« Khi sắp sửa lên diễn-đàn để đọc một bài mà mình chắc là sẽ được có người tán-thành, đừng đến gần diễn-đàn ngồi

đợi sẵn để chờ lượt mình. Trái lại, nên leo lên một hàng ghế cao, chung quanh có nhiều bạn thân.

— Để làm gì kia ?

— Để hưởng lấy những sự khen ngợi. Từ diễn-đàn về ghế mình, quý-hồ cứ có lấy một người trong số anh em trong viện chìa tay ra bắt tay, thế là lập tức có một sự « lấy bắt tay » rất nhanh ; bao nhiêu người, hoặc bắt chước tổ phép lịch-sự, hoặc buồn tình, đứng dậy bắt tay ; càng về gần chỗ cũ của mình, sự bắt tay lại càng sốt-sắng, làm cho ai nấy đều phải chú-ý. Như vậy đủ khiến Công-báo phải đăng rằng : « Diễn-giả đi về chỗ, được bạn đồng-viện rất hoan-ngênh », hay là « Được mọi người nhiệt-thành khen-ngợi » — Nếu lại đến chờ sẵn ở quanh phía dưới diễn-đàn thì khi về chỗ, chỉ có vài ba người ngồi cạnh mình chìa tay ra bắt tay, còn ai nhận thấy những cái cử-chỉ nhỏ-nhỏ ấy nữa. »

Về việc sửa bài, thường khi hay có những câu chuyện không ngờ. Ông Nghị xem bản dịch (từ chữ viết tắt ra chữ thường) bài diễn-văn của mình xong, nhãng-trí, không đưa trả phòng tốc-ký, lại bỏ luôn vào túi mình. Thế rồi đi chơi « lu-bù » chỗ nọ chỗ kia, tìm thú lạ để giải-trí, bỏ một dịp về Paris. Một hai giờ sáng, những viên tốc-ký tìm đến bài không thấy, sức nhớ ra rằng ông Nghị xem rồi chưa trả lại, bèn lên ô-tô phóng đi tìm. Lắm khi chạy suốt từ đầu bên này đến cuối bên kia Paris mới tới chỗ ông Nghị ở, mà vẫn không tìm thấy, người nhà không biết ông ta đi đâu ; có khi ông Nghị đáp xe lửa về huyện mình từ tối. Có khi nhân viên trong ban đi tìm trong các phòng, thấy những tờ bài đó, ông Nghị đánh rơi hoặc bỏ quên mọi nơi, có khi đánh vương-vãi ngay trong phòng hội-đồng. Có khi đang tìm chưa thấy thì ông Nghị ở một tỉnh xa gọi điện-thoại đến xin lỗi, vì chót dặt cả bài đi. Có khi ông Nghị làm Tổng-trưởng, đem bài về Bộ ngồi đọc và sửa lại, sửa xong tờ nào sẽ giao trả ngay tờ ấy. Còn mấy tờ về cuối, không thấy trả nữa. Gần tới giờ, không thể lần-chần được, phải gọi điện thoại đến giục ông trả nốt, bấy giờ mới biết ông đã đi từ lâu. Gọi điện-thoại đi các nơi, chẳng thấy ông đâu. Ban tốc-ký phải theo bài tường-thuật của bộ thư-ký thường đã thảo ra mà thêm vào bài diễn văn của ông Nghị mấy câu cho lộn ý, rồi gửi đến nhà in, vì không còn thì giờ để chỉnh-chỉnh mà đợi được. Tám giờ, Công-báo đã

in xong và bắt đầu phát-hành. Mãi đến chín giờ hơn, ông Nghị mới cho người đến bỏ vào hộp thư của phòng tốc-ký đoạn cuối bài diễn-văn của ông. Lẽ cố-nhiên là không tài nào lên báo được.

Khi những đoạn văn bị thất-lạc như vậy mà ngắn, chép tốc-ký mất độ giảm mười phút, những viên tốc-ký soát có thể theo bản chép của mình mà dịch ra cũng được.

Nói qua về hình-thức những bài sửa. Nhà in làm việc thâu đêm những « bát » chữ sắp song, đề tờ giấy ẩm lên rồi dùng bàn chải đập lấy một bản, gửi luôn bằng ống hơi sang viện. Sang đến nơi, tờ giấy hãy còn ẩm mà mực in hãy còn ướt, lắm chỗ giấy thùng, nom chữ không được rõ lắm, tài nào chữa cho sạch phốt được. Kíp thợ sắp chữ ở nhà in Công-báo, vốn là một kíp thợ rất lành-nghề, làm việc coi nhẹ-nhàng và ít lăm lẩn. Song, lại hay có tính « nghịch ranh », cho nên thỉnh-thoảng cố tình sắp lộn một vài chữ để pha-trò mà chơi, cũng tưởng rằng ban tốc-ký sẽ sửa lại ; nhưng làm lâu đọc nhiều (làm việc hàng hai-mươi tiếng đồng-hồ thông luôn) cũng mỏi mắt, vả lắm chỗ khó nom, thành ra dấu nhân-viên ở ban này vẫn chuyên-tâm làm việc hết sức mà vẫn còn có chữ lăm-lẩn trong Công-báo. Thí-dụ như chữ *force* (sức khỏe, hơi sức), *sinistre* (thiên-tai, tai-hại), *ferme* (cái trại) mà lăm ra *farce* (trò-hề), *ministre* (quan Tổng-trưởng) *femme* (người đàn bà) ở trong ba câu sau này thì khiến độc-giả buồn cười đến thế nào :

Câu của một ông Viện-trưởng : — Je vous en prie, messieurs, veuillez faire silence. Je suis au bout de mes *farces* (Xin các ngài yên cho một chút. Tôi đã giở hết *trò-hề* của tôi ra rồi). Đáng lẽ là : Tôi phải xin các ngài yên cho, tôi nói mãi đã hết hơi rồi.

Câu của một ông Tổng-trưởng : — J'ai l'honneur de déposer sur le bureau de la Chambre un projet de loi portant ouverture d'un crédit pour venir en aide à des départements victimes de plusieurs *ministres* (Tôi có cái hân-hạnh đem ra trình trước Viện bản dự-án luật về sự trích ở công quỹ nhà nước ra một số tiền để giúp cho dân mấy quận bị khờ-sở bởi nhiều vị Tổng-trưởng). Lý-ưng là :..... Lỡ nhiều thiên-tai.

Câu của một ông Nghị trên diễn-dàn : — Le vétérinaire a visité cette *femme* jusque dans ses coins les plus obscurs et les

plus cachés (Viên thú-y đã xét người đàn bà đó một cách rất kỹ-càng, xét cả đến những chỗ tối-tăm hiểm-hóc). Đáng lẽ là : đã đến khám xét cái trại đó.

Nhân tiện chúng tôi xin lên tiếng minh-oan cho những nhà văn, nhà báo (và thợ nhà chữ) một thề. — Các ngài coi sách coi báo, ít khi lượng biết cho rằng sự sửa bài sắp chữ mất thì giờ đến thế nào. Rất chuyên-chú vào công việc mà còn sót « phốt » luôn. Mong rằng mỗi khi gặp những chữ ngang nghĩa hoặc câu khó hiểu, người viết hoặc thợ nhà-chữ sửa còn sót, các ngài sẽ vui lòng đoán giúp cho, vì đó tức cũng là một cách để luyện thêm cái tài « cao đoán » của các ngài vậy !

II

Bây giờ nói qua về sự thảo và sự đọc diễn-văn.

Xưa kia, các thầy-kiện và các tay ăn nói, mỗi khi cãi kiện, mỗi khi luận về một vấn-đề gì trước công-chúng, thường theo gương nhau : soạn bài cho kỹ rồi cứ việc đọc một hồi.

Ông Cicéron là nhà hùng-biện có tiếng thuở xưa, vẫn thường nói rằng : phải viết cho nhiều thì khi nói mới hay được. Trong một bức thư của ông, có câu rằng : « Một bức thư không thể giống được một bài cãi-kiện, hoặc một bài diễn-văn về chính-trị. Viết thư thì chỉ dùng những tiếng thường dùng hàng ngày mà thôi. » Xem thế đủ hiểu ông ta chủ trương cái thuyết phải tô-diêm, phải chải-chuốt từng chữ từng câu trong một bài văn sẽ đem đọc trước mọi người.

Từ đời ông Cicéron đến nay, còn biết bao nhiêu người chủ-trương thuyết ấy.

Ta lại xét về hồi đệ-nhị Cộng-hòa Pháp, thấy rất ít những bài diễn-văn chuốt kỹ rồi đem đọc. Sang đến hồi đệ-nhị Đế-chính, số diễn-văn đó lại thấy nhiều lên. Một ông Viện-trưởng hồi đó, trong bài diễn-văn đọc buổi khai-mạc, có nói về diễn-văn, trích ra một đoạn đại-khái như sau :

« Một bài diễn-văn viết sẵn, dầu hay đến đâu chăng nữa, cũng không hoàn-toàn hợp được với những điều đang đem ra

thảo-luận. Nếu dài và rườm-rà quá thì khiến cho cuộc tranh-luận bị ngừng lại và giảm mất vẻ sốt-sắng, có khi còn lo rằng diễn-giả sẽ phải đứng đọc trước những dãy ghế bỏ không. Ở cái trường-hợp này thì rõ là thời-giờ và cái vẻ tôn-nghiêm của Viện bị đem ra hi-sinh cho cái tính tự phụ, cho cái vẻ « ra điều ta đây » của một người. Nếu diễn-văn có cái giọng cay-đắng quá, hoặc là hăng-hái quá thì lại khiến cho mọi người phải khó chịu, hay là phải giận lâu. Vì lúc đứng ở trên diễn-đàn mà ứng-khẩu nói ra thì bảo rằng còn vì bị kích-thích, bị xúc-động, nên mới thốt ra những câu cay-đắng, mới nói toang ra những lời hăng hái; chứ như văn thảo sẵn từ ở nhà mà đã có những giọng ấy thì quả là định-tâm làm ra như vậy. Những bài diễn-văn viết cẩn-thận trong khi suy-nghĩ, trong lúc thần yên trí định, ít khi có thể dùng để làm nhẹ được những sự gay-go, làm giảm được những nỗi khó-khăn về chính-trị. Cho nên chúng ta phải lấy làm lạ, khi chúng ta đọc lại lịch-sử viện Dân-biểu, thấy trong những hồi nhộn-nhạo sao-suyễn, hầu hết các bài diễn-văn đều là những bài viết sẵn cả.

« Ta hãy nom Nghị-viện nước Anh, họ khéo biết đem bộ óc và những kinh-nghiệm thực-tế dùng cả vào việc chính-trị. Không ai được đọc ở trong Viện một bài diễn-văn viết sẵn. Chỉ có thể đọc những câu, những đoạn trích ở báo nọ sách kia ra để dẫn-chứng, hoặc những thơ-từ giấy-má quan-hệ mà thôi. Thành ra, những loại diễn-văn lời nhiều ý ít mất dần đi, chỉ còn lại những cuộc tranh-luận giản-dị, gần như nô-m-na; những câu nói mộc-mạc mà hợp với lẽ phải thông-thường lúc nào cũng được Viện để ý nghe, hơn là những đoạn văn hoa hòe hoa sỏi mà trống-rỗng.

« Tôi ước-ao rằng Nghị-viện nước ta cũng theo gương đó và kỷ-luật đó mà làm việc. Riêng về phần tôi, tôi tự coi tôi chỉ là một viên thông-ngôn để chuyển đạt những ý-chí của Viện. Nếu Viện vui lòng nghe một bài diễn-văn nào thì tôi phải để yên cho Viện nghe, và phải giữ trật-tự cho khỏi có sự huyền-náo, khiến diễn-giả phải ngừng; nếu Viện có cái thái-độ hững-hờ chềnh-mảng, tỏ ý không muốn nghe, hoặc là các ngài lục-tục bỏ phòng hội-đồng ra ngoài, thì tôi phải xin diễn-giả đừng đọc nữa. Chúng ta tranh-luận với nhau ở đây cốt để hiểu

thêm về mọi lẽ, khả-dĩ giúp cho sự tiến-hành mọi công-việc trong nước, chứ không phải là để nhân dịp thi nhau đọc những văn dài-dòng, để tìm cách cho tên mình, lời mình lên báo. Viện đặt ra lệ thảo bài tường-thuật, lập ra ban tốc-ký, không phải là để nhận những bài diễn-văn viết sẵn đưa ra. »

Viết những câu này, chúng tôi không khỏi nhớ tới Numa Roumestan của Alphonse Daudet. Nếu ông Nghị nào cũng như Numa, cứ việc nói, tư-tưởng và lời lẽ ở đâu tự nhiên kéo đến, thì làm gì còn diễn-văn chuốt sẵn !

Nhưng không phải chỉ có một nhân-vật trong tiền-thuyết mới sẵn cái tài lạ ấy. Xưa nay còn nhiều người ứng-khẩu rất tài. Rồi đây, Đông-dương Tùng-thư sẽ hiến các bạn độc-giả một quyền nói riêng về cái « *tài hùng-biến* », nói một cách rất rõ-ràng cặn-kẽ, các bạn sẽ thấy cái tài ấy nó tiến-hóa như thế nào.

Ta có thể chia những nhà diễn-giả (nói riêng ở Viện) ra làm ba hạng : hạng học thuộc lòng bài diễn-văn của mình rồi đọc trước Viện như học-trò đọc bài [(thường khi lại ra điều ta ứng-khẩu đây kể giờ), hạng cầm tập diễn-văn mà đọc như ta đọc sách, hạng chẳng cầm giấy-má gì, cứ việc tùy-cơ mà ứng-khẩu ra.

Ta biết rằng có người nghe mà nhớ lâu, cũng như có người nom mà nhớ lâu. Những ông Nghị nom mà nhớ lâu là những ông hay ngồi viết, vì chỉ những khi cầm quản-bút rồi, ý-kiến mới kéo đến. Vừa viết vừa đọc đi đọc lại, dần-dần nhớ kỹ. Những chữ, những câu đó, hình như ông ta đã chụp ảnh được cả vào trong trí. Lúc đọc, hình như nom thấy những tờ mình viết giải cả ra trước mặt. Có ông, khi ở trên diễn-đàn, không nom phảng-phất, nhưng mà « nom » hẳn thấy (nghĩa là nhớ rất rõ-ràng) từng dòng chữ, những chữ cắt đôi ra để xuống dòng, dòng đầu dòng cuối một đoạn, có những chữ gì, đầu trang cuối trang có những chữ gì, nom thấy cả những vết tẩy, xóa v. v. . .

Một người có cái trí nhớ như thế, nếu lại có thể trả lời được mấy câu « *dâm-ngang* » của bạn đồng-viện, thì còn ai biết rằng đang đọc một bài diễn-văn thảo sẵn, nhất là cái cách đọc lại tự-nhiên và cái giọng nói lại rõ-ràng điềm-tĩnh.

Nhưng phải có một cái trí nhớ tốt và vững-vàng lắm mới

nên dăng-dàn như thế. Nhiều diễn-giả, từ xưa đến nay, phải toát mồ-hôi hoặc đổ mảy say mặt lui xuống diễn-dàn, chỉ vì quên bằng mất một câu, có khi chỉ một chữ, mà không tìm ngay được câu khác, chữ khác thay vào, đứng ngấp-ngừng hồi lâu rồi tìm kế « thoát ».

Trong quyển « *Tài nói ở trước công-chúng* » của ông Maurice Ajam, có một đoạn như sau :

« Hồi trước, ông Nghị De Saint-Mur hay học thuộc diễn văn rồi đến đọc ở Viện. Có một bài hay quá, khiến mọi người đều phải khen-ngợi. Mấy hôm sau, một nhà báo viết một bài trong báo Figaro, nhận rằng bài diễn-văn của ông De Saint-Mur ứng-khẩu trong Viện vừa rồi sao lại giống hệt như bài diễn-văn của Benjamin Constant đọc trong hội Khôi-phục Đế-chính.

« Ông De Saint-Mur thản-nhiên mà rằng : « Trí nhớ của tôi tốt lắm, tốt đến nỗi bài dài đến đâu tôi cũng chỉ đọc đi đọc lại trong ít lâu là đã có thể thuộc được. Trước đây mấy năm, tôi có đọc kỹ bài diễn-văn của Benjamin Constant, cho nên nhập-tâm được. Khi ở trên diễn-dàn, vì tôi thuộc nên tôi cứ việc ung-dung « nói » ra, và cứ định-ninh tưởng là của tôi ».

« Khi ông De Saint-Mur làm Nguyên-lão nghị-viên, một buổi cũng dăng-dàn, ung-dung « nói » một bài diễn-văn. Đang nói, chợt ngừng lại. Té ra ông quên bằng hẳn mất một chữ. Ông đứng tần-ngần tìm chữ, chữ không ra. Ai nấy ngồi nghe đều lấy làm khó chịu, nhất là khó chịu thay cho ông ! Ông cố trấn-tĩnh, tự-hồ như chẳng can gì, đọc lại từ đầu câu. Thế nào mà cứ đến chỗ ấy, lại thấy ông ngừng. Ông Viện-trưởng có ý muốn « gỡ » cho ông, nên tuyên-bố Viện hãy nghỉ một lát rồi lại sẽ họp, vì diễn-giả có ý mỗi-một quá.

« Hai-mươi phút sau, chừng ông De Saint-Mur đã nhớ ra chữ ấy, nên lại thấy ông hăm-hở lên diễn-dàn. Ông đọc lại từ đầu câu — (vẫn ung-dung) — ; đến cái chữ mà lúc nãy ông quên bật, lại thấy ông đứng xững. Cử-tọa sì-sào bần-tán. Lần này, ông Viện-trưởng phải tuyên-bố buổi họp nghỉ hẳn.

« Từ đấy về sau, không thấy ông De Saint-Mur bước chân lên diễn-dàn nữa ».

Nói tóm lại, những nhà diễn-giả nào không mười phần tin ở cái trí-nhớ của mình được cả mười thì rất nên kiêng cái lối « trò-tài » nguy-hiểm ấy.

Có nhiều ông nghị, vì sợ trí nhớ không được tốt được dai cho lắm, hoặc vì sợ khi ở trên diễn-đàn sẽ hoảng lên, không đọc được, nên mới mang cả tập diễn-văn lên. Nhưng nào có thật-thà mà đọc đâu, lại làm ra điều ta chỉ nom vào một cái chương-trình, một bản dàn ý đây kẻ giờ; nhưng bạn đồng-viện ngồi nghe — chỉ những nghe không cũng đủ, chẳng cần phải nom — biết ngay là ông kia đang đọc một bài văn chuốt sẵn.

Những ông học thuộc từ ở nhà rồi đọc ra một cách tự-nhiên, họa chăng còn có thể khiến cho anh em tin là ứng-khẩu được; chứ những ông rõ ràng đọc mà lại không chịu « mang tiếng » là đọc thì khó giấu được ai. Tinh-thần của một bài văn đọc, không thể bằng tinh-thần của một bài văn ứng-khẩu.

Xưa có một ông Nghị cũng theo cái lối ấy. Một bạn đồng-viện kêu lên rằng: « Việc gì phải làm thế? Cứ cầm ngay lên mà đọc cho chững-chạc có được không? » Ông Nghị kia điềm-nhiên trả lời rằng: « Có. Tôi có thảo sẵn bài từ ở nhà thật. Giá mà ai cũng cần-thận như tôi thì đâu đến nỗi chúng ta phải nghe những câu văn lảm-cầm ở trên diễn-đàn này. » Cho là lời nói có lý, nhiều người vui cười, tỏ ý biểu-đồng-tình. Ông Nghị kia lại cứ ung-dung đọc nốt.

Nay không như trước. Nếu có ông Nghị dùng đến khước ấy, tất bạn đồng-viện sẽ kêu rằng: « Thôi! Ông đưa quách bản-thảo cho ban tốc-ký đi thôi! » Mọi người thích ông Nghị cầm lăm-lăm tập văn trên tay, mắt đề luôn vào đó mà đọc, hơn là những ông đọc mà không muốn để ai biết mình đọc, có ý dối anh em. Bởi thế nên những khi có ông Nghị cầm diễn-văn đứng đọc, bạn đồng-viện tuy không đề ý nghe, cứ thì-thào nói chuyện với nhau, nhưng không ai nỡ kêu la đề ngắt lời.

Khi ở diễn-đàn xuống, nhiều ông Nghị công-nhiên đưa ngay bản-thảo bài diễn-văn mình vừa đọc xong cho những viên tốc-ký. Có ông lần-chần một lúc rồi mới chịu đưa, khiến mọi người tin rằng không phải mình đọc. Có ông lại cứ đứng-dĩnh chề-chán mãi vẫn không chịu đưa ra. Ban tốc-ký hỏi thì ông cứ khẳng-khăng một mực rằng ứng-khẩu đấy chứ có phải đọc đâu mà hỏi bài. Đến khi viên Trưởng-ban nói cho ông ta biết rằng những viên tốc-ký ngỡ là ông đọc, không chép bài diễn-văn của ông, nay đành phải theo bài tường-thuật bằng chữ thường của

ban thư-ký đề tóm lấy đại-ý mà đăng lên Công-báo vậy, bấy giờ ông ta mới chịu thò bài ra, móc túi hoặc mở cặp lấy ra một tập. Giấu bạn đồng-viện còn chẳng nỡ, hướng-hồ lại đòi giấu được những viên tốc-ký, phần nhiều làm việc đã lâu năm, tai nghe đã sành, lại vừa đứng ngay bên cạnh. Chỉ vài ba câu đầu, họ đã biết ngay, liền gác bút đứng nghỉ.

Có ông Nghị cần-thận và thực-thà, đọc xong tờ nào lại ngừng lại một lát để đưa luôn tờ ấy cho những viên tốc-ký ; ông ta nghĩ rằng như thế là giúp cho nhà in làm việc được mau hơn, không phải đợi xong cả bài diễn-văn mới bắt đầu sắp chữ.

* * *

Trên kia đã nói qua về những diễn-giả học kỹ bài rồi đọc và những diễn-giả cầm bài mà đọc. Đây nói đến những diễn-giả có tài ứng-khẩu.

Hạng này thật hiếm. Trong một số rất ít những nhà có cái tài ấy ở nước Pháp từ xưa đến nay, ta nên nhận rằng Jaurès đứng đầu. Chúng tôi đang biên một quyển nói riêng về nhà đại-hùng-biến, đại-tư-tướng này, để các bạn độc-giả rõ cái đời và tài-năng sự-nghiệp của một tay lãnh-tụ rất đáng tôn-sùng, rất đáng là tấm gương sáng cho những ai muốn làm chính-trị, những ai muốn hiểu chính-trị ở cái thế-kỷ thứ hai-mươi này, phải kính-cần mà noi theo. Chúng tôi xin cùng với các bạn độc-giả than một câu rằng : Tiếc thay con người tài đức như thế mà trời không cho thọ thêm chút nữa để đem cái tài đức ấy ra mà giúp ích cho đồng-bào, cho nhân-loại !

Bậc vĩ-nhân này, mỗi khi lên diễn-đàn là cứ toang-toang nói ra, mắt nhìn các bạn đồng-viện, tay cử-động một cách hùng mà có duyên, lời lẽ thật chỉnh mà thật mạnh-mẽ cứng-cáp.

Chẳng nhiều thì ít, chứ chưa thấy ông nghị nào như (Jaurès) tiên-sinh, không cần phải xem lại bài diễn-văn mình vừa mới « nói » trên diễn đàn. Thật là tiên-sinh có một cái sức tự-tin rất mạnh vậy. Hết thấy những câu, những bài, tiên-sinh « nói » ra, đăng trong Quan-báo, hoặc in thành sách, đều là những câu những bài mà ban tốc-ký chép đúng nguyên-văn, không đổi một chữ. Có nhiều lần, những viên tốc-ký thấy tiên-sinh « nói » lâu, mà trước mặt chẳng có mảnh giấy nào, thỉnh-thoảng tiên-sinh lại còn đọc những đoạn văn xưa hoặc là dẫn ra những đạo luật cũ v. v., họ chờ tiên-sinh ở diễn-đàn xuống rồi khẽ

hỏi tiên-sinh có muốn đọc lại để soát qua những câu tiên-sinh đã viện ra chẳng. Tiên-sinh đáp rằng : không cần phải soát lại, cứ chép đúng như thế là được rồi ; những câu tiên-sinh đọc ra để dẫn-chứng là những câu tiên-sinh đã nhớ kỹ, không thể sai lầm được. Tiên-sinh rất ngại sự phải đọc lại lời mình vừa nói, coi là một việc rất phiền, có ý cho rằng : nếu cứ phải làm thế thì những lời mình ứng-khẩu nói ra còn hay ở chỗ nào nữa, và cái tài ứng-khẩu ấy còn tiện-lợi ở chỗ nào nữa.

Nhưng các bạn độc-giả còn lạ gì mà chẳng biết rằng muốn ứng-khẩu được như vậy thì cái công-phu đọc sách, cái công-phu suy-nghĩ, cái trí nhớ và cái việc sửa-soạn sắp đặt trước khi nói phải như thế nào. Há phải tìm óc rỗng tuếch mà cứ lên diễn-đàn rồi bô-bô mà nói lên, bạ đâu nói đấy, bát-nháo chi khươn, rút cục đến sai ý quẩn lời. Ứng-khẩu như vậy gọi là ứng-khẩu tam-toạng, chỉ làm một trò cười.

Trong quyển sách « Tài nói ở trước công-chúng » của ông Maurice Ajam (ông này đã từng làm Nguyên-lão Nghị-viên và Thứ-trưởng), có một đoạn viết rằng :

« Một bài diễn-văn thật đáng gọi là diễn-văn ở Nghị-viên phải có ảnh-hưởng đến toàn Viện, trong khi viện đang nhộn-nhạo, hoặc đang ở trong một cái tình-thế khó xử ; phải có sức mạnh khả-dĩ đoàn-kết được những lực-lượng, những nhân-viên, những đảng-phái nhỏ đang chia rẽ, đang rời-rạc ; phải tập-hợp được những phần-tử lại cho nhiều để khả-dĩ đương-đầu được với phái địch.

« Một bài diễn-văn, muốn có được cái sức mạnh như vậy, tất-nhiên phải là một bài ứng-khẩu. Diễn-giả, đứng trước cái tình-hình nghiêm-trọng và khẩn-cấp, phải là người có tài, thấu-tóm được những ý-kiến, những tư-tưởng đang lơ-lửng trên không, đem chau đem dỗi cho kỹ rồi đóng vào khuôn. Các việc này phải làm rất nhanh, chứ không thể tò-mò thủng-thẳng mà được. Ta hãy nom ông Jaurès ở trên diễn-đàn. Cái trí-nhớ của ông rất tốt nên cái tài ứng-khẩu của ông càng cao. Nom cách cử-động của ông thì khác nào như một người thợ làm bánh, hai tay ngào bột, nào vò, nào bóp, nào se, nào cán, nào chuội, đoạn mới giơ lên rồi đập mạnh xuống trước diễn-đàn. Ta nhận thấy ông thở hào-hển, nhận thấy ông dùng sức đến toát mồ-hôi, đến phồng cả hai bên thái-dương lên. Những

nhà sinh-lý-học nói rằng trong một giờ đồng-hồ, một nhà diễn-giả thật có tài, dùng sức bắp thịt và sức gân cốt nhiều hơn một người thợ nề trong hai ngày. Ta chỉ việc nom kỹ ông Jaurès khi ông ở diễn-đàn xuống đủ tin được rằng lời đó là đúng».

Có mấy ông Nghị, khi nói ở trên diễn-đàn, cũng hay dùng sức, cho nên thái-dương cũng thấy phồng lên. Thí-dụ như ông Millerand hồi xưa chẳng hạn. Gần đây, ông Franklin-Bouillon, ông Paul-Boncour, ông Herriot, thỉnh-thoảng cũng vậy ; nhưng ông Jaurès chẳng những phồng thái-dương mà thôi, đến cổ cũng nở to ra, lắm khi bật cả khuy cổ, lệch-lạc cả « ca-vát », áo cũng không được ngay ngắn.

Không mấy khi ông đến viện để « nói » mà lại không đem theo một cái va-ly nhỏ đựng quần-áo. Nói xong, ông phải sang phòng nghỉ-ngoi để thay, vì mồ-hôi ra ướt đầm.

Những lúc nói rất hăng-hái, câu văn của ông vẫn chỉnh, vẫn dẫu ra dấy, không lộn-xộn chút nào. Nhiều người cho là ông sẵn nghệ-thuật quá, lời văn của ông chỉnh quá. Câu nọ nối theo câu kia, hồi lâu như vậy, những viên tốc-ký cứ việc chép theo.

Những tay ăn nói giỏi có tiếng như Berryer, như Gambetta v. v. thuở trước, mà trong các bài diễn-văn cũng còn nhiều chữ nhiều câu không được hoàn-toàn, hoặc vì không có nghĩa, hoặc vì tối nghĩa, hoặc vì lộn-xộn, hoặc vì sai mệo v.v.,. Cử tọa ngồi nghe Jaurès tiên-sinh nói, thỉnh-thoảng muốn thấy có một vài « phốt » như thế theo ra, nhưng chưa thấy bao giờ. Nếu có người ưa những vườn hoa gồ-gề rậm-rạp, ít sửa-sang, hơn là những vườn hoa san-sửa quá, hàng lối phân-minh quá, thì tất nhiên cũng lại có người, dẫu phục Jaurès tiên-sinh thì vẫn phục, nhưng mà ưa cái lời văn thỉnh-thoảng có lẫn vào một vài chữ vài câu không được chỉnh, hơn là cái lời văn tự-hồ sửa-soạn từ lâu.

Jaurès tiên-sinh có nhận là vẫn chịu khó sửa soạn bài diễn văn. Một bận, sau khi tiên-sinh chết-vấn Nội-các (năm 1893), ông Charles Dupuy (Tổng-lý Nội-các, kiêm lĩnh bộ Nội-vụ) nói rằng :

— Các ngài nghe bài diễn-văn của ông Jaurès, hẳn đã thấy bài diễn-văn ấy như thế nào rồi. Vậy mà ông Jaurès còn trách tôi không để cho ông đủ thì-giờ sửa-soạn.

Jaurès tiên-sinh đáp :

— Thật là tôi không đủ thì-giờ để sửa-soạn. Vả chẳng sở-dĩ tôi phải thận-trọng việc sửa soạn diễn-văn, chẳng qua là chỉ vì tôi kính cái diễn-đàn này và quý-mến các bạn đồng-viện của tôi đó mà thôi.

Trong sách « *Nhà Chính-trị* » (Le Politique) của ông Louis Barthou, có một đoạn nói đến ông Camille Pelletan. Ông này giống ông Jaurès ở cái chỗ nói lảm rồi quần áo xốc-xếch, « ca-vát » lệch hẳn về một bên. Chẳng bù với những ông lúc nào quần áo cũng chỉnh-tề, như Paul Deschanel hoặc Maurice Barrès chẳng hạn. Những ông ấy, ở trên diễn-đàn, không phải là những nhà diễn-giả có tài hùng biện, mà chỉ là những nhà quý-phái, những nhà văn-sĩ mà thôi. Nhắc đến Barrès, chúng ta không khỏi nhớ tới mấy nhà văn khác cũng như ông, vì quay ra làm chính-trị, (nói cho đúng là vì không sẵn tài ăn nói ở Nghị-trường) mà thành ra cái uy-tín bị giảm đi mất ít nhiều.

Ông Louis Barthou viết về ông Camille Pelletan như sau này:

« Nên cầm bài mà đọc, nên học thuộc lòng mà đọc, hay là chỉ nên ứng-khẩu ? Đó còn là tùy cái tính sở-thích và cái tài của từng người. Ngay như cái lối học cho thuộc rồi đọc, nếu không biết đọc khéo, thì cũng dễ khiến cho cử-toạ sinh ra buồn và chán. Lối này mỗi ngày một ít dùng đi. Ông Camille Pelletan khéo ở cái chỗ vừa biết học thuộc để đọc, vừa biết ứng-khẩu. Ông đã dàn ý sắp lời sẵn-sàng cả ; nhưng nếu có người ngắt lời thì ông liền bỏ ngay những ý những lời đã sửa-soạn từ trước đó mà ứng-khẩu một chập để trả lời, Ông ứng-khẩu như vậy cũng giỏi lắm. Ông thuộc văn cổ văn kim nhiều ; bất cứ lúc nào cũng có thể đọc lên được nhiều đoạn rất hay. Ông nói một hồi lâu, áo đã xốc xếch, quần thì trễ xuống dưới thắt-lưng, ông phải kéo lên. Khi ông cúi xuống phía trước diễn-đàn, hoặc ông đứng tựa lưng vào phía sau diễn đàn, mắt long-lanh hơn lúc thường, tiếng cũng cất to lên và đậm-đà hơn lúc thường, hai tay cử-động cũng rộng-rãi mạnh mẽ hơn lúc thường — rộng rãi mạnh mẽ đến nỗi gạt bắn cả cốc nước nhấp giọng để trên diễn-đàn vào đầu mấy viên tốc ký đứng ở phía dưới —, những khi ấy là những khi ông sắp cho ta nghe một đoạn văn hoặc điều-luyện, hoặc hùng-kiệt, hoặc rất bóng-bẩy hoa-mỹ. Ông cứ hết đọc lại ứng-khẩu, hết ứng-khẩu lại đọc, bộ-dạng tự-nhiên,

chẳng có ý muốn dối ai. Nhiều ông khác khéo hơn, nhưng nếu đã nhận thấy hơi có sự dối trá trong cái tài khéo ấy thì mọi người lại yêu cái lối thật thà của ông Pelletan hơn vậy.»

Trong bộ sách « *Kiếp văn-chương* » (La vie littéraire) của Anatole France, có một đoạn nói rằng :

« Diễn-đàn hẳn không phải là nơi cho những người nói một cách khó-khăn đứng nói. Những người ấy, mỗi khi nói, lại chia-sẻ với thính-giả sự mệt-nhọc lo-lắng của mình. Thành ra, dầu không định mà người ngồi nghe vẫn phải chịu chung mọi nỗi quẫn-quai đau-đớn với diễn-giả. Trái lại, một nhà diễn-giả lời-lẽ chôi-chảy hoạt-bát quá, cứ tuồn-tuột mà ra một mạch, cũng không thể khiến cho thính-giả cảm được một cách sâu-xa. Người nói phải làm ra dáng vừa nói vừa chọn ý lựa lời. Sự chọn phải cho nhanh và sự lựa cũng phải cho sành ; và phải có những khi chuyển đổi cái giọng nói, phải có những lúc nói từ-từ lại để tỏ ra rằng mình vẫn luôn luôn chọn-lựa. Tóm lại là phải làm thế nào cho mọi người ở chung-quanh nhận biết rằng trong cái việc dùng miệng-lưỡi tay-chân, còn cái việc của tư-tưởng nữa mới được ».

Có nhiều ông Nghị, ra vào nghị-trường đã lâu năm mà chưa hề đề ý đến sự ăn nói, nhất là sự lên diễn-đàn. Nhiều ông vẫn hằng đề ý đến, nhưng tự cho mình là chưa đủ tư-cách đứng nói. Sự ngần-ngại của các ông ấy không phải là không có lý.

Trong một quyển sách chép những đoạn diễn-văn hay, đáng làm mẫu-mực cho người sau theo, ông Joseph Reinach có viết một câu rằng : Quá bốn-mươi tuổi, không thể tập ứng-khẩu được nữa.

Ông Maurice Ajam cãi rằng : Có nhiều người, mới ngoài hai-mươi-năm tuổi, đã thấy nhiều sự khó-khăn trong khi tập nói, chứ chẳng phải đợi đến ngoài bốn-mươi. Bởi ông nhận thấy như thế nên ông mới khuyên những người đọc sách của ông rằng : Nếu đã có chí làm việc lớn, cần phải có tài ngôn-ngữ hơn người, phải nên chịu khó luyện tập ngay từ khi còn nhỏ. Mỗi buổi sáng, nên diễn-giảng về một đầu-đề thông-thường, (hoặc dùng những câu phương-ngôn tục-ngữ, hoặc dùng những câu thiên-hạ hay nhắc-nhở ở đầu lưỡi), nói lấy mười, mười-lăm phút cho quen. Sau, nên tập dàn ý soạn lời trong bụng, rất ít dùng đến bút mực trong việc thảo bài, v.v...

Có nhiều ông Nghị, lần đầu nói ở diễn-dàn rất dõ ; sau đó ít lâu, đã thấy tấn-lời nhiều. Đó là vì có khiếu cũng có, mà vì biết đường luyện-tập cũng có.

Nhưng dầu sao chúng ta cũng phải nhận rằng : muốn ứng-khẩu giỏi đến thế nào ra chăng nữa, cũng chỉ có thể ứng-khẩu về những vấn-đề mình đã thông-thạo, chứ không thể ứng-khẩu về những điều những sự mà mình chẳng hiểu đầu vào với đầu. Ông Louis Barthou nói :

« Ứng-khẩu chỉ là không chịu bó-buộc ở trong vòng những câu những đoạn đã lập-thành sẵn, đã chải-chuốt sẵn. Còn thì cũng phải đọc sách nhiều, khảo-cứu nhiều, suy-xét nhiều, xong lại còn phải hỏi thêm ý-kiến người nọ người kia, phải chuyện-trò với các bạn-thân để dò thêm dư-luận và để bỏ vào những chỗ thiếu ; thế tức là đã sửa-soạn, có thể nói hẳn ngay là đã nhắc đi nhắc lại bài diễn-văn. Ngay những khi mình không định đọc diễn-văn mà còn làm thế, huống-hồ khi đã chắc rằng sắp phải « nói » một bài. »

Nhà đại-văn-hào Victor Hugo cũng có nói trong tập « *Ngôn và Hành* » (Actes et Paroles) :

« Muốn ứng-khẩu, phải dày công suy-nghĩ từ trước. Sự suy-nghĩ đó nó khiến cho những câu những chữ mình dùng, không phải là miễn-cưỡng mà nó đến, nhưng mà là cố-ý đến. Những ý-kiến ủ-ấp lâu ngày thì lời-lẽ nở ra mới chóng. Cái tài ứng-khẩu chẳng qua cũng như sự định-tâm mở một cái thùng (tức là bộ óc). Thùng phải đầy thì khi mở, cái chất chứa trong thùng mới chảy ra. Chứa càng nhiều, sự chảy ra càng mạnh. Tư-tưởng có đầy-dủ thì lời-lẽ mới rời-rào. Những điều mình ứng-khẩu nói ra, đối với người ngồi nghe thì hình như còn mới-mẻ, chứ đối với mình thì nó đã cũ rích từ đời nào. Người nói giỏi là người mà trong một giờ đồng-hồ, nói toang ra những điều mình trăm-tư mặc-tưởng trong một ngày, trong một tuần-lễ, trong một tháng, có khi trong suốt một đời mình. »

Chúng tôi có thể viện ra đây nhiều ý-kiến của các bậc danh-nhân trong văn-học-giới hoặc trong chính-trị, ngoại-giao-giới để các bạn coi sách rõ thêm về cái tài « ăn-nói » thế nào. Nhưng vì sợ lạc-đề nên phải xin các bạn hãy nán lòng chờ cho ít ngày nữa, chúng tôi sẽ in ra một quyển « Tài-hùng biện » như đã nói trên kia. Rồi đây, sẽ còn nhiều dịp đáp lại tấm thịnh-tình

của các bạn đã chiếu-cổ coi sách cho, cùng là giúp thêm các bạn trong sự hiểu biết, tức là một điều mà chúng tôi vẫn ngày đêm ước-ao mong-mỏi.

Nếu đã có những ông Nghị ngồi lặng trong phòng mà soạn bài thì lại có những ông Nghị soạn bài ở ngoài vườn, ở ngoài phố, ở ngay các « lối đi » trong Viện, chẳng khác nào nhiều viên luật-sư có tài, soạn bài cãi cho khách hàng của mình ngay ở các « lối đi » trong tòa án. (Xem quyển « Tài hùng-biến ».)

Ngày trước, ông Paul Deschanel, ông Ribot, ông Jaurès hay soạn diễn-văn theo lối ấy, vừa đi đi lại lại vừa lăm-nhằm trong mồm ; có khi không lăm-nhằm nhưng mặt thì nghiêm chăm-chăm, tay thì cử-dộng tự-hồ như đang đứng trên diễn-dàn.

Có ông Nghị từ nhà ra Viện, từ Viện về nhà, mãi « soạn » bài diễn-văn đến nỗi không để ý tới những người gặp mình, ngả mũ chào mà mình không nom thấy. Như ông Ribot ngày xưa chẳng hạn. Bây giờ thì thủ-tướng Blum ; không phải vì ngài bận-thị quá, chính là ngài mãi nghĩ đến mọi việc, nhất là đến những bài diễn-văn.

Ông Briand, khi sinh-thời, cũng hay đi đi lại lại để soạn bài. Có khi tay cầm điệu thuốc lá, chân bước rộng ngang dọc trong phòng làm việc, vừa tìm ý, vừa xếp lế, vừa gọt câu, vừa chuốt chữ. Đi lại một hồi là xong một bài văn đứng-dẫn ; khi ở trên diễn-dàn, cứ việc « nói » ra bằng một cái giọng rất uyển-chuyển nhẹ-nhàng.

Ta hãy nghe ông Briand tỏ ý-kiến của ông về việc « nói » :

« Tôi cũng thích ứng-khẩu, nhưng chỉ ứng-khẩu lời văn. Sau khi đã suy-xét rất kỹ-càng về cái vấn-đề tôi định nói, hoặc là những sự xảy ra nó bắt phải nói, sau khi đã cân-nhắc rất cẩn-thận những lý-lẽ có thể viện ra để làm cho cái vấn-đề ấy hóa ra một vấn-đề cao-quí trọng-đại, sau khi đã đem những lý-lẽ ấy ra dùng trong những cuộc nói chuyện với các anh em cùng làm chính-trị để xét xem nó mạnh, yếu, nặng, nhẹ thế nào, tôi bước lên diễn-dàn, phóng tâm mà ứng-khẩu, chẳng phải bận-bịu lo ngại về lời văn chút nào. Từ trước đến nay, tôi vẫn coi sự sửa soạn lời văn là một sự câu-thúc tính-tĩnh, bắt giam ý-trí như nô-lệ, khiến cho vì sự mãi chau-chuốt câu văn quá mà thành ra ý-trí mất cả quyền tự-do, mất cả sức linh-diệu,

không nạp được những lý-lẽ nó thường bay liệng chờn-vờn ở quanh nơi mình nói, những lý-lẽ rất cứng-cáp nảy ra trong khi tranh-luận, nó khiến cho mình nắm được phần thắng trong tay. Nếu ngồi còm-còm thảo bài trong phòng thì tài nào thấy được những lý-lẽ ấy.

« Về phần tôi, tôi cho rằng một bài diễn-văn không phải là một tác-phẩm về văn-chương, nhưng mà là một sự hành-động. Một bài diễn-văn không phải cốt đề cho mọi người đọc, nhưng mà cốt đề cho mọi người nghe. Lời lẽ là cái phụ ; cái kết-quả gây ra được mới là cái chính ; và chỉ có cái chính ấy mới đáng kể. Thường khi vì cử-tọa cảm động mà hóa ra diễn-giả cũng cảm động, nói ra một câu tuy không đúng mệo nhưng lại có sức lôi cuốn người nghe mạnh gấp mấy một câu văn lời-lẽ sắp-đặt rất là hoa-mỹ. Một bài diễn văn, dầu có cái giá-trị về phương-diện văn-chương đến đâu chẳng nữa, mà nếu người đọc không hiểu rõ nó đọc ở nơi nào, gây ra bởi những trường-hợp nào, liệu có bao giờ sánh kịp được với trang văn óng-chuốt bay-bướm của một nhà văn-sĩ trứ-danh ? »

Đã nói về các loại diễn-văn và mọi cách diễn-thuyết của các ông Nghị, tưởng nên nhân-tiện dịch ra đây cái ý-kiến của một viên Tổng-thư-ký của ông Viện-trưởng, hàng sáu-chục năm trời, chẳng buổi họp nào là buổi không ngồi ở Viện để nghe, đề nom suốt từ đầu đến cuối : ông Eugène Pierre.

Ý-kiến của ông Eugène Pierre đối với diễn-văn như sau này :

« Trong một nơi hội-hợp để bàn việc chính-trị, những bài diễn-văn không phải là dùng để phô-trương cái tài riêng của các diễn-giả, nhưng mà phải là một cuộc trao-đổi những lý-lẽ, một sự trình-bày rất gọn-gàng giản-dị những ý-kiến mà mỗi người đều cho là những ý-kiến hay nhất, sau khi đã tĩnh-tâm suy-xét và nhận thấy cái sự bao nhiêu người ủy-quyền cho mình là một sự quan-hệ, phải gắng sao cho sừng lòng tin cậy của mọi người. Những người thay mặt cho dân xét thấy những lẽ gì có thể dùng để bênh-vực hoặc để hủy bỏ những điều luật mà Nhà-nước định đem thi-hành thì cứ việc nói rõ ra cho bạn đồng-viện biết, cho cả nước biết, chẳng có lệ nào ràng-buộc được mình. Những sự bó-buộc chặt-chẽ phiền-phức ở trong một viện Hàn-lâm thì chỉ để dành riêng cho viện Hàn-lâm, chứ không thể sang được hai Viện bàn việc nước. Ai xét thấy nên

nói thế nào thì nói, và nên nói được đến đâu thì cứ nói, miễn là biết trọng Hiến-pháp đã thành-lập và trọng sự tư-tưởng của những người, những phái đương-dầu với mình.

« Những bài diễn-văn ứng-khẩu do những việc cấp-bách trước mắt mà nảy ra là những bài diễn-văn hay nhất. Những bài diễn-văn soạn trước, nhưng thấu gọn được những điều quốc-dân đáng lo ngại ngay nhơn-tiền, như thế tưởng cũng không nên khinh thường hoặc cho là quá đáng. Cử-tọa cũng nên phải để ý nghe những bài diễn-văn viết sẵn, vì như thế tức là nghe tiếng trình bày, nghe lời bàn-bạc của những người, không ngại vì tuổi cao, vì sức yếu, vì nhút-nhát, cố-gắng để khỏi phụ lòng ủy-thác của bao nhiêu người, chẳng chịu đầu-phiếu qua-loa cho xong chuyện. »

Nói qua về diễn-đàn.

Năm 1852 (hồi Đệ-nhị Đế-chính, Napoléon III), theo như một đạo Dụ, các viên dân-biểu không được lên diễn-đàn mà nói, cứ nói luôn ở chỗ mình ngồi.

Mãi đến năm 1867, điều đó mới bỏ đi. Từ bấy đến nay, diễn-đàn luôn luôn dùng làm nơi để nói.

(Nhân tiện cũng nên nhắc qua rằng : điện Bourbon xưa của một bà Quận, xây từ năm 1722. Từ năm 1790, thuộc về Nhà-nước. Ấy cũng bởi những tay Cách-mệnh hồi đó, phần nhiều rất thích những chữ tự-do, bình-dẳng, bác-ái, thích thực-hành những chữ đó một cách sốt-sắng, lại chuộng những sự *công cộng*, cho nên sau khi đập đổ Vương-chính, liền đem xung-công điện này. Năm 1795, có cho sửa-sang lại ít chút để làm nơi hội-họp cho năm trăm vị, chuyên nghĩ thảo các điều luật. Những điều luật đó, đưa ra cho một hội-đồng nữa, gồm hai-trăm năm-mươi vị duyệt lại rồi mới công-bố và thi-bành. Hai hội-đồng này gồm lại, thành viện Lập-pháp (Corps législatif). Năm 1799, Viện này bị Napoléon đệ-nhất giải-tán. Năm 1804, chính Napoléon ra lệnh cho xây lại phía trước điện, dãy cột đứng xung-xung là có từ hồi đó. Sau, chính Napoléon cũng không lấy lối kiến-trúc đó làm vừa ý, thường vẫn phàn-nàn rằng xấu. Còn nhiều người khác nữa, cứ lấy ý riêng mà bình-phẩm, cũng cho là hàng cột này không có vẻ mỹ-thuật gì. — Phòng hội-đồng bây giờ, xây từ năm 1829, ngay ở chỗ xưa kia vẫn dùng làm nơi hội-họp của năm trăm vị, vừa nói trên kia.

Diễn-dàn cho các ông Nghị, diễn-dàn của ông Viện-trưởng, cho đến cái ghế bành ông ngồi, xưa kia viện Lập-pháp vẫn dùng. Hội Khôi-phục Đế-chính, viện Dân-biểu cũng vẫn dùng phòng này để họp. Từ năm 1871 đến năm 1875, viện Dân-biểu (gọi là Quốc-gia hội-nghị, Assemblée nationale) họp ở cung Versailles. Ngày 25 Février 1875, Hiến-pháp mới thành-lập một cách rất may-mắn, là chỉ hơn có một phiếu mà được đa-số. Điều thứ nhất trong Hiến-pháp nói rằng : « Quyền Lập-pháp do hai Viện : Thứ-dân Nghị-viện và Nguyên-lão Nghị-viện. » Hai Viện này cũng vẫn dùng cung Versailles để họp, như là Quốc-gia Hội-nghị nói trên kia. Mãi đến ngày 27 Novembre 1879, hai Viện mới về họp hội-đồng ở Paris. Cung Versailles từ bấy đến nay để không, chỉ những khi có việc gì to lắm, thí dụ như bầu cử quan Giám-quốc chẳng hạn, hai Viện mới họp cả ở đó, gọi là Quốc-hội (Congrès), ông Viện-trưởng Thượng-nghị-viện làm chủ-tịch rồi bầu).

Cũng trong quyển « *Nhà Chính-trị* », ông Louis Barthou có viết một đoạn về diễn-dàn, đại-khái như sau này :

« Nếu không bồi-hồi sợ-hãi mà nhớ đến những cái kỷ-niệm trọng-đại, có khi rất bi-thảm, của diễn-dàn, nó có quan hệ đến lịch-sử, thì thật không đáng treo mấy bậc thang mà lên đứng trên ấy, không đáng đập tay lên phiến đá hoa nó bọc lấy mặt diễn-dàn. Diễn-dàn là bàn-thờ của lời nói. Cũng như mọi bàn thờ khác, diễn-dàn muốn ta phải trịnh-trọng, phải thành-kính. Tôi phàn nàn và tiếc thay cho những người mỗi lần bước chân lên đó, ngay đến sau khi đã giẹp yên được mọi nỗi ngại ngùng nơm-nớp lúc đầu, mà cũng không biết hồi-tưởng đến việc xưa, không biết đem theo một cái cảm sâu-xa, không biết tỏ ra lòng thành-kính. Không cảm thấy như thế thì không phải là một nhà diễn-giả. Phải sợ diễn-dàn thì mới ngang được với diễn-dàn, mới sùng-đáng với diễn-dàn. Những ông Gambetta, De Mun, Waldeck-Rousseau, Deschanel, Ribot và Jaurès xưa (dấy là chỉ kể qua mấy người đã mất), đều có nhận thấy sự sợ đó, đều có cảm thấy cái vẻ choáng-váng tê-mê, phập-phồng hồi-hộp cả về phần hồn lẫn phần xác, nó khiến cho trước khi đứng nói, toàn thân bị lay-động một hồi. Đó cũng bởi chung mỗi bài diễn-văn ở trên diễn-dàn phải là một sự hành-động. »

Các bạn coi sách đã nhận thấy rằng ông Briand, nói trên kia,

cũng nghĩ như vậy. Hàng hai-mươi năm trước khi ông Barthou xuất-bản quyển « Nhà Chính-trị », ông Briand đã viết rằng theo ý ông, một bài diễn-văn không phải là một tác-phẩm về văn-chương, nhưng mà là *một việc*.

III

Nói về sự sợ hãi của các ông Nghị khi lên diễn-đàn.

Có nhiều ông Nghị, từ trước khi được bầu lên, đã nổi tiếng là tay « ăn nói giỏi » ở quận mình, huyện mình. Nào là luật-sư, giáo-sư, nào là những người « vai vế », hay đi diễn-thuyết nơi nọ nơi kia, nào là những vị vẫn làm chủ-tịch các nghiệp-đoàn, thường ngày vẫn cả tiếng ở trước mặt nhiều người. Mỗi khi có kỳ họp của Tổng-công-hội, của Tổng-liên-đoàn ở một tỉnh nào trong nước, những vị này đến dự, lại khiến cho mọi người phải thì-thào bảo nhau : « Ông X., ông N., ông Y. v. v... đã đến và mang theo cái tài của ông đến ». Đi đâu nổi tiếng đấy. Thế mà khi vào đến điện Bourbon, những vị này hay đâm ra sợ, không dám bước tám bậc cầu thang để lên diễn-đàn. Nhiều vị cứ chịu làm việc trong các phòng chủ-sự, trong các ủy-ban. Vẫn biết rằng cứ ở đó mà giúp vào việc nghĩ thảo những bài báo-cáo, những điều luật v. v..., có thể ích-lợi cho quốc-dân hơn là lên nói trên diễn-đàn, nhưng mà tên mình không mấy khi được đăng lên Công-báo, và đa-số dân-chúng chẳng biết mình là ai. Cho nên phải coi sự không « nói » trong Viện của những vị thích « nói » ở mọi nơi là một sự bất-đắc-dĩ ; cực chẳng đã nên mới phải ngồi làm việc trong các ủy-ban.

Nhiều ông Nghị, khi đã nổi tiếng là nói giỏi ở Nghị-trường, cũng còn phải nhận rằng mỗi khi lên diễn-đàn, thường hay phát sợ. Cái sợ này là một cái sợ thật-thà, nôm-na, chứ không phải cái sợ bởi nhiều lý-do như ông Barthou nói trên kia.

Ông Chaumet, từng làm thứ-dân và nguyên-lão nghị-viên, từng làm thứ-trưởng, nói rằng :

« Ở Hạ-nghị-viện, có một điều nó khiến tôi sinh ra sợ-hãi, sợ mãi mà không quen được, là cái khoảng đen-đen ở phía dưới diễn-đàn, là cái sự nhớ luôn-luôn đến những viên tốc-ký

đứng chăm-chăm ở quanh đó để chép lấy hết mọi lời tôi nói rồi đem công-bố lên cho mọi người đọc. »

Nhiều ông Nghị khác cũng sợ như ông Chaumet, nghĩa là chẳng những sợ hàng bao nhiêu bạn đồng-viện chăm-chỉ ngồi nghe, lại còn sợ lời mình nói ra đến đâu, đã có mấy người chép theo đến đấy.

Lắm viên luật-sư, to tiếng cãi ở các phiên đại-hình hàng ba-mươi năm trời, từng biện-hộ một cách vẻ-vang cho khách hàng của mình trong nhiều vụ khó-khăn rắc-rối, thế mà khi vào Viện, mấy lần đầu, đứng nói trên diễn-đàn, từ giọng nói cho đến chân tay, cứ run lên bần-bật.

Ông Maurice Ajam có viết một đoạn :

« Ông Nghị đứng nói cho một số đông (kể cả số Nghị-viên, số người làm trong Viện và số công-chúng, lắm buổi họp tới trên ngàn) người nghe, trong số đó, nếu không nói rằng có nhiều người ghen-ghét thì cũng phải nói rằng có nhiều người cạnh-tranh tị-nạnh với mình. Cho nên không những chỉ có mấy ông mới mon-men làm quen với diễn đàn, đứng đó nom ra những dãy ghế chung quanh tự-hồ như những cái dốc cao hun-hút, dễ khiến mình sây-sầm mặt mày mà thôi, đến ngay những ông đã thành thuộc, đã từng được nhiều điều kinh-nghiệm trên diễn-đàn, thường khi tại thấy có vẻ sợ-hãi lo-lắng hơn. Ông Waldeck-Rousseau từng nói trong Viện hàng bao nhiêu lâu, thế mà mãi đến những hồi về sau, mỗi khi bước tám bậc cầu thang lên, hàm còn thấy cứng ra, tưởng chừng như không thể nói được nữa, khiến cho ông phải gắng mà giần từng tiếng mới nói nổi những câu đầu. »

Ông Albert de Mun nói :

« Có lẽ trừ ra vài ba lần đầu không kể, còn thì chẳng bao giờ tôi đứng nói trên diễn-đàn mà lại không bị cảm-động một cách sâu-xa mạnh-mẽ ; cái cảm đó nó làm cho tôi đau-đớn khó chịu, mỗi năm, mỗi tuổi, một thấy nhiều hơn, kỳ đến khi nó khiến tôi sinh ra hư-nhược, đến nỗi không thể đứng nói được nữa mới thôi. »

Ông Paul Deschanel nói :

« Còn gì khổ bằng đứng đợi giờ để lên diễn-đàn ! Trước khi lên nói, tôi cứ hay váng-vắt khó chịu. Khi đã lên đứng trên ấy rồi mới dần-dần dễ chịu. Tuy-nhiên, cái cơ nguy nó cứ quanh-

quần luôn ở bên cạnh mình. Ở trên diễn-đàn cũng như ở ngoài bãi chiến. Chỉ trong một phút đồng-hồ, đã toàn-thắng hoặc đã đại-bại. Diễn-đàn là vinh đấy mà cũng vừa là nhục ngay đấy.»

Ông Millerand cũng thú thật rằng lần thứ nhất ông lên diễn-đàn, bị súc-động quá, đến nỗi đã tưởng không thể nói được câu nào. Nhưng ông tỉnh ngay tâm lại được, và đọc được một bài diễn-văn rất hay.

Ông Marcel Cachin cũng thú với bạn đồng-viện và những viên tốc-ký rằng bạn thứ nhất nói ở Viện cũng thấy choáng-váng hồi lâu.

Ông Henry de Jouvenel, mãi đến khi đã làm Nguyên-lão-nghị-viên cũng hãy còn sợ diễn-đàn. Trước thì sợ suốt từ khi lên đến khi xuống ; sau đã quen mà những câu đầu cũng còn khó nhọc mới nói ra được.

Chính ông Daladier, khi mới được bầu vào Viện, đọc một bài diễn-văn hay, nhưng vì cảm-động quá, đến nỗi phải thú với Viện rằng mình không thể đọc tiếp được nữa. Ông Viện-trưởng tuyên-bố nghỉ họp một lát. Sau ông Daladier lại gắng thu nghị-lực lại để lên đọc nốt. Buổi họp xong, ông ta nói chuyện với anh em rằng khi bắt đầu nói, hai mắt tự nhiên thấy mờ, tự-hồ như các bạn đồng-viện ngồi ở tít tận đằng xa, tiếng mình nói không đến nơi. Càng để ý nhìn, càng thấy chóng mặt, càng thấy hình như anh em ngồi xa lắc xa lơ, chỉ còn như những cái vết trắng-trắng nhỏ tí chấm trên một nền đỏ. Mỗi mắt, chóng mặt rồi sinh ra nhưc đầu dử. Giá không có những tiếng vỗ tay hoặc mấy câu ngắt lời thì dễ thường không đứng nói được đến lúc ông Viện-trưởng thấy mình hào-hiền quá, có cái nhĩa-ý tuyên-bố hội-đồng tạm nghỉ. Từ lần sau trở đi, ông Daladier không thấy như thế nữa.

Còn nhiều ông Nghị khác, cũng nói thật rằng trong khi đợi đến lượt mình lên nói, trong người cứ nôn-nao rạo-rực khó chịu quá. Đến lúc nghe tiếng ông Viện-trưởng tuyên-bố rằng đã đến lượt mình lên diễn-đàn, mới lại càng khó chịu nữa; cái dánh mỗi-một, cái vẻ ngần-ngại, cái lòng sợ-sệt thốt-nhiên tăng lên gấp mấy. Lắm ông Nghị, ngồi chờ mãi, đến lượt mình, lại xin thôi, không nói nữa. Lắm ông, nghe gọi đến tên mình, đi thất-thần từ chỗ ngồi đến cầu thang để lên diễn-đàn, bộ-dạng mặt-mũi lộ ra vẻ chiêu-dăm lo-lắng, hoặc là hót-hơ hót-hải,

tự-hồ như thỉnh-linh nghe báo có tin dữ, chân bước ngần-ngại, cổ thì khô, sau lưng lạnh toát như rội nước. Càng đến gần diễn-đàn, chân càng lầy-bầy; bước có tám bậc cầu thang mà nặng-nề khó-nhọc hơn leo một cái dốc cao ngút-ngàn. Lên đến nơi, để cái cặp rõ ràng nhẹ mà cũng hóa ra nặng trình-trịch lên mặt diễn-đàn, mở cặp, bỏ những tờ giấy thảo cái chương trình diễn văn, hoặc chính bài diễn-văn ra, nâng cốc nước lên, khẽ nhấp giọng một chút, trong mấy dây đồng-hồ chùng-chình đó, có thể tĩnh được tâm lại. Nhưng khi bắt đầu nói, hãy còn nhiều vẻ khó-nhọc, tiếng không được già-giặn, chữ cũng không thấy rồi-rào như lúc thường.

Có mấy ông Nghị lên diễn-đàn luôn. Khi nghe bạn đồng-viện nói chuyện, cũng nhận rằng mình giống bạn lúc đầu. Có khác là chỉ khác ở cái chỗ sau khi nói xong mấy câu đầu, mình dần dần lại điềm-nhiên mà nói được như thường, còn bạn thì vì chưa quen nên hãy còn lập-cà lập-cập từ đầu đến cuối.

Đây nói rằng quen với chưa quen. Nhưng chúng tôi chắc các bạn độc-giả cũng đã từng nghe nói nhiều viên luật-sư đã cao tuổi, nhiều tài tử có tiếng trong các rạp hát, một đảng thì ngày nào cũng ra tòa, một đảng thì tối nào cũng hát trên sân-khấu, thế mà sao mãi vẫn không quen, có người về già hãy còn sợ số thỉnh-giả, khán-giả ở trước mặt hoặc ở chung quanh mình? Chúng tôi sẽ có dịp cùng với các bạn luận về điều này.

Có nhiều ông Nghị, nói thì muốn nói, nhưng cứ ngần-ngại, sợ sệt mãi, không dám lên diễn-đàn. Chẳng lẽ đành chịu! Bèn đi hỏi những bạn đã từng-trải nhiều, hỏi cả những nhân viên ban tốc-ký đã tòng-sự lâu năm. Lời đáp đại-khái như sau:

Hôm nào hội-đồng không họp, nên vào Viện, tập lên xuống diễn-đàn nhiều lần, tập đi đi lại lại trên diễn-đàn, tập nhìn lâu về phía nọ phía kia, tập cử-động hai tay như một người đang nói. Xong, lại chờ những ngày có phiên họp, ngay lúc vừa mới khai hội-đồng, tìm hết cách để lên diễn-đàn, thí-dụ để báo những viên thư-ký của Viện chữa lại cho mình mấy chữ trong sổ, về cuộc đầu-phiếu hôm qua chẳng hạn, mình nghe nói trong sổ biên là mình không bỏ vé, kỳ-thực mình đã có bỏ vé thuận hoặc không thuận v. v... Nhân dịp đứng lẫn-chần mấy

dây đồng hồ trên diễn-đàn, mắt nom khắp các dãy ghế một lượt, thấy cái cảnh-tượng hôm có hội-dồng họp và hôm Viện vắng tanh khác nhau là thế. Đoạn lại tìm cách lên cả trên diễn đàn của ông Nghị-trưởng, tìm có nói với ông ta một vài câu, hoặc nói với viên Tổng-thư-ký của ông ta. Hoặc lại đến ngồi ở hai bàn kê bên phải bên trái diễn-đàn của ông Viện-trưởng, tức là chỗ dành cho những viên thư-ký của Viện ngồi. Đứng ở những chỗ ấy mà nom ra thì dễ làm quen với cái sự mọi người chú-ý nhìn một diễn-giả đứng giữa.

Những lời này xét ra rất có lẽ.

* *

Nói qua về cốc nước nhấp giọng.

Những người nói ở trước công-chúng, thường hay nâng cốc nước nhấp giọng. Nói hồi lâu, khô cổ, phải nhấp giọng, đó là lẽ cố nhiên. Nhưng chưa nói câu nào, đã phải nhấp giọng, có khi lại nhấp một mạch, cạn cả cốc nước, đó là vì lẽ gì ?

Xét ra có nhiều lẽ :

Lắm người, khi bước chân lên diễn-đàn (bất cứ là diễn đàn nào), thường tâm thần bất định, thấy cốc nước thì tiện tay hãy uống một hơi đã, nhân đó mà giệp bớt được mọi sự hồi-hộp trong bụng. Nhưng không định uống cạn mà thành ra cạn, đến lúc cạn mới biết. Lắm người vì ngại ngừng lo sợ mà cồ thành ra khô lại, không uống nước thì không nói được. Lắm người, trước khi đăng đàn, đứng nghĩ lung một hồi, cổ cũng hóa ra khô. Nhiều giáo-sư đại-học-hiệu, nhiều luật-sư có danh, thường nhận rằng vài ba phút trước khi giảng bài hoặc cãi kiện, thường phải uống một cốc nước.

Ngày mồng tám tháng giêng năm 1924, ông Louis Andrieux là Nghị-viên cao tuổi nhất, đứng trên diễn-đàn, ứng khẩu một bài diễn-văn khai-mạc, sau khi nói dứt một câu, ông nâng cốc nước lên, uống từ từ mấy hơi rồi thú thật với bạn đồng - viện rằng :

« Tôi xin lỗi các ngài, vì nói chưa được bao lâu mà đã phải nâng cốc nhấp giọng thế này. Nhưng cái cốc nước này nó có thể giúp cho tôi, cũng như giúp cho nhiều diễn-giả khác, che-đậy giấu giếm được những sự quên sự lằm, và dàn xếp những ý-kiến tư-tưởng trong một lúc đang tán-loạn cho nó liên-lạc với nhau.»

Thấy nhiều ông Nghị, lúc đang nói, bị nhiều bạn đồng-viện la to lên để ngắt lời, nhưng ông Nghị không lấy thế làm lo, cứ ung dung nhấp-giọng, rồi lấy khăn mặt trong túi ra khế lau hai bên mép. Trong khi đó, ông Nghị tĩnh tâm nhớ lại xem cái câu mình vừa nói bị anh em la-ó là câu nào, nghĩ ngay được câu khác, tìm ngay được chữ khác, hoặc là đề chống-chế, hoặc là đề bênh vực câu vừa rồi, hoặc đề pha-phách hoặc điều lại anh em chơi. Ở những trường-hợp ấy, không mấy người biết rõ cái cốc nước kia nó đã giúp sức cho ông Nghị trên diễn-đàn đến thế nào.

Nói ở viện mà ít dùng đến cốc nước nhất, hẳn là những ông Nghị làm luật-sư, ngày ngày biện thuyết đã quen. Rất nhiều ông hay nâng cốc, nhưng mỗi lần chỉ uống một chút. Nhiều ông hay nâng cốc luôn luôn, nhưng hình như môi vẫn không chạm đến nước, đó là những ông tạ-sự nâng cốc để có thì-giờ đặt câu tìm chữ, chứ không cốt để uống. Rồi đến những ông uống một thôi một hồi, uống ừng-ực. Số này ít. Ngoài ra, còn những ông Nghị, dầu uống dầu không, nhưng mà hay hoa múa hai tay, lắm khi gạt mạnh cả cốc nước, bắn sang bên tay phải, ít khi bỏ vào đầu những viên tốc-ký chuyên việc soát, đứng làm việc ở quanh đó.

Nhiều ông Nghị có chân trong các hội-học có tiếng, thường vẫn đi diễn-thuyết nơi nọ nơi kia, thí-dụ như ông Painlevé chẳng hạn, tuổi còn trẻ mà đã được bầu vào Khoa-học Hàn-lâm-viện, đã từng nói trước công-chúng nhiều lần, chẳng lần nào phải dùng đến nước để nhấp giọng. Thế mà mỗi khi lên diễn-đàn ở Viện, vẫn phải có cốc nước phục sẵn. Gần đây, ông uống còn ít, chứ hồi trước, vào khoảng năm 1910, lần ông đăng-đàn đề chất-vấn nội-các Briand, ông uống nhiều đến nỗi bạn đồng-viện đã phải lấy làm ngạc-nhiên. Điều đó chẳng lấy gì làm lạ. Diễn-thuyết cho công-chúng nghe, thường thường diễn-giả hiểu rõ về cái vấn-đề đó lắm rồi. Vả công-chúng phần nhiều nhu-mì, ngồi nghe thì chỉ biết nguyên một việc nghe; dầu có ai không khen, không hoan-ngheh, họ cũng không nói ra ngay lúc ấy. Ở Viện thì khác hẳn. Hễ sai một chút là bạn đồng-viện la-ó lên ngắt lời và phản-đối ngay.

Dạo trước, ông Paul Beauregard, giáo-sư ban luật-học ở trường Cao-dẳng Paris, có chân trong Luân-lý Chính-trị Hàn-

lâm-viện, nói ở diễn-đàn, không cần nhấp giọng. Nhưng thỉnh-thoảng vẫn thấy ông một tay nâng cốc, một tay giở tập giấy biên lược những ý-kiến, hình như có ý vừa nhấp giọng vừa tìm một tờ giấy. Có khi nâng cốc nhấp giọng rồi mới tìm. Có khi tìm xong rồi mới nhấp giọng. Để ý xét thì ra đó chỉ là những cách ông định bụng làm ra, vì lẽ rằng ông thường hay nói nhanh. Sau mỗi câu có ý-từ gì là-lạ một chút, đáng khiến cho Viện đề ý, ông dềnh-dang mấy dây đồng-hồ cho Viện nhận thấy và hiểu cái ý tứ đó. Dùng cốc nước như vậy cũng là một cách khôn-khéo của diễn giả.

Năm 1906, ông « Cọp » Clémenceau, Tổng-trưởng bộ Nội-vụ, lên diễn-đàn đề bênh vực những sự hành-động của mình bị mấy diễn-giả thuộc đảng Xã-hội, nhất là Jaurès, công-kích. Một nhân-viên của báo *Matin*, chuyên giữ mục nói về Viện, có tả-cảnh trong báo, trích ra một đoạn như sau này :

« Ông Clémenceau già-giận lên diễn-đàn. Ông đặt cái cặp tổng-trưởng của ông lên mặt thắm xanh một cách quả quyết. Ông mở cặp, lấy ra nhiều giấy má, rồi sắp đặt lại cho có thứ tự. Đoạn ông đứng thẳng người lên. Cốc nước vừa mang đến, đặt trên diễn-đàn. Ông cầm lấy, nhấp một chút, rút khăn mặt lau qua trên miệng rồi lại bỏ vào túi áo, cài lại khuy áo một cách mạnh-mẽ, xong rồi thọc nắm tay phải vào một túi, tay trái xòe ngón ra, để vào cạnh sườn. Cái trán cao và đều-dặn, lộ ra vẻ thông-minh, bấy giờ mới ngẩng lên, cặp mắt lúc thường đã sâu, bấy giờ lại sâu hơn, cái miệng ngào-ngạo, thích điệu-cợt, há ra để nói một cách rất giống-giạc, v..v..»

* *

Về cái thứ nước nhấp giọng, mỗi ông Nghị một tính. Muốn dùng thứ gì, cứ bảo « bé con » giữ về việc đó. Một phòng nhỏ, ngay bên cạnh phòng hội-đồng, dùng làm nơi chứa đủ các thứ nước dùng để nhấp giọng. Những ông vẫn nói quen xưa nay thì không phải dặn lại, bé-con khắc biết mang lên diễn-đàn thứ nước mà các ông ấy sở thích vì đã có một bảng biên rõ. Những ông mới nói một vài lần đầu, phải bảo trước để bé-con sửa-soạn rồi mang lên.

Lắm khi, trong một buổi họp, nhiều ông Nghị lần-lượt dềnh-dàn. Mỗi khi một ông lên, bé-con lại mang đến một cốc nước mới pha theo cái tính thích của ông và bỏ cốc của ông trước xuống.

Nhưng, có ông vì vội uống, thành ra trước khi bé-con tới, ông đã soi cạn luôn cốc nước cũ. Nếu ông nhận ra rằng không phải cốc nước dành cho mình thì bận sau, trước khi đăng-dàn, ông phải ân-cần dặn bé-con rằng hãy nghe ông Viện-trưởng gọi đến tên ông và mời ông lên nói thì phải lập-tức mang ngay cốc nước mới lên.

Nhiều khi thấy bé-con mang đến cho những ông Nghị mới lên nói lần đầu một phần cốc nước chanh nấu với đường (sirop) và một bình nước lọc, hoặc đã pha lẫn hai thứ vào với nhau. Ông Nghị nào mới nói cũng phải uống thứ nước này, nếu quên không dặn bé-con trước. Đó là vì bé-con chưa biết tính ông nên cứ đưa ra một thứ nước phổ-thông nhất.

Nhiều ông Nghị có tuổi, mỗi khi nói chuyện đến nước nhấp-giọng, thường cùng một ý với nhau mà cho rằng thứ nước chanh pha đường đó rất không lợi cho diễn-giả, vì nó hay làm cho sự nói sinh ra khó và cồ dề khô.

Về phần diễn-giả, có ông nhấp một chút, cho là dùng được, tợp luôn mấy tợp ; có ông hơi chau mày, có ông khẽ nhăn mặt. Những ông này, chắc hẳn lần sau có nói, sẽ bảo bé-con pha thứ khác.

Trên cái bảng kê những thứ nước nhấp giọng của từng ông Nghị, ta thấy nhiều thứ khác nhau : nước suối Vichy, nước suối Vittel, nước suối Evian, rượu bia, (có ông lại dùng ba bốn thứ bia pha lẫn với nhau), cà-phê nguội không bỏ đường, cà-phê nguội có đường, cà-phê nóng có đường, cà-phê nóng không có đường, sữa nguyên chất, sữa pha nước suối, nước nóng hoặc nguội pha chanh, rượu và đường, nước cam, nước lê hoặc táo nấu với đường, nước trà, rượu vang trắng có pha nước, rượu vang đỏ nguyên chất hoặc có pha, v. v... Ông nào uống nguyên chất thì cứ để nguyên một cốc. Ông nào uống pha thì cứ để sẵn một cốc nước lọc, để ông pha lấy. Bé con đặt 2 cốc trong cái khay, bung lên để trên diễn-dàn.

* * *

Nói về cái thì-giờ của diễn-giả.

Cổ lai, ở những chỗ hội-hợp đông người, vẫn có những người thích nói, mà nói thật lâu. Nhiều khi chẳng có ý-kiến gì cao-xa mới-mẻ mà cũng cứ lải-nhải nói mãi. Cái chứng đó

không lấy gì làm lạ, vì nó chính là một cái bệnh, một cái thói chung của người các nước, phần nhiều cứ nghĩ rằng quý-hồ biết cướp lời mà nói giằng-giai hồi lâu là mọi người chung-quanh phải phục, không hiểu rằng nói vắn tắt mà có ý-nghị quý hơn.

Nước Pháp vốn là một nước thích nói, thích diễn-văn. Mỗi khi có cuộc hội-hợp nào, tất-nhiên lấy diễn-văn làm đầu vị. Ngay như hồi Cách-mệnh 1789, thật là đang lúc « quốc-gia đa-sự », thế mà các ông Dân-biểu phần nhiều cũng vẫn thi nhau « đít-cua đít cây », vẫn tìm từng chương dò từng câu, ngồi chuốt đi chuốt lại bài văn cho thật chỉnh rồi mới đem đọc.

Buổi họp ngày 3 Aoùt 1789 của Hiến-pháp hội-nghị (Constituante), cũng như nhiều buổi họp khác, bề-bộn những diễn-văn. Ông dân-biểu Bouche phải đứng lên nói với Viện rằng « Tôi hiến Viện một cách để khiến cho sự bàn-bạc được dễ-dàng nhanh chóng hơn, là xin ông Viện-trưởng đề trên bàn của ông một cái đồng-hồ cát, cứ năm phút chảy hết bầu, và ông Viện-trưởng cũng báo cho diễn-giả biết rằng thi-giờ nói đã hết . »

Nhưng bài diễn-văn nào cũng dài, và các ông Nghị thì không chịu uổng công thảo bài, những ông nói ứng-khẩu cũng muốn nói lâu, không chịu nói trong năm phút, thành ra lời ông Nghị Bouche không có hiệu-quả gì.

Từ bấy đến nay, thỉnh-thoảng Viện ngại nghe diễn-văn dài quá, vẫn nghĩ đến sự ngăn-ngừa cái chứng « nói dai », nhưng chưa tìm được cách nào công-hiệu.

Những người nói ở chỗ công-chúng, đều là những người muốn cho người nghe nhận thấy những tư-tưởng của mình và ghi nhớ lấy, nhưng không tất nhiên là cứ phải nói cho rõ nhanh. Những diễn-giả nào đã có ít chút kinh-nghiệm, trong những buổi họp có nhiều người lần-lượt đứng nói, Viện nghe lâu đã mệt, khi đến lượt mình đăng-đàn, lại càng cố-ý nói cho thật rõ-ràng thông-thả, giằng từng tiếng để khỏi « phí » mất chữ nào. Thành ra đã lâu lại lâu thêm. Thường thấy có những buổi họp hàng hai-mươi mấy tiếng đồng-hồ thông luôn là cũng vì thế. Ngày 24 Janvier 1905, một buổi họp lâu tới hai-mươi-sáu giờ. Ngày 29 Décembre 1919, một buổi họp lâu tới hai-mươi-bốn giờ. Nhiều ông Nghị ngồi gục vào bàn mà ngủ.

Ông Viện-trưởng cũng mỗi-một, hai mắt gấp-gay. Duy có ban tốc-ký trước sau vẫn phải thay đổi nhau mà làm việc cần-thận như thường.

Mấy ông Nghị phải xem lại bài diễn-văn của mình trong những buổi họp lâu như thế, mới lại càng thấy khó-nhọc : mắt thì buồn ngủ dính lại, người thì mệt, mà phải đọc những bản chép bằng mười-mấy lỗi chữ của mười-mấy viên tốc-ký thay đổi nhau chép và dịch. Nhiều ông bấy giờ mới tiếc rằng Viện mình sao chẳng bắt-chước Thượng-nghị-viện, để những viên tốc-ký đọc lại bài cho mấy viên thư-ký đánh máy thành những bản sáng-sủa dễ đọc có hơn không.

Năm 1910, ông Charles Beauquier, làm Nghị-viên đến bấy giờ là đã được hơn ba-mươi năm, đã nhận thấy rất nhiều bài diễn-văn, lời-lẽ thì rậm chi rậm chít mà ý-kiến thì lơ-thơ, nhân lại thấy có ông Nghị nước Anh nói rằng : « một bài diễn-văn về chính-trị chỉ có thể khiến tôi thay-đổi được đôi chút ý-kiến, chứ chưa bao giờ khiến tôi thay đổi được sự bỏ vé quyết-nghị của tôi », ông Charles Beauquier trình với Viện nên hạn cái thì giờ của mỗi diễn-giả đứng nói là nửa giờ. Viện cho ý-kiến đó là hay, nhưng không tất-nhiên là có thể nghĩ luôn được đến sự hạn-chế cái thì-giờ nói.

Chúng ta nghe hai tiếng « nửa giờ », ta cho là ít-ỏi, ngắn-ngủi quá. Nhưng nếu ta biết rằng có nhiều ông Nghị nói rất nhanh, thì có khi ta lại cho nửa giờ là lâu vậy. Có ông, trong nửa giờ, chỉ nói được một bài, đăng hết độ bốn cột Công-báo. Nhưng có ông, cũng chỉ trong quãng thì giờ đó, nói được một bài đăng kín mười cột còn thừa.

Những nhân-viên trong ban tốc-ký thường dùng chữ « fusée » (pháo thăng-thiên) để chỉ những câu, những đoạn nào nói nhanh quá, nhanh tới từ 190 đến 210, 215 tiếng trong một phút. Nhân tiện, tưởng cũng nên nhắc rằng bất cứ ở đâu, nói vừa to, vừa rõ-ràng, vừa nhanh là một sự rất khó và rất mệt ; huống-hồ ở Viện, lại càng khó và mệt lắm. Dầu diễn giả nói phải đến đầu mặc lòng, vẫn có một số bạn đồng-viện ở đảng khác chỉ chực « đâm ngang » vào những câu để ngắt lời.

Trước có những ông Paul Déroulède, Pressensé, René Viviani là những ông nói nhanh nhất ; gần đây có những ông như Louis Marin, Charles Dumont, Albert Sarraut, Paul-Boncour,

Herriot, Régnier, v. v. nói cũng rất nhanh.

Theo như sự ước lượng của mấy tờ báo lớn bên Pháp thì sức nói nhanh (tính trung-bình) của những ông Nghị hay đảng-dàn như sau này :

Paul Déroulède, Pressensé : 200 tiếng trong một phút.

Viviani, Léon Perrier : 190 tiếng.

Louis Marin, Herriot : 185 tiếng.

Charles Dumont, Albert Sarraut, Guernut : 180 tiếng.

Breton, Régnier, Doriot, Campinchi, Archimbaud, Paul-Boncour : 170 tiếng.

Thiers, Grévy, Gambetta, Poincaré, Caillaux, Piétri, Béranger, Thorez, Auriol, Flandin, Delbos, Franklin-Bouillon, Lebrun, Painlevé, Daladier, Paul Faure : 160 tiếng.

Aristide Briand, Laval, Moutet, Varenne, De Monzie, Dalimier, Tardieu : 150 tiếng.

Casimir-Perier, Félix-Faure, Deschanel, Alexandre Ribot, Chautemps, Blum : 145 tiếng :

Millerand, Loubet, Fallières, Jules Ferry, Guesde, Jules Simon, Georges Leygues, Doumergue, Taittinger, Cachin : 140 tiếng.

Waldeck-Rousseau, Léon Bourgeois, Audiffred, Motte, De Freycinet, Dupuy, Challemel - Lacour, Méline, Jules-Roche, Brisson, Jaurès, Clémenceau, Barthou ; 130 tiếng.

Pelletan, De Broglie, Piou, Borel, Viollette : 120 tiếng,

Deloncle, Weiller v. v. 100 tiếng.

Còn nhiều ông nữa, nói nhanh từ 80, 90 đến 100, 110 tiếng.

Đây là kể cả những ông đã mất và những ông còn sống.

Trong số mấy chục ông kể trên đây, nhiều ông đã lên Thượng Nghị-viện, nhiều ông đã làm Viện-trưởng, hoặc Giám-Quốc, hoặc Thủ-tướng, hoặc Tổng-trưởng. Có mấy ông đã từng làm Tổng-trưởng nhiều lần, từng làm Thủ-tướng nhiều lần, thí dụ như ông Briand chẳng hạn, có tới mười phen làm Thủ-tướng.

Chúng tôi rất tiếc rằng không biết căn-cứ vào sách báo nào để biên nốt ra đây cái sức nói nhanh của mấy ông nữa, hiện đang làm Tổng-trưởng, Thứ-trưởng trong Nội-các Blum, hoặc đang là yếu-nhân ở nước Pháp.

Những ông nào hay có tính nói nhanh thì ngay cái khi lên

diễn-đàn cũng nhanh, không chịu bước mỗi bước một bậc thang, lại bước hàng hai ba bậc một, thành ra chỉ ba bước đã lên đến diễn-đàn. Nhiều ông sốt-sắng đến nỗi không đợi đứng trên diễn-đàn chỉnh-tề rồi mới nói, lại bắt đầu nói từ lúc trèo thang lên, Thí-dụ như những ông : Breton, Dumont, Sarraut, Forgeot, Louis Marin, Herriot, v. v.. chẳng hạn. Nhưng cũng có ông bước lên diễn-đàn nhanh-nhẩu, mà lên đến nơi lại lẩn-chần chưa nói vội. Có ông lên diễn đàn chậm-chạp, nhưng mới đến bậc thứ tám đã cất tiếng nói lên rồi.

Trái lại, những ông không hay nói nhanh thì khi lên diễn-đàn cũng thông-thả ; lên đến nơi còn giở cặp ra soát lại giấy má, hoặc rút khăn mặt lau qua trên trán, trên má, hoặc nâng cốc nước nhấp giọng, v.v... Thí dụ như những ông Briand, Deschanel, Jaurès, Clémenceau, Millerand, Tardieu, Barthou, Taittinger, Jules Roche, v. v... chẳng hạn.

Những ông hay nói những câu giản-dị, hay dùng những chữ thông thường, trong dân-gian thường nói, thì dẫu nói nhanh đến đâu, Viện cũng vẫn hiểu. Những ông hay dùng câu dài, cách xếp đặt trong câu hơi khó, Viện phải đề ý mới nghe rõ và mới hiểu được. Thí-dụ như hai ông Jaurès và Barthou, nhất là Jaurès. Hễ nói nhanh lên đến 150 tiếng trong một phút, Viện đã hơi khó hiểu, vì lời văn cầu-kỳ. Chính các ông ấy cũng biết như thế ; cho nên bài nào sửa-soạn kỹ, tư-tưởng cao, văn-chương hay, tất phải nói thông-thả, từ 110 đến 120. Nếu nói về một vấn-đề dễ hơn, câu không cần phải chuốt cho lắm, sức nhanh có thể lên tới 150, 160, mà Viện nghe cũng không lấy gì làm khó.

Còn như cái giọng văn là tùy theo từng người, không cứ là ở đảng nào là hay nói giọng nôm-na, và ở đảng nào là hay nói giọng cầu-kỳ hoa-mỹ. Thí dụ như ông Jaurès, thật là ở đảng Xã-hội mà lời nói thật văn-vẻ chải-chuốt, ông Paul Beauregard (xem trang 53) chẳng lấy gì làm xã-hội, làm bình-dân, thế mà lời-lẽ rất nôm-na ; ở trên diễn-đàn, định nói về việc gì là nói thẳng ngay đến nơi, dùng những lời, những câu rất là bình-dị.

Nhiều ông Nghị giàu kinh-nghiệm nói rằng : Diễn-thuyết ở ngoài cho công-chúng nghe thì lấy một giờ đồng-hồ làm hạn. Lâu nữa cũng chỉ một giờ mười-lăm phút là nên thôi. Vì lắm khi diễn-giả mãi nói, không biết mệt, còn thính-giả ngồi lạng mà

nghe, đã thấy mỗi mệt. Đến như trong Viện thì nên rút ngắn đi nữa, nghĩa là khi mới khai buổi họp, Viện còn chăm chỉ ngồi nghe, mới nên nói đến một giờ. Càng về cuối buổi họp, viện càng mệt, rút ngắn được chừng nào càng tốt chừng nấy ; nói độ mười phút, nhiều khi lại có hiệu-quả hơn là nói hàng giờ.

Nhưng chẳng có lệ-luật nào cứ phải tất-nhiên như thế.

Ông Poincaré hồi trước, tất chẳng phải là người nói-năng lộn-xộn, chẳng phải là người thích nói nhiều đề cướp lời hay đề nạt-nộ anh em, thế mà lắm khi ông phải nói tới bốn giờ đồng-hồ thông luôn. Viện nghe rồi thì thôi ; bằng không, buổi họp sau ông lại đứng nói luôn ba bốn giờ nữa, rồi lại ba bốn giờ nữa, nghĩa là nói tới khi lời mình phát-sinh hiệu-lực mới thôi !..

Nhân nói đến sự diễn-thuyết lâu, tưởng cũng nên nhắc qua đến cái sức nói khỏe của nhiều ông Nghị. Ông Poincaré ở trong Viện, nói khỏe, cũng như ông cãi kiện khỏe ở ngoài tòa. Lắm vụ kiện oái-oăm, tình-tiết ly-kỳ, manh-mối chẳng-chịt, ông phải đứng biện-hộ cho khách hàng suốt mấy phiên tòa. Ông Viviani, nói vừa khỏe vừa nhanh, (có người ngờ là ông học thuộc như cháo những bài diễn-văn, cho nên đọc lắm lúc nhanh quá). Ông Jaurès nói cũng rất khỏe, và ở ngoài lại hay thị-tài nói trong những phòng rất rộng. Ở Viện, ông không phải nói lâu mấy khi ; chỉ ở ngoài, khi đảng Xã-hội họp để bàn, lắm bận ông đứng nói suốt hai ba buổi. Gần đây, có những ông Herriot, Paul-Boncour (ông này, hồi mấy năm trước, đã từng đứng nói suốt hàng bốn năm buổi họp ở hội Vạn-quốc mà không thấy mệt), Thorez, Campinchi v. v.. nói cũng rất khỏe.

...

Lại nói qua về cách cử-động tay chân của những ông Nghị trong khi diễn thuyết.

Ông Jaurès, thường hay để một tay, (tay trái) sau lưng, tay phải cứ từ vai chỉ thẳng ra trước mặt, lại rút về vai rồi lại chỉ ra, tự-hộ muốn đầy mạnh, muốn phóng những ý kiến của mình vào các bạn đồng viện. Những lúc khác, ông mãi nói hoặc đọc thuộc lòng những câu thơ câu văn xưa, tay hoặc là chỉ lên trên trần, hoặc là dang ra, hoặc là chia cả ra phía trước, tự-hồ bung cái gì mà đưa cho ai. Không mấy khi ông chịu để hai tay dờ-dẫn.

Những lúc tranh-luận kịch-liệt ông còn có nhiều cách cử-động khác (xem trang 39). Thủ-tướng Blum bây giờ, thỉnh-thoảng cũng hay có cái tay chỉ trở đưa-đầy như Jaurès, nhưng không được hùng-dũng bằng. Ông Clémenceau cũng hay chỉ-trỏ, lắm khi lại hình như nắm tay lại rồi thọc mạnh vào hai túi áo. Đang nói, nếu chợt có người ngắt lời, thì hoặc là ông đứng kiễng hân chân lên, ra điều : ta hết sức chú ý nghe đây, cứ nói đi ; hoặc là ông quay phắt người lại phía ông bạn đồng-viện vừa ngắt lời, « quất » cho một chập, ông kia phải nín thin-thịt hoặc phải cùng với anh em mỉm cười vì những câu ông dùng để « quất » có ý-nhị, có duyên. Lắm khi ông « Cọp » còn có cái bộ-dạng khiến cả Viện phải bật cười, là đang nói, nét mặt nghiêm chăm-chăm, thấy ai kêu lên một câu vô-lý hoặc hơi chướng, ông trợn tròn xoe hai mắt, nheo cái miệng ngào-ngạo lại, hai gối khuyu xuống một chút, hai tay thì xòe ra, giơ cao lên khỏi đầu, ra vẻ một người khùng-khiếp ghê-gớm vì lời nói không có nghĩa-lý gì. Ông Viviani hay đưa hai tay xuống phía trước diễn-đàn mà ngoáy, tự-hồ như người quấy nhầu những ý-kiến trong một cái thùng, quấy một hồi rồi lựa lấy một cái ý-kiến ở tận đáy thùng, hai tay lại bung lên rồi tung mạnh lên trời. Ông Barthou, thỉnh-thoảng cũng như Jaurès, hay nhuai mình ra khỏi diễn-đàn, tay vươn dài ra, tự-hồ như muốn với cái gì ở xa chỗ mình đứng, thỉnh-thoảng lại đưa cả hai tay lên sửa lại cái kính cho khỏi lệch-lạc trên mũi. Ông Cachin (Nghị-viên Cộng-sản, sau lên Thượng-nghị-viện) thì tay cứ luôn luôn như người bơm nước. Có nhiều ông Nghị đã phải nói rằng ; cách cử-động của ông Cachin cũng khó thay đổi như những bài diễn-văn ông đọc. (Vì những ý-kiến và lời lẽ, ông phải theo mệnh-lệnh tự Nga đưa sang, chứ không có quyền rộng trong sự phát-biểu ý-kiến ở Viện). Còn nhiều ông nữa, có khi nói thì ít mà đầu cứ ngoảnh đi ngoảnh lại thì nhiều, khiến anh em phải bình-phẩm khế với nhau rằng : « Kia nom, khác gì con gấu ở vườn Bách-thảo. » Có ông cứ luôn tay dấm thỉnh-thịch xuống phiến đá hoa dùng làm lợi diễn-đàn ; có ông cứ nhấp-nha nhấp-nhồm, tự-hồ như ngựa-ngáy sau lưng ; có ông hết bỏ kính ra lại đeo kính vào ; có ông lại cúi xuống ngàng lên, gật-gà gật-gù ; có ông lảo-đảo như say rượu, loạng-choạng như sắp ngã ; có ông lại lắc-lư cả người, càng nói hăng lại càng thấy lắc-

lư già, khiến bạn đồng-viện phải thi-thảo bảo nhau rằng : « Ô hay ! sao lại chòng-chành như đứng trên thuyền thế kia ? » ; có ông hai tay cứ bơi-bơi, ngoảnh mặt về phía nào lại bơi-bơi về phía ấy ; có ông hết vuốt tóc trên đầu lại vuốt-ve diềm-đàn ; có ông vừa nói vừa giơ tay dúi sang bên phải bên trái, tự-hồ cù ai, sói ai một cái hay là chộp lấy một vật gì ; có ông hay cào lên trên tập bài đề trước mặt ; có ông cởi khuy áo ra chán rồi lại cài khuy áo vào ; có ông thỉnh thoảng đưa tay lên sờ qua bộ râu mép ; có ông thọc hai ngón tay cái vào hai túi áo « gi-lê », rồi trợn ngực ; có ông hai tay cứ nắm lấy hai « rơ-ve » áo mà phanh ra. v.v...

Nếu đã có những ông Nghị hay cử-động như vậy thì trái lại, có những ông Nghị chẳng thích cử-động tí nào, người cứ đứng ngay như khúc gỗ trên diềm-đàn, tay thì hết đề trên diềm đàn lại buông thõng hẳn xuống, thỉnh-thoảng mới bắt quặt ra đằng sau, hoặc là khoanh vào trên ngực, hai mắt thì lim dim, có khi nhắm hẳn lại, bộ dạng nom như lử-thử lừ-thừ. Ông Waldeck-Rousseau chẳng hạn, ở vào trong số những ông này. (Nhưng không tất-nhiên là ông ta cứ đứng yên. Mấy bạn cãi kiện ở tòa, ông có những cái ngôn-ngữ cử-chỉ rất ý-nghị tài-tình, nó giúp ông một phần trong sự thắng-lợi, mặc dầu cái tài biện-thuyết của ông trước sau vẫn là giỏi. Trong quyển « Tài hùng-biện » chúng tôi sẽ còn có dịp nói đến ông. Nhân-tiện, chúng tôi xin thừa với các bạn đọc sách rằng : sở-dĩ chúng tôi không dẫn-động đến những ông Nghị có tài « khâu-thiết » về hồi Cách mệnh năm 1789, như Mirabeau, Danton, Marat, Vergniaud, Barnave, Saint-Just, Robespierre v. v. cùng là nhiều ông Nghị cũng sẵn tài ngôn-ngữ, từ khoảng năm 1800 đến nay, là vì chúng tôi e nói cả ở đây thì dài-dòng quá, và có ý để riêng vào một vài mục trong quyển « Tài hùng-biện » hoặc là trong những quyển thuộc loại sách khảo về cái tài ấy, chúng tôi biên soạn rất công-phu, và sẽ cùng xuất-bản với nhiều sách khác sau này.

Nói qua về tiếng nói của các ông Nghị, khi ở trên diềm-đàn.

Trong một quyển sách khảo về tài hùng-biện ở nước Pháp, của ông Joseph Reinach và quyển « Khoa Tu-từ-học của dân-chúng » (*La rhétorique du peuple*) của ông Gache, thấy có những câu, đại-khái như sau này :

« Những người hãy còn vụng cứ tưởng rằng quý hồ chịu khó nói cho to, quát cho to, át được những tiếng ồn-ào là mọi người sẽ yên, không làm ồn-ào nữa. Nhưng trái lại, càng nói càng quát, thính-giả càng si-sảo nói chuyện với nhau. Những diễn-giả đã có kinh-nghiệm, khi mới bắt đầu nói, thường hay nói nhỏ. Cử-tọa thấy vậy tự-khắc chú-ý nghe, hồ thấy ai vô-ý thì-thào, cử-tọa khắc bảo người ấy hãy lặng-thinh, tức là cử-tọa giữ trật-tự lấy. Thành ra diễn-giả không phải bận lòng can-thiệp chút nào mà ai nấy vẫn ngồi tĩnh để nghe v.v... »

Những diễn-giả ở Viện còn lạ gì mà chẳng biết những điều đó. Vậy mà nhiều ông, nhất là những ông mới được bầu lên, không biết cất tiếng nói thế nào cho vừa nghe, lắm khi nói to quá, lắm khi lại nói nhỏ quá. Những ông không làm luật-sư, giáo-sư, nghĩa là không nói to và nói lâu quen đã đành; ngay đến những người đã đứng giảng ở trong các trường trung-học, đại-học, đã cãi-kiện ở các tòa án lâu năm, khi nói ở Viện, cũng thường hay khiến bạn đồng-viện đâm chán, vì nói nhỏ quá khó nghe. Nói nhỏ mà lại nói nhanh, càng khó nghe lắm. Có ông lại nói to quá, đến nỗi mới được mười phút đồng-hồ đã thấy rất cở, nhức hai bên thái-dương, rồi chóng mặt. Có nhiều ông Nghị, nói to một lát, thấy mệt, bèn hạ giọng nói nhỏ, nom anh em mỉm cười, lại không dám nói nhỏ nữa, cất luôn giọng cao lên như trước. Nhiều ông cứ lên giọng xuống giọng như vậy nhiều lần, thành ra cái giá-trị bài diễn-văn bị giảm mất một phần. Nhiều ông đang nói phải xin nghỉ, cũng vì nói to quá.

Những ông Nghị lão-luyện như Clémenceau, Briand, Poincaré, Viviani, Jaurès, v. v... nói vừa đủ nghe. Trừ những khi cố-ý nói to hơn nữa để mà chơi hoặc để tỏ ra rằng ta dư sức đây thì không kể. Nhất là ông Jaurès, rất khéo lấy giọng cho hợp với gian phòng mình đứng nói. Nhiều khi, ông thị-tài, nói ở những phòng rộng thênh-thang, chỉ một chữ đầu đủ khiến ông biết rằng nên lấy giọng nào thì đủ nghe, người ở tận cuối phòng, cách xa chỗ ông đứng nhất, cũng nghe rõ từng tiếng. Suốt một đời, ông không từng gặp một phòng nào ông phải lo rằng rộng quá.

Ông Guillaín là người rất đề ý đến cái tài ngôn-ngữ, trong một quyển sách của ông nói về các luật-sư, có câu rằng :

« Có những viên luật-sư cãi kiện cứ như là nhai ra, có viên thì lại kêu-hò, lại như khóc, lại cầu-nhàu, lại lảm-bầm, lại thổ-thể, lại ù-ờ, lại láy đi láy lại, lại dịp-dàng như cầu kinh, lại lên bổng xuống trầm như hát bội. Những viên thật là nói, thật là cãi, chưa được bao nhiêu.»

Câu này dùng để nói về các ông Nghị cũng đúng. Người và tính-nết đã khác nhau thì tất nhiên tiếng nói cũng khác nhau. Trong quyển «*Tài hùng-biện*», chúng tôi sẽ cùng với các bạn độc-giả nhận xem những ý-kiến của những bậc danh-nhân trong các giới đối với *tiếng nói* và *giọng nói* thế nào.

. . .

Nói về cái thái-độ của những ông Nghị khi bị bạn đồng-viện ngắt lời, hoặc la-ó lên phản đối.

Ở vào trường-hợp này, ông nào không soạn bài kỹ, không nhớ rõ những ý kiến làm cốt-trụ cho sự lập-luận của mình, thường bị hoảng, sinh ra lập-cập, không nói tiếp được nữa. Soạn bài kỹ, nhớ rõ mà không tĩnh-tâm cũng hỏng; vì nhiều câu «*đâm ngang*» ở nhiều ghế đưa lên, mình trả lời không xuê, cũng sinh ra bối-rối.

Có nhiều ông Nghị, không hay lên diễn-đàn, nhưng có tài chế-diệu, có nhiều khóe để châm-chọc anh em. Ông Nghị ở trên diễn-đàn, bị châm-chọc mà ngơ đi thì sợ anh em cười mình chậm trí-khôn, mà trả lời lại thì trong khi vội vàng, hay bị hớ. Có ông cho rằng ngơ đi còn hơn là bị hớ. Có ông cứ nói tiếp, vừa nói vừa nghĩ cách, một lúc mới «*trả miếng*» lại. Có ông ngừng lại, nghe câu châm-chọc đoạn rồi nhìn thẳng vào ông bạn vừa nói mà rằng: «*Có thể thôi ư?*», hoặc là: «*Ông không ngắt lời tôi nữa à?*» hoặc là «*Ông không tiếp theo nữa chứ?*», rồi lại điềm nhiên nói nối cái câu vừa bị chặn.

Những ông vừa kể trên kia, nổi tiếng là nói giỏi, không phải rằng chỉ giỏi trong sự đứng nói, mà lại còn giỏi cả ở cái chỗ trả lời những câu «*đâm ngang*», giỏi ở cái chỗ, trong chớp mắt, khéo biết cắt tiếng to lên để át cái câu «*đâm ngang*» kia đi, lại giỏi cả ở cái chỗ khéo măn-ngờ, khéo tâng-lờ như không nghe thấy gì, khéo khoanh tay vào ngực, hoặc khẽ tựa vào phía sau diễn-đàn, chờ câu «*đâm ngang*» dứt, lại thản-nhiên mà nói tiếp ý-kiến mình, tự-hồ mình khinh lời đâm ngang, chẳng

buồn đáp lại.

Nhiều ông Nghị còn giỏi cả ở cái chỗ khéo biết phân-biệt những câu đàm ngang nào đáng trả lời, những câu nào không đáng trả lời. Câu nào đáng trả lời thì chỉ trong vài dây đồng-hồ, trả lời lại một cách rất ý-nghị tài-tình ; câu nào không đáng trả lời, thì hoặc là ngơ đi như không buồn đếm-xỉa đến, hoặc là có một cái điệu-bộ riêng, khẽ dùng đề điều lại cho ông bạn ngắt lời kia cũng phải bật cười, hoặc phải tức bực mà thui đi. Ông Briand và nhất là ông Clémenceau ngày trước, rất giỏi về cách này. Ông Viviani trả lời cũng khéo, nhưng ít bị ngắt lời. Có người cho là vì ông nói nhanh quá, anh em không hay ngắt lời ông. Trong số những ông hay trả lời một cách mạnh-mẽ sâu cay, tưởng cũng nên nhắc đến ông Jules Guesde thuộc đảng Xã-hội.

Có nhiều ông, lúc thường thì nói-năng rất hòa-nhã ; nhưng hễ động có ai ngắt lời thì lập-tức sinh ra hùng-hồ trắng-trợn. Có ông, nếu không bị ngắt lời thì nói lại không được giỏi.

Những ông đã từng lâu năm chiến-đấu bằng lời nói, biết giúp cái tính nóng của mình rất khéo. Trái lại, nhiều ông còn hăng hái quá, thường bay nổi nóng trên diễn-đàn, thành ra nói-năng lắm khi thất-thố, lắm khi bất-nhã, có khi câu quá không nói được nữa, có khi hậm-hực mà nói, tất-nhiên cái giá-trị của bài diễn-văn cũng bị giảm đi. Những ông như Clémenceau, Poincaré, Viviani, v.v... thường khi trong bụng không câu-kỉnh mà bề ngoài làm ra bộ câu-kỉnh rất khéo. Từ trong Viện cho đến mọi nơi ở ngoài, ông Briand đã tỏ ra cho ta hiểu rằng ông là người tuy hơi nhút-nhát nhưng tinh-tâm đặc biệt.

* * *

Các bạn độc-giả tất cũng đã biết rằng những ông Nghị nói giỏi ở Viện xưa nay, phần nhiều là giáo-sư và luật-sư cả. Những ông Alexandre Ribot, René Viviani, Aristide Briand, nhiều phen làm Thủ-tướng, vốn là luật-sư. Những ông Jules Grévy, Loubet, Fallières, Poincaré, Millerand, từng làm đến Giám-quốc, vốn cũng là luật-sư. Nhiều ông đã thành yếu-nhân trong chính-giới mà vẫn giữ nghề, vẫn ra tòa cãi kiện như thường.

Viết đến đây, lại nhớ đến ông Poincaré. Ông giúp việc cho luật-sư Du Buit là một luật-sư rất giỏi, đứng vào hàng nhất nhì ở Paris bấy giờ. (Chính Du Buit đứng biện-hộ cho Fontane trong vụ Panama, tại trước tòa đại-hình, phiên họp hồi tháng Janvier 1893). Hai-mươi-sáu tuổi, trúng cử Nghị-viên, ông Poincaré vẫn xem hồ-sơ, sửa-soạn bài cãi như thường. Năm ba-mươi-ba tuổi, làm Tổng-trưởng, ông mới thôi, không cãi kiện nữa. Bà mẹ ông có bảo ông rằng : « Con hãy còn trẻ mà đã làm Tổng-trưởng ư ? Mẹ tưởng con chớ vội bỏ nghề thầy-kiện, nên giữ lấy. Chức Tổng-trưởng mẹ xem chừng bấp-bênh lắm, làm tháng nào biết tháng ấy thôi. v. v... » Sở dĩ phải khuyên ông như vậy, có lẽ vì chính bà mẹ ông cũng không biết rõ tài-chí của ông chăng ? Không biết rằng một khi ông đã trở nên yếu-nhân thì có thể khiến mọi người phải coi ông là yếu-nhân mãi chăng ?

Trong quyển sách nói về nghề luật-sư của ông Henri-Robert viết, (ông này đã từng làm Trưởng đoàn luật-sư ở Paris, mới mất hồi tháng Mai 1936.) Luật-sư Moro-Giafferri, trong lễ truy-điệu, đọc ở trước Tòa những lời khen ngợi ông, có câu rằng : « Từ ngày Berryer tiên-sinh mất đi đến nay, chưa có ai làm được như Henri-Robert tiên-sinh, là khiến cho nghề luật-sư có một cái uy-tín rất lớn. Nay tiên-sinh tạ thế, đoàn luật-sư chúng ta như bị mất đầu. v. v...), có vài đoạn đại-khái như sau này :

« Đã làm luật-sư mà lại dự vào mọi quyền chính-trị thì cách xử-phải phải khéo lắm mới khiến được mọi người khỏi có cái cảm-tưởng rằng mình đến Tòa để lợi-dụng cái thế-lực, cái ảnh-hưởng của mình đối với các quan tòa, có khi chính mình đã bổ-nhiệm. Một bạn đồng-nghiep vừa là một chính-khách có danh, đã nói rằng « Không nên để cho ai nom thấy chiếc băng tam-tài của viên dân-biểu lấp-ló dưới chiếc áo dài đen của viên luật-sư ».

« Cái đời của một viên luật-sư ra làm chính-trị, tưởng cũng chẳng có gì đáng ta ước-ao thêm muốn cho lắm. Công-việc thì thật là bận-rộn ! Ở Viện đã bề-bộn bao nhiêu là việc, lại còn phải tất-tả chạy vội về Tòa, chỉ vừa đủ thì giờ về đến nơi để cãi, chẳng còn có dịp đi đi lại lại ở phòng bách-bộ mà chuyện-văn với các bạn cùng nghề, chẳng còn kịp hưởng sự vui-thú trong

những cuộc chuyện đàm-thăm giảng-giai, nó dễ khiến cho cái tình bè-bạn dễ nảy-nở ra và sự kết-giao ngày thêm khăng-khít ».

Nhân tiện, chúng tôi xin lược-dịch ra đây một đoạn trong bài văn của ông Viviani, luận về cái vấn-đề : « *Sự nói quen ở tòa-án có giúp cho sự nói giỏi ở Nghị-Viện không ?* »

« Nhiều người thường hay theo nhau, lầm tưởng rằng sự biện-hộ quen trong nghề luật-sư giúp ích rất nhiều cho các viên dân-biểu khi đăng-đàn. Tôi thiết-tưởng cái tài nói trong tòa-án là kẻ thù đáng ngại nhất của cái tài nói trên diễn-đàn. Nếu ai nấy chịu khó suy-xét một chút thì tất hiểu ngay rằng : ở tòa-án, một viên luật-sư đứng biện-hộ cho khách-hàng thì cái gì cũng phải đọc, cái gì cũng phải nói, chẳng khác nào như bảo rằng trong tập hồ-sơ có những chữ gì, phải đọc lên kỳ hết, có những tình-tiết gì, phải trưng lên kỳ đủ. Ngay đến một điều tầm-thường nhỏ-mọn mà bỏ qua đi không nói đến cũng là có hại. Tóm lại là phải vận dụng tinh-thần để phân - tích việc đó ra cho Tòa hiểu rõ nguyên-ủy, thấu được mọi nông-nổi oái-oăm. Ở trên diễn-đàn của Viện thì lại khác. Nếu mãi phân-tích, không biết tổng-hợp là hỏng ngay. Nếu nhãng sự tập-trung, chỉ biết giải-bày dềnh-dang, gởi ra mọi điều lặt-vặt, thì dầu có tài nói khéo nói giỏi đến đâu, dầu đã dụng công khảo-sát đến đâu, Viện cũng dễ sinh chán tai, chán ý. Một đẳng cái tài luyện đề cãi kiện, một đẳng cái tài luyện đề nói trên diễn-đàn, hai cách luyện khác nhau nhiều, và đã thành ra một luật riêng, tôi chưa từng thấy ai vượt qua được. Luật đó là : hết thấy mọi tay chính-khách vốn là luật-sư, nói ở diễn-đàn mà được Viện hoan-ngheh, đều là những người sớm biết lên đó nói từ khi còn ít tuổi ; cái cách luyện tài đề bênh-vực cho những thân-chủ ở trước tòa nó chưa làm hại cái cách luyện tài đề trình-bày những ý kiến của mình ở giữa Viện. Từ xưa đến nay, trong nhiều cuộc tranh luận, ta đã thấy nhiều chính-khách vốn là luật-sư phải nhường sự thắng-lợi cho những chính-khách không phải là luật-sư, nhưng đã làm quen với diễn-đàn từ lâu, đã sẵn kinh nghiệm trong sự nói ở trước Viện. Ông Allou là tay biện-hộ có danh, lừng tiếng một thời, đã từng làm Trưởng đoàn luật-sư một cách vẻ-vang, thế mà năm 1883, tranh-luận ở Thượng Nghị-Viện với ông Challemel-

Lacour, một nhà triết-học làm chính-trị, bị ông này múa ba tấc lưỡi, đánh bại như không, chẳng khác nào một cây to bị trận cuồng-phong thổi đổ. Ông Allou tuy đã sáu-mươi-ba tuổi, nhưng chỉ là một bậc lão-thành ở tòa-án chứ không từng trải nhiều về khoa biện-luận ở Nghị-trường ! »

Xem thế đủ biết sự nói cho ra nói, cãi lý cho ra cãi lý không phải là việc dễ. Nhất là ở Nghị-trường lại càng không dễ nữa.

Chúng tôi xin phép các bạn độc-giả, lược dẫn ra đây một đoạn văn của ông Fernand Payen, cũng đã từng làm Trưởng-đoàn luật-sư ở Paris, trong một quyển sách của ông nói về nghề biện-hộ, mới xuất-bản gần đây.

« Có một cái thuật, gọi là thuật nói trước công-chúng. Điều đó đã hiển-nhiên. Chẳng có thể, sao hàng bao nhiêu người đứng nói trước công-chúng, mà theo sự xét nghiệm của mọi thính-giả thì có người nói hay, có người nói không hay. Nếu tìm xem vì lẽ gì người nọ nói lại được thính-giả hoan nghênh và khen ngợi hơn người kia, và nếu lại gồm hết thấy mọi điều quan-sát ấy vào làm một loại chung, thì ta sẽ thấy cái thuật đó như thế nào.

« Tôi vẫn biết có nhiều người làm thơ, nhưng không phải đều là những nhà thi-sĩ. Thơ, tuy-nhiên, không phải là học mà làm được. Đã hẳn thế. Nhưng làm thơ và nói trước công chúng là hai cái khác hẳn nhau : nhà thi-sĩ cần phải gọi cảm-tình và trí tưởng-tượng, mà cảm-tình với trí tưởng-tượng thì không biết có luật nào hết. Nhà diễn-giả, nhất là nhà biện-hộ, lúc nào cũng phải dùng đến lý, mà muốn nói lý, phải theo những lệ-luật riêng. Cái lý của con người ta, khi còn để trong bụng thì không sao, chứ khi đem bày tỏ ra ngoài, tất-nhiên phải sửa-sang thế nào cho chỉnh, khiến mọi người chẳng những nghe lọt tai, lại còn phải cho là hay, là mạnh, và vui-vẻ đón tiếp lấy. Bất cứ ở chỗ nào, hễ đã có người sống quây-quần với nhau là phải có những luật về tâm-lý, những kinh-nghiệm tích-trữ lâu ngày. Những luật đó, những kinh-nghiệm đó, người ta học theo được, người ta thấm- nạp được, cũng như là học và thấm-nạp được mọi điều khác ở đời. Chóng hay chậm là còn do cái khiếu của từng người, chứ không tài nào lại không học mà được.

« Có một điều nó hay khiến mọi người nghĩ lắm, là cái lời

nói, tức là khí-cụ duy-nhất của khoa ngôn-ngữ, trời đã cho mọi người đều có, cho nên ai nấy đều tưởng rằng mình nói cũng được. Chẳng khác nào như ai cũng có thể hát lên được mấy câu. Nhưng chẳng có ai lại không nhận rằng hát cũng phải có cách, có điệu, có nhiều lẽ-lối. Vậy thì còn ai không nhận rằng có một cái thuật nói, một cái thuật khó hơn thuật hát, vì hát đã sẵn có bài rồi, chỉ việc dùng điệu-bộ và cái giọng của mình để tỏ ra được những tình-ý trong bài hát, chứ như nói thì chẳng những phải làm thế nào để tỏ ra được những tình-ý trong bài mà thôi, đến chính bài, mình cũng phải soạn lấy, soạn ngay trong khi đứng ở trước mặt mọi người.

« Một người, dầu có cái tiếng, cái giọng tốt nhất thế-giới mặc lòng, nếu không dày công-phu luyện-tập mà đã chực lên đứng hát trên sân-khấu, tất không tài nào khỏi bị chê cười. Thế mà một người mới chân ướt chân ráo đỗ được cái bằng Cử-nhân hay Tiến-sĩ luật (nghĩa là mới tốt-nghiệp ở trường luật ra), đã tưởng là mình có thể ra cái kiện ngay ở Tòa được hoặc lên ngay diễn-đàn mà nói được. Như vậy thì có khác gì người không tập hát mà lên sân-khấu. Mỗi lần tôi nghĩ đến những điều đó lại không khỏi lấy làm lạ.

« Nói giỏi không những là một cái thuật mà thôi, lại còn là một cái thuật khó nhất trong các thuật.

« Người nói giỏi, không phải là người biết đem nhiều việc dàn-xếp lại với nhau, khiến việc nọ liên-tiếp với việc kia, rồi đưa cả ra trình-bày trước mặt mọi người một cách rõ-ràng. Cũng không phải là người khéo biết tả tình tả cảnh bằng những câu văn hoạt-bát, linh-động. Cũng không phải là người biết giảng những lý-lẽ tối-tăm một cách sáng-sủa, diễn những tư-tưởng lôi-thôi một cách gọn-ghẽ, biết phân-trần khúc-chiết mọi điều mọi việc, biết nói ra những sự hay dở, lợi hại của một cái ý-kiến nào. Cũng không phải là người biết nói một cách dịp-dàng, biết khiến một cái giọng nhẹ-nhàng uyển-chuyển để đưa đến tai người nghe những câu văn óng-chuốt, biết làm cho người nghe trước còn dụ tai, sau dụ đến trí tưởng-tượng, cuối cùng đến thả lỏng trái tim. Người nói giỏi không phải là người có một vài cái tài kể trên này, nhưng mà là người có đủ các tài ấy, có đủ thuật nói chuyện, thuật tả cảnh tả tình, thuật dẫn bằng nọ có kia ra cho người nghe phải chịu là đúng,

thuật làm mọi người ngồi chung-quanh phải vừa lòng đẹp ý, thuật khiến cho ai nấy phải hoặc mừng hoặc giận, hoặc vui-vẻ hoặc sợ-hãi, hoặc tươi-cười mà khen lời nói phải, hoặc đưa khăn tay lên để đỡ lấy giọt lệ chạy quanh.

« Nếu ai nấy chịu nghĩ một lát thì khắc hiểu rằng cái công-phu luyện tập phải thế nào mới có được cái tài như vậy.

« Một nhà diễn-giả không thể nào bỏ qua được các ngành khoa-học triết-học. Vẫn biết rằng chẳng khi nào phải dùng đến hết thấy chừng ấy kiến-thức. Nhưng dầu không dùng đến mặc lòng, sự biết vẫn là cần. Một người chuyên nghề điều-khắc, tuy không dùng bút chì để gọt đá, nhưng chỉ nom qua những tác-phẩm của người ấy cũng đủ rõ người ấy có thạo về nghề vẽ hay không. Lại như một gã đang chạy ngoài đường, bụng không nghĩ đến những lẽ-lối của môn thể-thao ; nhưng, người quanh đó chỉ nom gã ta chạy qua, cũng có thể biết ngay được rằng gã ta có luyện-tập nhiều hay ít.

« Nhà diễn-giả lại còn phải khôn-ngoaan khéo-léo, phải nhanh trí-khôn nữa ! Lại phải biết rõ những thói-giả của mình thế nào, biết rõ những sự ham-muốn của họ, những sự họ tin, những điều họ khát-khao ước-vọng, những thói quen lắm khi rất lần-thần của họ xưa nay, họ mong-mỏi cái gì, họ sợ-hãi cái gì, họ yêu-giấu chăm-bập sự gì, họ ghét-bỏ ruồng-rẫy sự gì, điều gì dễ khiến họ lả-lơi vô-vập, điều gì dễ khiến họ ghẻ-lạnh dửng-dưng v. v... ; như thế nghĩa là phải biết suốt linh-hồn con người ta vậy.

« Đó mới là một phần công-phu trong sự luyện-tập mà thôi. Muốn thành-tài còn phải làm nhiều việc nữa.

« Phải học sao cho kỹ hiểu thấu được những ý nghĩa rồi-rào và tinh-tế của lời nói, của văn-tự ; phải có rất nhiều tiếng, nhiều câu sẵn-sàng trong trí nhớ, tự-hồ một bể nước lúc nào cũng phải đầy tràn ; phải tập nghĩ cho nhanh, nghĩ đến đâu có thể nói ngay ra được đến đấy một cách mạnh-mẽ gãy-gọn ; phải khiến được tiếng nói, giọng nói của mình, muốn lên được lên, muốn xuống được xuống, muốn cứng-cỏi được cứng-cỏi, muốn mềm-mại được mềm-mại, nhẹ-nhàng môn-trón đấy mà nghiêm-trang giông-giác ngay đấy. Xong, lại phải tập soạn bài, tập dàn-xếp những lý-lẽ, tập đem những lý-lẽ đó mà diễn ra v. v...

« Những việc đó không phải nhất-dán làm ngay được. Fénelon ngày xưa nói rằng : « Ba tháng trước khi diễn-thuyết một bài trước công-chúng, mới sửa-soạn thì không kịp... ; phải dụng-công nhiều năm thì ý-kiến mới có thể đầy-đủ, lời-lẽ mới có thể rồi-rào ». Thật đúng như vậy. »

Sở-dĩ chúng tôi dẫn những câu này ra đây là vì nhiều lẽ. Cái tài nói đã khó như thế mà lại không có trường nào dạy. Từ xưa đến nay, chỉ thấy các trường dạy khoa luận-lý (*Logique*), khoa Tu-từ-học (*Rhétorique*) và một khoa dạy nói cho sôi, cho rõ (*cours de diction*), chứ chưa thấy có trường nào ở Đông-dương và ở bên Pháp dạy đến mọi cách-thức dùng đề biện-luận. Nếu cứ lấy cái số sách bàn về khoa luận-lý, nhất là về khoa Tu-từ-học xuất-bản từ xưa đến nay thì nhiều, riêng một ông Cicéron, sống từ hai ngàn năm trước đây, làm đã tới ba quyển, riêng một ông Démosthène, sống từ hai ngàn ba trăm năm trước đây, đã dạy ta được nhiều điều hay, để lại cho ta được nhiều gương tốt. Từ bấy đến giờ, còn biết bao nhiêu người soạn sách về loại ấy nữa. Nhưng đọc sách là một việc, mà nhận những bài học thực-hành là một việc. Mắt chưa được nom, tai chưa được nghe, chỉ hiểu mang-máng một chút, hầy còn là thiếu.

Trong mấy quyển sách khảo về tài ngôn-ngữ của các ông Joseph Reinach, Maurice Ajam, Emile Amet, Joly, Gache, Pinnard, Sylvain Roudès, Bonzon, v.v... đều có nhận thấy sự thiếu thốn ấy ở bên Pháp. Ngay đến các trường Cao-đẳng luật-học là nơi đào-tạo ra quan-tòa, ra thầy kiện, mà cũng không thấy có dạy đến khoa biện-thuyết. Cả đến trường Cao-đẳng Chính-trị-học cũng vậy.

Trong sách « *Thuật diễn-thuyết trước công-chúng* » của ông Fernand Corcos, tác-giả « *Sách bòn của các chính-đảng ở nước Pháp* » (*Catéchisme des partis politiques*), có một đoạn viết rằng :

« Mọi người phần nhiều cứ tưởng rằng ai đã làm thầy kiện thì tất phải biết nói. Nhưng cứ xem trong chương-trình các trường luật thì có thấy đả-động gì đến khoa dạy nói đâu. Một sinh-viên, lúc mới học luật mà không biết nói thì khi đã học xong, nói cũng chẳng hay gì ».

Đấy là ông Corcos nói về người Pháp ở bên Pháp.

Ở trường không dạy, nhưng các sinh-viên họ chịu khó tìm đề mà biết, luyện đề mà giỏi. Vào Viện mà xem thì khi khó (và cũng tốn-kém nữa !) nên họ hay lui tới các tòa án, đề nom, đề nghe, hay mượn được những hồ-sơ cũ đề tập làm việc cho quen, người thì giả làm Quan tòa, người thì giả làm Chương-lý hoặc Biện-lý, người thì giả làm luật-sư bên nguyên bên bị v. v. rồi tập buộc tội, tập cãi. Họ tập-tành với nhau như vậy ngay từ khi biên tên vào học ở trường luật, có khi ngay từ lúc mới đỗ Tú-tài xong. Tập ròng đến khi đậu bằng Cử-nhân luật, nghĩa là ít nhất cũng phải ba năm, cái cách nói-năng đã khá. Khi đã tuyên-thệ rồi, đã được biên tên vào bảng luật-sư tập-sự rồi, đã có người nhận mình vào giúp việc rồi, lại có những parlote, những Conférence của đoàn luật-sư. Bấy giờ mới lại càng phải chịu khó học-hành thêm, chịu khó luyện tập cái tài nói và chịu khó làm quen với án-văn (jurisprudence), vì luật dạy ở Trường là một việc, mà án-văn ở Tòa là một việc. Hết hạn tập-sự, ít nhất cũng ba năm, nếu muốn biệt-lập mới được biệt-lập. Ta lại thấy có nhiều người tập-sự hết hạn năm năm (hạn dài nhất) mà vẫn không được biên tên vào bảng những luật-sư đủ tư-cách để nhân-danh mình mà cãi trước tòa. Như vậy tất phải đi tìm nghề khác.

Sách này nhan-đề là « *Nghị-Viện nước Pháp* » mà chúng tôi lại nói chuyện về những luật-sư, e các bạn coi sách cho là nói lạc sang việc khác. Nhưng chúng tôi thiết-tưởng những câu này cũng không là thừa, vì chính chúng tôi đã nghe thấy nhiều các ông các bà nói rằng : « Tôi cho thằng X. thằng N. nhà tôi nó học luật đề rồi xoay cho nó làm « thầy-kiện », vì ý nó thích làm cái nghề này. v. v... » Nếu các ông các bà muốn như vậy thì cũng nên đề ý xem cái nghề « thầy-kiện » ra làm sao. Nếu trong số các anh em sinh-viên trường luật, ai có cái khuynh-hướng về nghề luật-sư biện hộ, thiết tưởng sau ngày hội vui chơi, sau khi cười đùa và ném hoa giấy thỏa thích, nên dụng-công hơn những anh em không muốn làm luật-sư một chút ! Vì ngoài những sự khó-khẩn — khó khăn cho cả người Pháp — nói sơ ở mấy trang trên kia, ta còn thấy nhiều sự khó-khẩn khác nữa, riêng cho người Nam ta.

Nước ta gần đây, thấy số bạn-trẻ học luật mỗi ngày một nhiều, thấy khởi lên vấn-đề nên đề các luật-sư đến cãi ở tòa án các

tỉnh, thấy nhiều người đã biết ham chuộng sự tranh-luận ở những nơi hội-họp, thấy nhiều người ưa việc diễn-thuyết ở trước công-chúng, cho nên chúng tôi không dám ngại tài sơ trí thiên, bộc-bạch ra đây một vài điều, ước ao rằng sẽ có phần bồi-ích cho bà con anh em, chẳng nhiều thì ít. Riêng chỗ chúng tôi nhận thấy, thì bà con ta, ngay đến những người học-hành đã quán xuyến, về cái khoa nói trước một số đông, chúng ta còn phải mài rửa nhiều, luyện tập nhiều, nhiều lắm. Đừng tưởng rằng đề hàng mấy tháng, hàng năm, viết một bài văn vài ba chục trang, rồi học thuộc mà đọc, hoặc đề trước mặt mà đọc, đã là giỏi-giang tài-dảm rồi đâu ! Đừng tưởng rằng mới bước lên diễn-dàn đã vội ngồi xếp xuống ghế, mắt chăm-chú nhìn vào giấy đề đọc từ mấy câu cảm-ơn thính-giả trở đi — thính-giả đứng cách diễn-dàn chỉ độ mười bước đã không nghe thấy gì nữa — mà đã là hay-hóm, đã là « thánh-thần » rồi đâu !!!...

Ông Fernand Corcos viết :

« Cái thuật nói giỏi, từ xưa đến nay, thay đổi thì có thay đổi ít nhiều, chứ tiến thì vẫn chẳng tiến được chút nào. Tài không thể từ người nọ truyền sang người kia được. Mỗi người, mỗi đời phải dụng-công luyện lại từ đầu. »

Lại còn viết :

« Cỗ-nhân đã nâng cái tài hùng-biến lên một trình-độ cao ; chúng ta ngày nay, không cần phải vượt cỗ-nhân, chỉ cần bằng được cỗ-nhân cũng là khá rồi vậy. »

Viết sách về Nghị-viện, tất-nhiên phải nhắc đến cái tài nói. Trong khi nhắc đến cái tài nói, chúng tôi mạn phép các độc-giả, chêm-gài vào ít nhiều điều mà các độc-giả vừa thấy ở mấy trang trên kia. Xin nhắc lại một lần nữa : Chúng tôi rất tin rằng những điều đó không đến nỗi là những điều thừa vậy.

*
*

Viện đối với những bài diễn-văn có giá-trị thế nào ?

Những bài diễn-văn nào có giá-trị, được Viện hoan-nghehnh, ông Viện-trưởng xin Viện quyết-nghị xem có nên đem in ra mà dán ở các nơi không. Viện tỏ ý thuận thì ngay hôm sau, bài diễn-văn đó đã thấy ở khắp các tỉnh, các quận, các huyện dân-chúng đứng xúm quanh lại mà đọc với nhau. Thật là một điều vinh-dự cho ông Nghị.

Thỉnh thoảng lại có ông Nghị được cái hân-hạnh ấy.

Ông Briand xưa, ngay từ khi vào Viện chưa được bao lâu, có mấy lần, đứng nói ngay ở ghế (chứ không phải lên đến diễn-đàn) mà những lời này cũng được Viện thuận cho in ra rồi dán ở mọi nơi. Những ông Jaurès, Viviani, Barthou, v.v., trong thời-kỳ làm nghị-viên, cũng thường được cái hân-hạnh ấy.

Trong sách này, chúng tôi hay nhắc đến ông Barthou ; ngay từ đầu sách, đã dẫn lời ông ra, tưởng cũng nên nói qua để các bạn coi sách rõ : ông Barthou, năm 27 tuổi đã trúng-cử nghị-viên, vào Viện là nổi tiếng ngay, từ đó luôn-luôn là một yếu-nhân trong chính-giới. Ông lại có chân ở Hàn-lâm-viện, hay diễn-thuyết về chính-trị, về văn-chương ở các nơi, hay giúp các hội-học được nhiều việc, lại từng đứng đầu hội Báo-giới liên-hiệp ở Paris. Công-việc ở ngoài bề-bộn như vậy mặc lòng, mỗi khi vào Viện, ông vẫn khiến bạn đồng-viện phải khen-ngợi và tin-cần. Chẳng có thể, mười-bốn lần làm Tổng-trưởng, trong số đó lại còn mấy lần làm Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng một bộ nào đó. Ông vừa mới mất năm 1934.

Có một người ngoại-quốc, hay đề ý đến việc chính-trị nước Pháp và hay quan-sát cái tài-năng của các ông nghị Pháp, đã nói rằng : « Trong cuộc tranh-luận về Hòa-ước Versailles, có ba bài diễn-văn đáng cho ai nấy phải chú-ý : một bài của ông Franklin-Bouillon, một bài của ông Barthou và một bài của ông Viviani. »

..

Vì lẽ gì mà lắm ông Nghị chẳng muốn nói chút nào cũng phải găng-gượng lên diễn-đàn ?

Vì lẽ rằng cử-tri phần nhiều muốn ông Nghị nói luôn. Chưa cần luận đến cái lợi của sự nói nhiều ít, to nhỏ thế nào, miễn là cứ chịu khó nói đi đã ! Dầu vẫn biết Viện là nơi có nhiều người nói « tràn quí-tị », nhiều người đa-ngôn mà không được việc mấy, song cử-tri vẫn cứ muốn ông Nghị thỉnh-thoảng phải hăm-hở lên diễn-đàn. Có nhiều ông Nghị, chỉ vì không lưu-tâm đến sự nói mà thành ra bị cử-tri của mình phàn-nàn rằng mình được bầu rồi, không sốt-sắng, không sẵn lòng nhiệt-thành để làm việc.

Một số rất đông cử-tri thường cứ hay nghĩ như vậy. Chẳng nói riêng nước Pháp, ngay đến ở Anh, ở Mỹ, cử-tri cũng vẫn nghĩ thế, mặc dầu đó là những nước chuộng việc làm hơn lời

nói. Đọc quyển « Dân-quyền ở Mỹ-châu » (De la Démocratie en Amérique), ta đã nhận thấy sự đó. Thành thử ra các ông Nghị cứ phải nói, ít nhất cũng phải thỉnh-thoảng « đâm ngang » vào những lời của ông Nghị ở đảng khác, đang nói trên diễn-đàn. Ông Nghị ở ghế mình, ngày trước hay nói thì mình phải nói nhiều hơn ; nếu lại nói ít hoặc không nói thì mình cũng phải nói, để cử-tri khỏi phản-nàn rằng mình không « siêng năng » bằng ông trước.

Đem so sự nói của các ông Nghị gần đây với sự nói của các ông Nghị cách đây 20, 30 năm, thì ta nhận thấy rằng các ông nghị gần đây nói nhiều hơn. Có mấy ông Nghị cao tuổi phản-nàn rằng : bây giờ « lượng » tuy có tăng nhưng « phẩm » lại giảm. Xưa kia, những ông Nghị mới được bầu lên, phần nhiều chịu khó làm việc trong các ủy-ban, lắm khi cứ chịu khó ngồi nghe, nghe suốt một khóa, không nói năng gì cả. Bây giờ, số những ông hăng hái « ăn nói » thấy ngày một nhiều ra. Bất cứ về vấn-đề nào cũng nhiều ông thích nói, hàng chục ông xin biên tên đề đăng-đàn. Xưa kia, viện ít khi phải họp buổi sáng. Gần đây họp sáng là thường. Sáng họp, chiều họp, nhiều khi họp mãi đến khuya, có khi họp cả vào ngày chủ-nhật. Sáng thứ hai, đem ra tranh-luận một bản đề-án luật về canh nông chẳng hạn (nhân tiện xin cải chính một chữ : trang 19, dòng thứ nhất : bản đề-án luật (tức là dự-cáo luật) lầm ra dự-án), cuộc tranh luận chưa xong, mà đã trưa rồi, Viện hoãn đến tám hôm sau lại bàn nốt (tự hồ ở Tòa án). Đến chiều, lại đem một vấn đề khác ra, tranh luận đến tối, vẫn chưa xong, lại hoãn đến tám hôm sau. Rồi những hôm sau, phần nhiều cũng cứ thế. Nhiều ông Nghị lịch-duyet cho rằng cái lối làm việc đó thật không lợi, vì các ủy-ban không thể họp luôn luôn được, và các ông Nghị cũng không đủ thì giờ để xem xét kỹ càng về những vấn đề ấy. Nhiều ông Nghị tỏ ý không nên để Viện họp buổi sáng. Nếu tỏ ý bằng cách giờ tay thì còn giờ được. Nếu lại phải đầu-phiếu thì không mấy ông dám tỏ ý đó ra nữa, vì ai thuận ai không, sẽ có tên lên Công-Báo, cử-tri đọc thấy, sợ lại phản-nàn rằng mình có ý biếng việc, bỏ phiếu không thuận sự Viện họp buổi sáng. Cử-tri phần nhiều không chịu nhận rằng chỉ họp một buổi, còn một buổi dành vào việc xem xét kỹ-càng về các vấn-đề, lợi hơn là họp cả hai buổi mà việc làm không được cẩn-thận chu-đáo.

Nhiều ông Nghị trẻ thích đầu-phiếu thuận sự họp cả hai buổi. Đó là vì đang ở cái tuổi hăng-hái làm việc cũng có, vì muốn làm đẹp lòng cử-tri khu mình cũng có, vì buổi sáng lên diễn-đàn nói đỡ sợ hơn là nói buổi chiều cũng có. Những ông Nghị diễn-thuyết lần đầu ở Viện, hay chọn buổi sáng, lên diễn-đàn cố-ý nói dềnh-dang. Có ông lại dùng cái khéo nói dềnh-dang đến giữa buổi họp, khiến cho Viện nghe những lời luận dài-dòng của mình mãi, sinh ra mỗi mệt, ông Viện-trưởng phải tuyên-bố nghỉ, hoặc chính mình xin nghỉ một lát. Xong rồi lại lên nói nữa, lải-nhải thế nào cho hết buổi họp. Một bài diễn-văn dài như vậy, các báo tài nào chẳng phải nói đến. Loại diễn-văn này, ít khiến cho Viện nhận-chân được điều gì, ít giúp-ích được cho sự tiến-hành công-việc của Viện, nhưng hay khiến cử-tri của ông Nghị khen-ngợi ông rằng đã gắng bênh-vực lợi-quyền chung, đã hết sức biện-thuyết, đã nhiệt-thành hô-hào để mưu sự công-ích.

Nhân nói đến sự nghỉ giữa buổi họp, lại nên nhắc đến một cái cảnh hơi buồn cười, là khi nghỉ xong, Viện lại họp, ông Nghị lại lên diễn-đàn đề « nói » nốt bài diễn-văn « đại cà-sa » của mình, nom lên các dãy ghế, thấy số bạn đồng-viện lúc nãy ngồi đông mười phần, bây giờ chỉ còn hai, ba phần, có khi mười phần chỉ còn một. Anh em đồng-viện, người thì còn đang giải-khát, người thì còn đang đi lại ngoài « cu-loa » hút thuốc, đang viết thư, đang gọi điện-thoại, đang nghỉ trong phòng, đang di-dưỡng tính-tình ngoài vườn hoa, v. v...

*
*

Thí-dụ một buổi họp quan trọng.

Một buổi họp quan-trọng tất-nhiên là một buổi họp đông, một buổi họp ồn-ào. Mỗi khi phải phản-đối cử nhiều tay « ăn nói » lợi-hại ra chất-vấn nội-các, hoặc một vài Bộ nào, có ý định khuynh-đảo Nội-các, là lại có một buổi họp quan trọng. Mỗi khi Nội-các nọ đổ, Nội-các kia thành-lập, ông Tổng-ly Nội-các (tức là Thủ-tướng) lên diễn-đàn đọc bản tuyên-ngôn của Nội-các (Déclaration ministérielle), lại có một buổi họp quan-trọng. Mỗi khi có cuộc chât-vấn về những vấn-đề to-tát, mà cái tin chât-vấn đã công-bố trên các báo từ lâu, nhiều tay biện-luận có tài sẽ lần-lượt lên diễn-đàn để bày-tỏ ý-kiến, cũng lại có một buổi họp quan-trọng. Lại có khi, lúc mới khai buổi

họp, ai nấy cũng cho là buổi họp thường, không ngờ đến giữa hoặc đến cuối, lại hóa ra quan-trọng, ồn-ào, nhộn-nhạo, thường khi chỉ vì một câu « đàm ngang », chỉ vì một sự rất nhỏ mọn.

Bên Pháp, hãy còn nhiều người, nhất là nhiều bà, nhiều cô, mỗi khi nghe tin sắp có buổi họp náo-nhiệt, cố đi tìm mấy ông Nghị, hoặc cố vận-động thế nào cho được tám « các » để vào xem « cãi nhau, đánh nhau » trong Viện. Thực ra thì những cuộc tranh-luật rất kịch-liệt, những sự bạo-hành trong Viện, thấy như mỗi ngày một ít dần đi.

Theo như điều lệ thứ 120 của Hạ-nghị-viện thì mỗi ông Nghị bị cảnh-cáo và biên vào biên-bản (rappel à l'ordre avec inscription au procès-verbal), tiền phụ-cấp trong 15 ngày bị trừ đi mất một nửa. Nhưng ít khi ông Viện-trưởng đạt đến những quản-lý (questeurs) cái đoạn trích ở biên-bản, nói về ông Nghị bị cảnh-cáo, cho nên tiền phụ-cấp vẫn không bị trừ. Từ ngày 4 Février 1915 trở đi, Viện đã sửa-đổi lại điều lệ đó và bỏ sự trừ tiền phụ-cấp đi.

Khi các báo đã đăng tin rằng ngày ấy ngày nọ sẽ có cuộc chất - vấn quan - hệ, có thể nguy cho Nội - các, thì ngay từ 8 giờ sáng, phòng giải khát đã có nhiều ông Nghị ra vào. Những ông Nghị này ở các tỉnh, đáp chuyến xe-lửa thứ nhất về Paris. Ngày thường thì vào khoảng 8, 9 giờ, phòng giải khát chưa ai lui tới. Các ông nghị vào điếm-tâm xong, sang phòng diễn thuyết (coi trang 20 và 21) xem báo. Ở ngoài, vẫn thấy nhiều ông lục-tục đến. Độ 10 giờ, các đảng đã họp nhau, mỗi đảng một nơi, đề bàn về cái kế-hoạch làm việc, về cái thái-độ nên giữ, về sự bỏ vé quyết-nghị v. v..

Vì là buổi họp quan-trọng nên đảng nào cũng đã đặt giấy đi triệu-tập đảng-viên của mình có chân trong Viện, để có mặt đông đủ trong phòng hội đồng. Từ một vài hôm trước, đã nào thư, nào điện-tín, điện thoại, báo cho nhau biết ; rồi rủ ai bị ốm, đảng cất thêm người đến săn sóc trông nom cho chóng mạnh. Vì sợ rằng mỗi người vắng mặt là một sự thiệt, nhất là khi có cuộc đấu phiếu công khai ở trên diễn-đàn.

Hàng một tuần-lễ trước buổi họp quan-trọng, tại trong phòng ngồi đợi ở các ty quản-lý, tại phòng giấy các viên Tổng - thư-ký của viện, của ông Viện-trưởng và của ty quản lý, đã có những bảng báo cho mọi người biết rằng không còn một tám « các » nào

dùng cho buổi họp ấy nữa. Tuy vậy mặc lòng, nhiều người vẫn chịu khó xin « các », vẫn chịu khó gọi điện thoại đến, nài mãi. Chính những ông nghị, đã thừa biết cái bảng kia rồi mà vẫn gọi điện thoại đến, có khi mấy lần một ngày. Suốt mấy hôm, ai là người có dính dáng với viện, đều bận-rộn vì những người xin nài. Những nhân-viên làm trong Viện, bị kẻ quên người thuộc xin ; những ông nghị thì bị cử-tri và những chỗ mình đi lại giao thiệp họ xin ; những người có quyền phát « các » xưa nay thì bị mọi người, tức là công-chúng xin ; số chỗ ngồi có chừng mà số người xin thì đếm không xuể.

Nhưng muốn cho thật đúng với hai chữ công-khai, đúng với câu : công chúng cũng được vào xem và nghe, phải để cho một số người không có « các » cũng được vào. Số đó thường chỉ trên dưới mười người. Mười người này thường là những người đã được vào quen ; ngay từ chiều hôm trước, đã đứng sắp hàng ở trước dãy chấn song sắt, gần lối vào trong sân. Mãi đến ba giờ chiều hôm sau mới khai buổi họp mà họ đã đứng sắp hàng ở đó từ 4, 5 giờ chiều hôm trước. Ai phải đi đâu có việc trong chốc lát thì nhờ mấy người kia giữ chỗ hộ. Họ cứ chịu khó đứng như vậy đến hai giờ chiều hôm sau, là có thể bán lại chỗ đó được ba, bốn chục quan, năm sáu chục quan, có khi hàng trăm quan, tùy ở cái sự mọi người cho rằng cuộc chất-vấn hôm đó quan-trọng nhiều hay ít, tùy ở dư-luận các báo, tùy ở cái giá-trị của những ông Nghị đảng-dân.

Những người mua chỗ vào xem, không cứ là ở vào giai-cấp nào : có khi là một nhà tu-hành, có khi là mấy bà mấy cô sang trọng, không chịu vận-dộng xin « các », có khi là người ở các tỉnh về, có khi là tay phú-hào ở ngay Paris, nhưng không giao-du với những người trong chính-giới, có khi là người ngoại-quốc qua chơi, muốn vào xem trong Viện hội-hợp thế nào. Không phải là chính những người giữ chỗ ấy bán thẳng chỗ cho người mua, nhưng mà có một người « mối », chịu khó đi tìm khách sang để ăn hoa-hồng, giá chỗ bán được cao hơn.

Trong khi đó thì những ông Nghị ở các đảng, các « nhóm » ở tỉnh xa đến Viện từ 8, 9 giờ sáng, bàn-tán hoặc xem sách xem báo mãi, cũng nghỉ, xuống tiệm của Viện dùng cơm trưa, rồi lại lên phòng mà nghỉ-ngoi một lát. Hai giờ kém mười, cửa lớn mới mở toang ra cho những người có « các » vào.

Một đoàn ô-tô nối nhau vào trong sân bằng một cửa rồi lại ra bằng một cửa. Những nhân-viên giữ trật-tự mời những người có « các » họp cả vào một khu. Những bà vợ các ông Nghị, vợ các nhân-viên làm việc tại các phòng chủ-sự trong Viện, vợ những chính-khách hoặc những tay « vai-vế », theo nhau vào ngồi đợi trong một phòng khách.

Đồng-hồ đánh 2 giờ, mười người vừa nói trên kia (tức là công-chúng) vào trước tiên. Theo sau là những người có « các ». Từ bảy giờ, cái ông coi việc soạn chỗ biển đầu mất, mãi đến lúc khai buổi họp mới lại thấy ông ta nhô ra. Đó là vì ông ta muốn tránh đi trong một giờ đồng-hồ cho khỏi bị các ông Nghị nài xin « các » cho bà-con lên ngồi trên tầng thượng, tầng hạ, (xem trang 24). Chỉ khi nào đã khai buổi họp rồi, ông ta mới được phép ký giấy cho những người muốn xin lên ngồi ở những chỗ hãy còn bỏ không trên hai tầng đó.

Trước cửa Viện, tức là trên đường Quai d'Orsay, hàng bao nhiêu người tụ-hợp nhau ở hai bên bờ hè. Ở Paris, cũng như ở các kinh - thành lớn, nghề - nghiệp rất nhiều, cho nên ngày nào cũng có thể là một ngày nghỉ của hàng mấy vạn người, chứ không cứ một ngày chủ - nhật mà thôi. Họ đứng sì - sào bàn - tán với nhau, đợi xem thỉnh - thoảng có một ông Tổng - trưởng, Thứ - trưởng, hay một ông Nghị nào có tiếng đi qua, họ lấy làm đầu câu chuyện. Nhiều người chỉ chỉ trỏ trỏ ra điều ta thông thạo đây kể giờ. Nhưng mà nhiều ông nghị, những hôm có buổi họp quan-trọng, biết rằng đông người đứng tụ ở phía cổng trước, đã vào Viện bằng cái cổng ở mặt phố Bourgogne. Nhiều ông Tổng-trưởng, thứ-trưởng bảo tài-xế cho ô-tô vào cổng ở mặt phố trường Cao-dẳng (rue de l'Université); ô-tô vào thẳng trong sân, gần phòng tốc ký một bên và phòng lập biên-bản một bên.

Cái số người tụ họp ở trước Viện, tuy chưa là to, mà cũng đã đáng sợ rồi, vì họ hay phao lên những tin nhảm-nhí, nhiều khi chẳng đúng với sự thực chút nào. Đây cũng là một lẽ nó khiến cho những bài tường-thuật đơn-sơ chép tay phải in cho nhanh mà công-bố ra ngoài, những bài tường thuật suốt buổi họp, chép bằng lối tốc-ký phải đăng ngay lên Công-báo sáng hôm sau. Những tin đồn phao rất có hại, nếu mấy ngày sau buổi họp mới cải-chỉnh được thì đã muộn quá mất rồi.

Lại có nhiều máy ảnh, máy quay phim sẵn-sàng, chỉ việc chụp việc quay, mỗi khi hơi có sự gì đáng quay đáng chụp.

Trong Viện thì những người ở phe phản-đối đi lại lằng-xằng, khễ phao lên rằng Nội-các nguy lắm, núng lắm, sẽ bị thiếu-số, và chỉ đến chiều tối là ông Tổng-ly Nội-các sẽ đến điện Elysée đề nộp quan Giám-quốc lá đơn của Nội-các xin từ-chức ; lại phao rằng đảng ấy đảng nọ không ủng-hộ Nội-các nữa, đảng ấy đảng nọ không đồng lòng trong sự bỏ vé quyết-nghị, không tán-thành chính-sách của Nội-các, đảng ấy đảng nọ đã bàn nhau định nhất-luật bỏ vé không ưng-thuận v. v.

Phe phản-đối hoạt-động thì phe Chính-phủ cũng chẳng ở yên, cũng đồn ầm lên những tin trái lại, cũng quả quyết rằng Nội-các vẫn vững như thành, những bài diễn-văn chất-vấn kia sẽ chẳng có giá-trị gì, những đảng ấy đảng nọ vẫn dốc lòng giúp Chính-phủ v. v.

Trong phòng đi bách bộ (xem trang 18) đã ngót những người, mặc dầu bảy giờ vào đó đã là một sự khó. Hết thấy các chủ báo các tỉnh, những viên Quận-trưởng, hết thấy những ai có thể vào đấy được, đều đã có mặt ở đấy rồi. Những nhà báo len-lỏi chỗ nọ chỗ kia để nghe-ngóng dư-luận, chẳng còn biết điều nào đáng tin, điều nào đáng ngờ, vì dư-luận trái ngược nhau quá lắm, chẳng ai nói giống ai. Người ta không hiểu những người đó ở đâu đến, nhất những tin kia ở đâu, căn-cứ vào những triệu-chứng gì mà cứ nghiêm nét mặt nói dựng đứng lên nhiều câu như thật.

Ở đấy mà còn thể thì ở trong các « lối đi » (xem trang 21), những ông Nghị cũng đang tụ nhau lại mà bàn tán, ông nào ông nấy có vẻ lo nghĩ, có vẻ băn khoăn, có vẻ nóng nảy sốt ruột, cử động hung-hăng, nói-năng ầm-ỹ, có ông hết ở đám nọ lại chạy sang đám kia, hình như không muốn để một câu nào qua khỏi tai mình. Giữa những đám ông Nghị xúm-xít đó, là những tay chính-khách có tiếng. Câu hỏi và câu trả lời thay đổi nhau không ngớt ; đứng giữa mấy đám mà nghe thì chỉ thấy rào-rào, không rõ câu gì vào với câu gì, mặc dầu đó phần nhiều là những câu dự-đoán. Những công-chức ở mấy ngạch cao, những viên giám-đốc các sở, đã nhận được « các » mời đến đó, phòng khi các ông Tổng-trưởng cần hỏi đến, hết thấy mọi nhân-viên trong Nội-các, từ những ông đứng đầu các Bộ, đến

các ông Thứ-trưởng, các viên chánh chủ-sự, phó chủ-sự, các viên chánh, phó văn-phòng, tổng thư-ký, thư-ký và thư-ký riêng, v. v. ai nấy đi đi lại lại, sốt-sắng nghe, sốt sắng nom, bụng mãi suy tính mọi lẽ hơn thua xem mình liệu có giữ vững công việc đang làm, hay là lại phải làm sang việc khác.

Những ông Nguyên-lão nghị-viên đến cũng nhiều. Lắm ông lên gác, ngồi sẵn ở chỗ đã dành riêng cho mình, ung-dung chờ khai buổi họp mà xem. Lắm ông len-lỏi trong đám đông để nếm lại cái phong-vị ồn-ào Viện mình không có (Thượng-nghị viện ít khi ồn-ào), và để hiểu xem cái kết-quả của sự náo-nhiệt đó thế nào.

Trong các phòng-khách và các « lối-di », người đứng như nêm cối. Bé con muốn đưa giấy xin yết-kiến cho các ông Nghị, thừa-phát-lại muốn chuyển những thư tín, cũng khó đi lại. Một ông Nghị đứng chỗ nọ phải ra hiệu cho một ông đứng chỗ kia rằng mình có tin này cần, muốn thông cho biết. Nhưng hai ông cứ phải mở đường trong đám đông, đi theo nhau mãi mà vẫn chưa tìm được chỗ vắng vắng một chút để nói chuyện. Phòng nào cũng người ra kẻ vào tấp-nập, phòng nào cũng nhan-nhãn những ông Nghị với các nhân-viên. Phòng bưu-điện mới lại đông làm sao : nào các ông Nghị đến bỏ thư, gửi điện-tín, nào những người đưa thư-tín lảng-xăng đi tìm những viên thừa-phát-lại để giao mọi thư từ, các tỉnh gửi về cho các ông Nghị ; vì nào là các hội lớn hội nhỏ, các cử-tri, các chỗ quen biết ông Nghị, ai nấy đều muốn hỏi ông Nghị xem tình-hình buổi họp thế nào, Nội-các liệu chừng có đứng vững được không, nếu đồ thì liệu đảng nào sẽ lên cầm quyền, ai sẽ tổ-chức Nội-các mới v. v...

Những hôm có buổi họp quan-trọng, ông Nghị phải vào thư-viện mới viết xong được lá thư, hoặc làm xong được tờ trình của một ông ủy-ban đã giao cho mình làm.

Những ông Tổng-trưởng sắp phải đăng-đàn để trả lời những bài diễn-văn chất-vấn, thường được nhiều người đứng xúm chung quanh để hỏi điều nọ điều kia ; ai nấy rất đề ý vào những câu trả lời của các ông Tổng-trưởng.

Ba giờ ! Bên ngoài có tiếng hô bỗng sùng chào, phùng nhạc của đội phòng-thành cũng bắt đầu cất tiếng. Đó là ông Viện-trưởng, bận áo đuôi tôm, tay cầm mũ, từ dinh sang phòng hội

đồng. Đi trước ông, có hai viên thừa-phát-lại ; sau ông là mấy viên thư-ký của Viện và viên Tổng-thư-ký của ông. Ông qua phòng khánh-hội, tới phòng tròn và rộng (xem trang 17), một viên đại-úy và một viên trung-úy giờ kiểm chào, (ông Viện-trưởng cũng chào lại) rồi mỗi viên đứng vào một bên, cùng với ông Viện-trưởng ở giữa, đi qua phòng bách-bộ, không đi thẳng đường, nhưng lại theo một đường cong như chữ S, hai bên là lính đứng, nom đẹp và rất có vẻ tôn-nghiêm. Hết phòng bách-bộ, hai viên sĩ-quan lại chào ông Viện-trưởng, vì không thể theo ông đi quá lên được nữa. Ông Viện-trưởng đáp lễ lại rồi tiến chừng mười-lăm thước nữa, hai bên lối đi vẫn có lính đứng. Gần đến chỗ có bậc lên phòng hội-đồng, hai dãy hàng-rào lính mới vòng lại với nhau. Đến đây là hết. Hai viên hạ-sĩ-quan ở ngũ lâu năm nhất, đứng ở cuối dãy, nghĩa là đối-diện với ông Viện-trưởng khi ông đi tới.

Một viên sĩ-quan (hoặc thiếu - tướng, hoặc đại-tá), đứng nghiêm ở cửa phòng hội-đồng, giờ tay chào. Ông Viện-trưởng chào lại rồi bước vào. Bấy giờ hai dãy lính mới tản ra, cơ nào về cơ ấy.

Mỗi lần có một ông Nghị cao tuổi, có ông Viện - trưởng mới lên, hoặc có ông Phó viện-trưởng, lần thứ nhất đến làm chủ-tịch, khai một buổi họp, lại có nhiều ông Nghị, nhiều nhà báo, nhiều công-chức tò-mò, đứng sau hai dãy lính để xem ông này cử-chỉ thế nào. Kể ra thì nếu không quen, cũng hay ngượng - nghịu, vì mình đi giữa, hai sĩ - quan cầm kiếm đi hai bên ; suốt một quãng, phải chào, phải khẽ nghiêng mình nhiều lần, có khi phải quay hẳn lại sau, vậy mà làm cho tự-nhiên được cũng không là dễ.

Trong khi đó thì phưong nhạc của đội phòng-thành vẫn cử. Những tay trống của phưong này rất giỏi, lúc thì đánh mớm những tiếng nhẹ mà êm như ru, lúc thì đánh mạnh mà rền, khiến người đứng gần đấy có thể nhắm mắt lại cũng đoán biết được rằng lúc nào ông Viện-trưởng đi gần đến nơi, lúc nào ông đang đi qua, lúc nào ông đã đi khỏi.

Ông Georges Buisson là Phó-trưởng-ban tốc-ký, từng làm ở Viện lâu năm (từ trước khi ông Barthou được bầu vào đó), trong quyền sách nói về Viện, có nhắc đến ông Charles Dupuy, năm 1893, được bầu làm Viện-trưởng, hai buổi vào phòng hội-

đồng đều không chào lại viên đại-tá đã chào ông trước, không rõ vì ông cảm-động hay vì ông dăng chí. Sau có mấy người bạn ông nhắc cho ông nghe việc đó. Hôm thứ ba, sau khi đáp-lễ viên sĩ-quan kia, ông nói : « Luôn thể, tôi xin trả lại đại-tá hai bạn trước », rồi ông nghiêng mình đáp-lễ luôn hai lần. Hôm đó, ông Dupuy đã tỏ ra rằng mình ý-nhị, cũng như hôm 9 Décembre 1893, ông đã tỏ ra rằng mình can-đảm và tĩnh-tâm, sau khi trái bom của Vaillant ném đã nổ tung trong phòng hội-đồng, cả Viện nhốn-nháo, ông cất tiếng tuyên-bố một câu : « Xin các ngài cứ họp như thường ».

Khi ông Viện-trưởng vào trong phòng hội-đồng, viên thừa-phát-lại kỳ-cự nhất xướng to lên rằng : « Ông Viện-trưởng đã đến ». Ông Viện-trưởng thẳng đường lại cầu thang để lên chỗ ông ngồi (gọi là diễn-đàn của ông Viện-trưởng, xem trang 23 và 24). Hai bên lối ông đi, có những viên thừa-phát-lại đứng. Lên đến chỗ ngồi, ông còn cúi chào hai bên rồi mới ngồi. Trong phòng chưa có ông nghị nào, thành ra ông chỉ chào những viên trưởng ban tốc-ký và trưởng bộ thư-ký làm bài tường-thuật, nghe xướng rằng ông vào, họ vừa mới đứng cả lên.

Ngày trước có một ông Nghị, hơi khác với bạn đồng-viện, là suốt từ khi được bầu vào viện đến khi chết, không bạn nào lại không vào phòng hội-đồng trước khi ông Viện-trưởng tới. Đó là Trung-tướng De Maud'huy. Ông ta không muốn để ông Viện-trưởng vào nom trên các dãy ghế vắng tanh. Nghe thừa-phát-lại xướng, ông De Maud'huy đứng lên. Sau khi được ông Viện-trưởng cúi chào, ông mới ra « cu-loa », đặt thuốc vào miệng mà hút.

Khi ông Viện-trưởng đã ở trên ghế rồi, chuông điện trong các phòng, các « lối-di », kêu vang một tiếng dài, báo cho ai nấy biết. Luôn thể nói về cách báo hiệu bằng chuông : một tiếng dài là đầu buổi họp ; hai tiếng dài là có cuộc đầu-phiếu ; ba tiếng dài là buổi họp nghỉ hẵn ; bốn tiếng dài là buổi họp tạm nghỉ một lúc, và nghỉ xong lại họp.

Những dãy ghế dành cho các nhà báo cũng như những dãy ghế trong phòng hội-đồng, hầy còn vắng ngắt. Họ biết rằng tuy đã có chuông nhưng họ cũng còn được 15 phút nữa, lần-chần nghe-ngóng bên ngoài. Phần nhiều cứ 3 giờ mười-lăm, ông Viện-trưởng mới rung chuông khai buổi họp. Trên từng

hạ và từng thượng (xem trang 23) thì lại khác hẳn, chật ních những người, tưởng chừng như đến đồ đạc. Người trông nom về chỗ ngồi vẫn bị nhiều ông, nhiều bà, nhiều cô nài xin « các », nhưng chẳng còn một chỗ nào bỏ không. Chẳng biết làm thế nào, người ấy phải đưa cho những « khán-giả kiêm, thỉnh-giả » kia mỗi người một mảnh giấy biên số theo thứ-tự để có thể ở quanh-quần đó mà chờ ; nếu có ai bỏ chỗ ngồi ra về thì sẽ theo số trước sau đó mà lên ngồi. Những người này cảm-ơn nhân-viên kia mà nhận lấy giấy số, tưởng rằng đó hãy còn là một sự may-mắn, một « nước » hơn người. Nhưng hết đứng lại ngồi, hết ngồi lại đứng, lơ ra lửng vào mãi đến tối mịt, có khi mãi đến khuya, mà vẫn chẳng thấy ai bỏ phòng hội-đồng ra về trước khi tan buổi họp.

Trong khi nhiều ông Nghị còn tha-thần ở các nơi trong Viện, còn mãi chuyện-trò bàn-tán, có mấy ông lên chỗ ông Viện-trưởng ngồi, chào ông, rồi nói vài ba câu. Một lát, ông Viện-trưởng rung chuông. Đầu buổi họp, chương-trình nghị sự có mấy bản đề-án luật và mấy bản dự-cải-luật thường thường, không lấy gì làm quan-hệ, Viện quyết nghị cũng dễ. Phòng hội-đồng bây giờ mới đông được một phần chia ba. Trên dãy ghế dành cho các ông Tổng-trưởng ngồi, chỉ thấy có vài ba ông có dính-dáng đến sự tranh luận về những dự-án hoặc dự-cải luật ấy. Làm việc chừng một giờ đồng-hồ thì xong.

Trong một giờ đồng-hồ này, nhiều người trong số « công chúng » ngồi xem, chẳng hiểu đầu đuôi ra làm sao, tưởng là buổi họp hôm nay chỉ quan-trọng có thế ; lại nghĩ thầm rằng hay là mình bị những tin đồn phao đánh lừa.

Sau, ông Viện-trưởng mới tuyên-bố rằng cuộc chất-vấn đã bắt đầu, và mời diễn-giả thứ nhất đã biên tên trên bảng lên diễn-đàn. Ông Tổng-lý nội-các nghe tin, cùng với nhiều ông Nghị vào phòng hội-đồng. Ở ngoài, hãy còn nhiều ông Nghị khác, chuyện vãn nở như gạo vàng, thuốc lá hút vẫn khói um, thư từ vẫn đang thảo. Các ông này biết rằng diễn-giả thứ nhất của phe phản-đối là một diễn-giả non choẹt, tài năng chưa có gì, chỉ màu ăn-nói dềnh-dàng mà không được việc. Những ông trong phòng thì liếc mắt, ngàng đầu nom trên hai từng gác, khẽ chỉ trỏ và nói truyện thì-thào với nhau. Diễn-giả thứ nhất nói xong, nhiều diễn-giả khác lần-lượt lên nói. Tay cuối cùng

nói một bài đã « cứng », cảm được nhiều ông Nghị ngồi nghe

Ông Tổng-lý Nội-các (thí-dụ là một ông có tài, như Poincaré, Briand, Viviani chẳng hạn) ngồi nghe lời-lẽ của mấy diễn-giả là như thế. Khi họ nói xong rồi, ông mới đứng dậy xin nói. Tin đồn ông Tổng-lý Nội-các sắp đăng đàn để trả lời những bài diễn-văn chất-vấn, chỉ trong giây lát đã vang khắp cả trong Viện. Các « lối đi » đang náo-nhiệt om-xòm thế, tự-nhiên tĩnh ngay đi như không. Ông Nghị X. vừa ngồi vào viết bức thư, mới được có mấy chữ đã gấp vội ngay lại bỏ túi ; ông Nghị N. vừa mới châm được điếu xì-gà rất ngon, chưa kịp hút, vội ném phăng ngay vào ống phóng ; ông Y. vừa mới giần giọng để nói một câu, khiến anh em phục lăn hoặc cười ngất, nói chưa hết câu đã vội ngất đi rồi cùng với anh em chạy xô cả vào phòng hội-đồng. May mà phòng lại có những hai cửa lớn ! Ai nấy đều muốn nghe ông Thủ-tướng nói từ đầu, không mất một câu một tiếng nào. Đó là mọi người đã rõ cái tài của ông vậy.

Các ông Nghị vừa ai vào chỗ nấy xong thì ông Viện-trưởng tuyên-bố đến lượt ông Thủ-tướng đăng đàn. Ông này ung-dung bước mấy bậc thang lên, đến diễn-đàn, đứng ngay - ngắn nom suốt trong phòng một lượt, lại liếc mắt ra ngoài, biết là anh em đồng-viện ai nấy đều đã vào ngồi nghe mình, bấy giờ mới cất tiếng lên nói.

Ông nói một hồi, rồi xuống. Đồng-hồ chỉ bảy giờ rưỡi. Viện từ nãy đến giờ vẫn thỉnh thoảng vỗ tay, bấy giờ lại vỗ ran lên. Bài diễn-văn của ông đã cảm được rất nhiều bạn đồng-viện, nên ghế nào cũng thấy có tiếng xin hãy tạm nghỉ họp.

Tám giờ ! Viện lại họp. Suốt nửa giờ đồng-hồ bàn tán, cân-nhắc, ai nấy đã phải nhận rằng Nội-các vẫn vững. Những lời lẽ trong bài diễn-văn của ông Tổng-lý vừa rồi đã bẻ gãy vụn những lời lẽ của mấy chính-khách về phe phản-đối, vừa mới hào-hề bước xuống diễn-đàn. Nhiều ông Nguyên-lão Nghị-viên bỏ ra về, vài ba ông Nghị ở phe Chính-phủ cũng bắt chước, rồi nhiều ông ở phe phản-đối cũng lại bắt chước. Trong số những ông sau này, nhiều ông có ý buồn vì cái hi-vọng làm Tổng-trưởng, Thứ trưởng nuôi bấy lâu đang lớn như thổi, trong vài giờ đồng-hồ đã chẳng còn gì. Các ông về, nhưng bà vợ, lũ con và bạn thân các ông chưa chịu về vội, còn nán ở lại xem có sự gì bất lợi cho Nội-các thốt-nhiên xảy ra được không

Tranh luận qua-loa một lát rồi Viện quyết-nghị cuộc chất-vấn đã xong. Chín giờ ! Rồi nộp các bản khả-quyết. Rồi bỏ phiếu xem có nên tín-nhiệm Nội-các hay không. Nhiều ông Nghị còn len vào giữa các hàng ghế để vận-động một phen cuối cùng, hô-hào anh em nên bỏ phiếu thuận hay không thuận. Nhiều ông Nghị còn lên diễn-đàn bày tỏ ý mình sao lại bỏ phiếu tín-nhiệm hay không tín-nhiệm, nhiều ông tươi hơn-hớn, nhiều ông buồn rười-rượi, nhiều ông leo trèo trên các dây ghế chán rồi lại xuống phía trước diễn-đàn, chỉ tỏ nói cười, nhiều ông ngồi ngẩn mặt, chẳng nói chẳng rằng, nhiều ông còn tìm hết cách để trì-hoãn sự thua trận của phe mình lại, được phút nào hay phút ấy.

Mấy lần bỏ phiếu, mấy lần kiểm phiếu rất cẩn thận, mãi đến hai giờ sáng mới xong. Kết quả : Nội-các được hơn 400 phiếu tán-thành với ngót 200 phiếu công-kích. Phải phản-đối thật đã uổng công.

Thấy rõ Chính-phủ được đa-số rồi, nhiều người trong bọn người có « các », từ tối vẫn ngồi gan, bảy giờ mới chịu đứng dậy ra về. Các ông Nghị cũng chạy vội ra xem còn ô-tô không để về, thấy hãy còn nhiều. Thì ra bọn tài-xế nghe tin có buổi họp quan-trọng, họ đánh xe đến đợi suốt dọc đường Quai d'Orsay cũng nhiều. Lắm ông Nghị hay phòng xa, tuy thấy nhiều xe mà vẫn rủ nhau lên một chiếc ; lên cả trên xe rồi mới bàn qua với tài-xế xem nên đi thế nào để đưa ông nào về nhà ông nấy mà khỏi phí thì-giờ với ét-săng. Vì ông nọ nhiều khi ở rất xa nhà ông kia. Lo xa vẫn có hơn ! Nhiều ông ra muợn, hết cả xe, phải đi bộ rồi gặp đâu lên đấy. Nhưng phần nhiều phải đi bộ một mạch về tận nhà, chứ còn xe lơ-lửng đón khách đâu nữa.

Trong điện Bourbon bây giờ, chỉ còn lừng những mùi xì-gà thuốc lá. Cổng lớn bên ngoài từ từ đóng lại, lính vác súng đi canh gác mọi nơi. Nhiều nhân-viên đi soát các phòng một lượt. Ban tốc-ký thì làm việc suốt từ bảy giờ đến tang-tảng sáng, làm rất kỹ và rất nhanh, kỹ và nhanh đến nỗi mới tám giờ năm phút, theo lệ thường, Công-báo đã thấy phát-hành ở khắp Paris.

Những điều nói trong sách này

	Trang
Lời tuyên-ngôn của Đ. D. T. T.	1 đến 13
Bộ sách mười quyển, Đ. D. T. T. xuất-bản trong năm 1937 .	14
Nghị-Viện nước Pháp. — Tả cảnh trong Viện	15
Giải nghĩa thêm về chữ « lối đi » (couloir)	21
Cách-thức đầu-phiếu	21
Chỗ ngồi trong phòng hội-đồng	23
Bài tường-thuật suốt buổi họp	25
Thi-dụ một buổi họp để xem ban tốc-ký làm việc thế nào .	26
Ông Nghị xem lại bài diễn-văn của mình trước khi in lên Công-báo	29
Nói qua về những bài sửa của nhà in	32
Sự thảo và đọc diễn-văn	33
Ông Nghị học thuộc diễn-văn rồi đứng đọc	36
Ông Nghị cầm diễn-văn mà đọc	37
Ông Nghị ứng-khẩu ra diễn-văn	38
Ông Maurice Ajam nói về diễn-văn	39
Ông Louis Barthou nói về cái tài nói của ông Camille Pelletan	41
Văn-sĩ Anatole France nói về cái tài diễn-thuyết	42
Ông Barthou nói về cái tài ứng-khẩu	43
Văn-sĩ Victor Hugo nói về tài ứng-khẩu	43
Ông Briand tỏ ý-kiến về việc « nói »	44
Ý-kiến của ông Eugène Pierre đối với diễn-văn	45
Nói về diễn-đàn	46
Ông Barthou luận về diễn-đàn	47
Sự sợ hãi của các ông Nghị khi lên diễn-đàn	48

Cốc nước nhấp giọng	52
Các ông Nghị ưa dùng thứ nước gì	54
Thì giờ nói của diễn-giả	55
Các ông Nghị nói nhanh đến thế nào	58
Sức nói khỏe của các ông Nghị	60
Cách cử-động của những ông Nghị trong khi diễn-thuyết	60
Tiếng nói của các ông Nghị	62
Thái-độ của các ông Nghị khi bị ngắt lời	64
Nghị-viên với luật-sư	65
Ông Viviani luận về tài diễn-thuyết ở Viện và tài cãi kiện ở Tòa	67
Ông Fernand Payen nói về tài ngôn-ngữ	68
Ông Corcos và nhiều ông nữa nhận thấy một sự thiếu- thốn đáng tiếc của những sinh-viên các trường luật	71
Viện đối với những bài diễn-văn có giá-trị thế nào	73
Vì lẽ gì mà lắm ông Nghị phải gắng-gượng lên diễn-đàn	74
Thí-dụ một buổi họp quan-trọng	76

Cải-chính

In sót mất hai đoạn, nay xin thêm vào như sau này :

Trang 19, dòng 12, xin đọc là :

Bộ thư-ký biên-tập chuyên việc làm bài tường-thuật. Bài tường-thuật có hai thứ : một thứ đơn-giản (compte-rendu sommaire) một thứ cặn-kế hơn (compte-rendu analytique). Cả hai thứ cùng làm một lúc ; hội-đồng họp và làm việc đến đâu, bộ này thảo bài và cho in đến đấy, in ngay ở nhà in trong Viện, in xong phát cho.

Trang 29, dòng 34, sau hai chữ *thêm vào*, còn một câu :

Nhưng dẫu ông Nghị hay viên Trưởng ban tốc-ký có thêm có bớt có sửa chữa, cũng chỉ được thêm bớt hoặc sửa chữa lời văn mà thôi, nghĩa là khiến cho câu văn chỉnh thêm, hay là rõ nghĩa thêm, chứ không thể thêm bớt, sửa chữa những ý-kiến. Ý-kiến ông Nghị đã bày tỏ trên diễn-đàn thế nào là cứ phải giữ y như thế mãi. Vì hai bài tường-thuật của bộ biên-tập (xem trang 19), còn sờ-sờ ra đây kia. Những ý-kiến trong bài tường-thuật suốt buổi họp chép bằng lối tốc-ký phải đúng với những ý-kiến ghi trong hai bài đó. Mà hai bài này thì từ nhân-viên ban tốc-ký cho đến ông Nghị đều không được đọc đến, chứ đừng nói là thêm bớt nữa.

Giấy nhận mua

Bộ sách thứ nhất (gồm mười quyển, xem kỹ trang 14)
của Đông-Dương Tùng-Thư xuất-bản trong năm 1937.

Tên tôi là

ở

nhận mua bộ sách thứ nhất của Đ. D. T. T. xuất-bản
trong năm 1937, giá là 4\$00 và xin gửi kèm theo đây một
cái ngân phiếu (mandat) số

..... ngày 1937

(Ký tên)

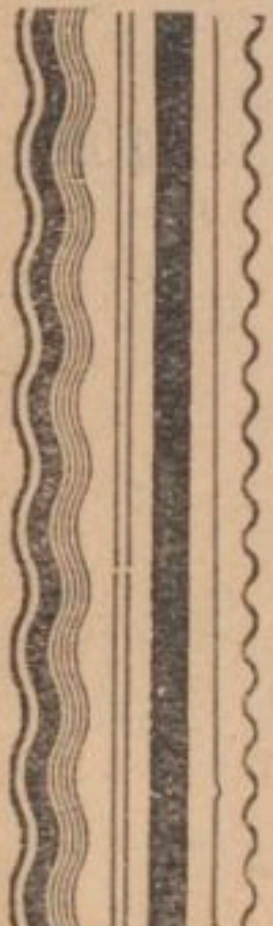
THƯ VÀ MANDAT GỬI CHO :
M. TRƯƠNG - ANH - TỰ
Đông-Dương Tùng - Thư
Số 61, Phố hàng Đầy (Rue Duvillier).

Nên mua ngay quyển sách thứ hai
của

ĐÔNG-DƯƠNG TÙNG-THƯ

MUỐN THÀNH-CÔNG

TRÊN ĐƯỜNG ĐỜI



mà xem cho biết những đức-tính
cần phải luyện, những trở-lực cần
phải đạp đổ đi, để phát-triển
các sức mạnh của tinh-thần, để
mà sống một cách mãnh-liệt
trong cái thời buổi gay-go này.

Sách dày ngót 100 trang,
in đẹp, giá : **0\$30**

HIỆU SÁCH
“BẮC-HÀ”

No 69, Rue Julien Blanc, HANOI



*Có rất nhiều sách mới và cũ,
~~~~ bán giá hạ ~~~~*

**NHẬN MUA SÁCH CŨ**

---



HÃY ĐÓN COI:

# Phải tự-cu'ò'ng!...

là một quyển kinh nhật-tụng, là một quyển sách “gõ đầu giường” của hết thảy những ai ở cái xã-hội Việt-Nam lúc này mà muốn sống một đời đáng gọi là « đời người »

Sách đặc-biệt xuất-bản của Đông-Dương Tùng-thư



Quyển sách thứ hai của Đ. D. T. T.

## MUỐN THÀNH CÔNG TRÊN ĐƯỜNG ĐỜI

*Những đức-tính người nước ta (nhất là thanh-niên) cần phải có để mà « sống » một cách mạnh-mẽ, trong cái thời - buổi gay - go này*

Nhà in riêng của « Đông-Dương Tùng-thư »

21 - Suối Lũ